

MỤC LỤC

Phần I	5
PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI LẬP QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ.....	5
II. CÁC CĂN CỨ THIẾT KẾ QUY HOẠCH.....	5
1. Văn bản quy phạm pháp luật.	5
2. Hệ thống văn bản của các cơ quan Trung ương và địa phương có liên quan.	7
3. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn, bản đồ và tài liệu tham khảo.	8
III. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐỒ ÁN.....	9
1. Mục tiêu.....	9
2. Nhiệm vụ.	9
IV. PHẠM VI NGHIÊN CỨU.....	9
1. Phạm vi nghiên cứu liên vùng.	9
2. Vị trí, phạm vi và niên hạn nghiên cứu quy hoạch.....	10
Phần II.....	11
CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ HIỆN TRẠNG	11
I. KHÁI QUÁT VỀ HUYỆN DIỄN CHÂU VÀ KHU VỰC NGHIÊN CỨU.....	11
1. Khái quát về huyện Diễn Châu.....	11
2. Khái quát khu vực nghiên cứu.....	12
II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN.....	13
1. Khí hậu.	13
2. Địa hình.	15
3. Địa chất công trình.....	15
4. Thủy văn.....	15
5. Tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên du lịch.	17
III. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT.....	22
1. Khu vực thị trấn.	22
2. Tổng hợp hiện trạng sử dụng đất.	22
3. Đánh giá các loại đất theo tính chất.....	23
IV. HIỆN TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI.....	25
1. Hiện trạng dân số - lao động.....	25
2. Hiện trạng kinh tế.....	26
3. Hiện trạng hạ tầng xã hội.	30
V. HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT	38
1. Hệ thống giao thông.....	38
2. Hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật.	41
3. Hiện trạng cấp nước & PCCC	44
4. Hiện trạng thoát nước thải và VSMT:	47
5. Hệ thống cấp điện:	49
6. Hệ thống thông tin liên lạc:	51
VI. PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ.....	54
1. Nước.....	54
2. Không khí.	56
3. Tiếng ồn.....	56
4. Đất.	57
5. Chất thải rắn.....	58
6. Hiện trạng môi trường sinh thái.....	58

7. Rủi ro môi trường khu vực ven biển.....	59
VII. CÁC QUY HOẠCH & DỰ ÁN LIÊN QUAN.....	60
1. Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.....	60
2. Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Đông Nam.	60
3. Quy hoạch vùng Duyên hải.	60
4. Một số dự án phát triển trong khu vực quy hoạch.....	61
5. Quy hoạch chung thị trấn Diễn Châu năm 2007.	62
6. Quy hoạch xây dựng vùng huyện Diễn Châu.....	65
7. Quy hoạch xây dựng chung xã.	66
VIII. ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG.....	66
1. Thuận lợi.....	66
2. Khó khăn.	67
3. Cơ hội.	67
4. Thách thức.	67
Phần III.....	68
CÁC TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ.....	68
I. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN.....	68
II. ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN.....	68
1. Các quan hệ ngoại vùng, nội vùng.....	68
2. Cơ sở kinh tế kỹ thuật tạo động lực phát triển đô thị.....	69
3. Tiềm năng khai thác quỹ đất xây dựng đô thị.	72
III. TÍNH CHẤT VÀ CHỨC NĂNG CỦA ĐÔ THỊ.....	72
IV. QUY MÔ DÂN SỐ, LAO ĐỘNG XÃ HỘI THEO CÁC DỰ BÁO.....	73
1. Quy mô dân số.....	73
2. Quy mô lao động.....	73
V. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TRONG PHẠM VI QUY HOẠCH:.....	73
VI. DỰ KIẾN CÁC KHU CHỨC NĂNG:.....	74
VII. CÁC CHỈ TIÊU, TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT:	74
1. Phạm vi quy hoạch.....	74
2. Thời hạn nghiên cứu.	74
3. Các chỉ tiêu sử dụng đất.	74
4. Các chỉ tiêu tầng cao xây dựng, mật độ xây dựng.....	74
5. Các chỉ tiêu công trình hạ tầng xã hội.....	75
6. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:	76
Phần IV.....	78
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ.....	78
I. Ý TƯỞNG QUY HOẠCH.....	78
II. SƠ ĐỒ CƠ CẤU VÀ PHÂN KHU CHỨC NĂNG:	78
1. Các phương án cơ cấu.....	78
2. Lựa chọn phương án.	79
III. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	79
1. Phương án chọn đất.....	79
2. Quy hoạch sử dụng đất.....	80
3. Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất:.....	81
IV. ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN:.....	82
1. Phân vùng tổ chức không gian phát triển.....	82
2. Định hướng phát triển không gian.	82
3. Khu Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.	87

4. Khu vực dân cư.....	87
5. Làng kinh tế biển.....	88
6. Các công trình tôn giáo, di tích lịch sử.....	88
V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT	89
1. Định hướng phát triển giao thông.....	89
2. Chuẩn bị kỹ thuật.....	91
3. Cấp nước.....	96
4. Định hướng phát triển hạ tầng phòng cháy chữa cháy.....	98
5. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang.....	100
6. Hệ thống cấp điện.....	102
7. Thông tin liên lạc.....	105
Phần V.....	109
THIẾT KẾ ĐÔ THỊ.....	109
I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI THIẾT KẾ ĐÔ THỊ	109
II. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ	109
III. NGUYÊN TẮC THIẾT KẾ ĐÔ THỊ	110
IV. NHỮNG NÉT ĐẶC TRƯNG VỀ KHÔNG GIAN CẢNH QUAN	111
V. CẤU TRÚC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ	111
1. Bố cục không gian quy hoạch.....	111
2. Giải pháp thiết kế đô thị cho các khu vực quan trọng.....	112
VI. PHÂN VÙNG VÀ CƠ CẤU KIẾN TRÚC CẢNH QUAN	112
1. Không gian cảnh quan trục Quốc lộ 1A.....	112
2. Không gian trục cảnh quan trung tâm Diễn Hoa đi Diễn Kim.....	113
3. Không gian cảnh quan trục Quốc lộ 7.....	113
4. Không gian trục dọc cảnh quan trung tâm Diễn Thành- Diễn Hoa.....	113
5. Khu vực cảnh quan khác.....	114
6. Cảnh quan khu vực dân cư.....	114
VII. MỘT SỐ QUY ĐỊNH TRONG QUY HOẠCH VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ.....	114
1. Quy định tổ chức không gian.....	114
2. Quy định về mật độ xây dựng, tầng cao xây dựng.....	115
3. Quy định về bảo vệ cảnh quan tự nhiên trong quy hoạch.....	116
Phần VI	118
ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC.....	118
I. TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG KINH TẾ -XÃ HỘI.....	118
1. Tác động tích cực.....	118
2. Tác động tiêu cực.....	118
II. TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA, LỊCH SỬ	119
1. Các tác động tích cực.....	119
2. Các tác động tiêu cực.....	119
III. TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG ĐẤT	120
1. Tác động tích cực.....	120
2. Tác động tiêu cực.....	120
IV. TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG NƯỚC.....	121
V. TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ	121
VI. CHẤT THẢI RẮN	122
VII. DỰ BÁO MÔI TRƯỜNG SINH THÁI.....	122
VIII. CÁC GIẢI PHÁP GIẢM THIỂU VÀ KHẮC PHỤC CÁC TÁC ĐỘNG CỦA MÔI TRƯỜNG.....	122
1. Các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường.....	122

2. Bảo vệ môi trường đất và hệ sinh thái trong khu vực quy hoạch.....	125
3. Các giải pháp ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu, nước biển dâng.....	125
IX. CÁC GIẢI PHÁP KIỂM SOÁT MÔI TRƯỜNG.....	129
1. Phương hướng chung.	129
2. Các giải pháp về kỹ thuật.	129
3. Chương trình quản lý giám sát môi trường.	131
Phần VII : CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ GIẢI PHÁP	
THỰC HIỆN QUY HOẠCH.....	133
I. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ.....	133
1.1. Nguyên tắc xác định các dự án ưu tiên đầu tư.....	133
1.2. Các chương trình chiến lược phát triển.	133
1.3. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư.....	133
II. CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỢT ĐẦU:	134
1. Nguyên tắc thiết kế.	134
2. Giao thông xây dựng đợt đầu.	134
3. Chuẩn bị kỹ thuật xây dựng đợt đầu.....	135
4. Cấp nước đợt đầu.....	135
5. Cấp điện đợt đầu.	135
6. Thoát nước thải, quản lý CTR nghĩa trang đợt đầu.	135
7. Tổng kinh phí ước tính xây dựng đợt đầu:.....	136
III. CÁC GIẢI PHÁP ĐỀ THỰC HIỆN:	136
1. Giải pháp về cơ chế, chính sách.	136
2. Giải pháp về huy động vốn đầu tư.....	137
3. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực.	138
4. Giải pháp về khoa học và công nghệ.	138
5. Giải pháp về quản lý và giám sát thực hiện quy hoạch.	138
Phần VIII.....	138
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ QUY HOẠCH XÂY DỰNG.....	138
I.YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG QUẢN LÝ.....	138
II. YÊU CẦU VỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ	139
III. YÊU CẦU VỀ CẬP NHẬT, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH.....	140
Phần IX	140
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	140
I.KẾT LUẬN.....	140
II. KIẾN NGHỊ	140
Phần X.....	142
CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ KÈM THEO.....	142

Phần I

PHẦN MỞ ĐẦU

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI LẬP QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ

Huyện Diễn Châu là huyện đồng bằng ven biển của tỉnh Nghệ An, địa bàn huyện trải dài theo hướng Bắc - Nam. Phía Bắc giáp huyện Quỳnh Lưu, phía Nam giáp huyện Nghi Lộc, phía Đông giáp biển Đông, phía Tây và Tây Bắc giáp huyện Yên Thành. Diện tích tự nhiên là **306,91 km²**, trong đó đất dùng cho sản xuất Nông - Lâm - Ngư nghiệp chiếm hơn một nửa. Huyện có 37 đơn vị hành chính gồm 36 xã và thị trấn Diễn Châu.

Là huyện có lợi thế với 25 km bờ biển, chạy dài từ xã Diễn Trung ra đến xã Diễn Hùng, nhiều cảnh quan đẹp, khí hậu biển mát lạnh, nhiều bãi tắm bằng phẳng phục vụ nghỉ mát, nguồn tài nguyên biển tương đối giàu hải sản và đa dạng đây là điều kiện rất thuận tiện để phát triển du lịch và kinh tế xã hội của địa phương. Về giao thông, Diễn Châu có Quốc lộ 1 và tuyến đường sắt chạy dọc Bắc - Nam, là điểm khởi đầu của Quốc lộ 7, Quốc lộ 7B nối với các huyện miền Tây tỉnh Nghệ An và nước bạn Lào, Quốc lộ 48 lên các huyện vùng Tây Bắc tỉnh Nghệ An, nơi đây đã sớm trở thành trung tâm giao lưu buôn bán sôi động và sầm uất không chỉ của huyện Diễn Châu mà còn là đầu mối thông thương với một số huyện của tỉnh Nghệ An.

Với nhiều lợi thế như trên cùng với nền tảng lịch sử phát triển và hình thành huyện Diễn Châu, luôn khẳng định vai trò, vị trí chiến lược quan trọng của tỉnh Nghệ An. Được sự quan tâm của các cấp chính quyền đề án Quy hoạch chung xây dựng mở rộng khu trung tâm huyện Diễn Châu và vùng phụ cận đã được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt tại Quyết định số 4876/QĐ.UBND-CN ngày 3/12/2007.

Một trong những định hướng lớn của quy hoạch tỉnh Nghệ An là định hướng huyện Diễn Châu trở thành thị xã. Do đó việc quy hoạch chung xây dựng đô thị Phủ Diễn mở rộng là hết sức quan trọng và cấp thiết, phát triển theo hướng đô thị dịch vụ thương mại, công nghiệp, du lịch sinh thái biển có kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ đạt tiêu chí loại IV, làm tiền đề cho huyện Diễn Châu trở thành thị xã trước năm 2030.

II. CÁC CĂN CỨ THIẾT KẾ QUY HOẠCH

1. Văn bản quy phạm pháp luật.

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 24/12/2018;
- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;
- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;
- Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;
- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về việc quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;
- Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi Nghị định 37/2010/NĐ-CP về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thủy lợi;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

- Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/05/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/05/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng ban hành Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành QCVN 01: 2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

2. Hệ thống văn bản của các cơ quan Trung ương và địa phương có liên quan.

- Nghị quyết số 39/NQ-TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030;

- Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 13/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 819/QĐ-TTg ngày 07/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 93/QĐ-TTg ngày 15/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung khu kinh tế Đông Nam đến năm 2040;

- Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 6103/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt “Quy hoạch hệ thống di tích trên địa bàn tỉnh Nghệ An định hướng đến năm 2030, tầm nhìn 2050”;

- Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX;

- Công văn số 3972/UBND-NC ngày 17/6/2021 của UBND tỉnh về việc bổ sung quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 28/09/2022 của UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Diễn Châu;

- Quyết định số 159/QĐ.UBND-XD ngày 14/01/2013 của UBND tỉnh Nghệ An về việc cho phép khảo sát lựa chọn địa điểm lập quy hoạch đô thị Phủ Diễn mở rộng, huyện Diễn Châu;

- Quyết định số 3857/QĐ.UBND-ĐTXD ngày 06/12/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Phủ Diễn mở rộng tỷ lệ 1/10.000, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An;

- Quyết định số 2485/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Quy hoạch vùng huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

3. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn, bản đồ và tài liệu tham khảo.

- Quy chuẩn quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01: 2021/BXD và các tiêu chuẩn khác có liên quan;

- Bản đồ khảo sát địa hình tỷ lệ 1/10.000 khu vực lập quy hoạch;

- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất huyện Diễn Châu đến năm 2030;

- Hồ sơ Quy hoạch vùng huyện Diễn Châu;

- Hồ sơ Quy hoạch Vùng Duyên Hải tỉnh Nghệ An;

- Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch khu kinh tế Đông Nam;

- Hồ sơ quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Các quy hoạch chuyên ngành, dự án khác có liên quan đến địa bàn khu vực nghiên cứu.

- Hồ sơ Quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã: Diễn Thành, Diễn Phúc, Diễn Tân, Diễn Hoa, Diễn Ngọc, Diễn Kỷ, Diễn Bích, Diễn Kim và Thị trấn Diễn Châu;

- Niên giám thống kê huyện Diễn Châu.

III. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐỒ ÁN

1. Mục tiêu.

- Cụ thể hoá định hướng quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị quốc gia; quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 và định hướng quy hoạch xây dựng vùng huyện Diễn Châu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050;

- Xây dựng và phát triển đô thị Phủ Diễn theo hướng đô thị dịch vụ thương mại, công nghiệp, du lịch sinh thái biển có kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ đạt tiêu chí đô thị loại IV, làm tiền đề cho huyện Diễn Châu trở thành thị xã trước năm 2030;

- Khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của khu vực trung tâm huyện Diễn Châu nhằm phát triển đô thị Phủ Diễn theo hướng bền vững, phù hợp với yêu cầu tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao vai trò, vị thế, lợi thế vị trí của đô thị Phủ Diễn, góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của huyện Diễn Châu và tỉnh Nghệ An, tạo giá trị phát triển mới để tăng sức cạnh tranh trong vùng.

- Làm cơ sở để xác định phạm vi mở rộng không gian phát triển đô thị, triển khai lập các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, lập dự án đầu tư và làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch.

2. Nhiệm vụ.

- Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế - xã hội; dân số, lao động ; sử dụng đất đai ; hiện trạng về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng xã hội, môi trường của đô thị ; điều tra, cập nhật các định hướng phát triển ngành, lĩnh vực để lồng ghép vào đồ án cho phù hợp thời điểm hiện tại ;

- Xác định mục tiêu, động lực phát triển cho đô thị trên cơ sở phát huy được các tiềm năng sẵn có của địa phương, đồng thời thu hút được các nguồn lực khác để đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa cho đô thị ;

- Điều chỉnh định hướng phát triển không gian đô thị Phủ Diễn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện Diễn Châu; xác lập các phạm vi bảo vệ cảnh quan môi trường sinh thái bền vững, đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị trong tương lai;

- Xây dựng các phân khu chức năng cho từng khu vực và có kế hoạch khai thác hiệu quả quỹ đất ; lồng ghép các tiêu chí của định hướng phát triển đô thị thông minh, đô thị xanh, đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu... cho đô thị.

IV. PHẠM VI NGHIÊN CỨU

1. Phạm vi nghiên cứu liên vùng.

Nghiên cứu vai trò của đô thị Phủ Diễn đối với huyện Diễn Châu cũng như mối quan hệ với các vùng phụ cận, khu vực Duyên Hải Nghệ An, các huyện trong tỉnh Nghệ An.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô diện tích và thời hạn quy hoạch.

- Đô thị Phủ Diên nằm cách Hà Nội 270 km về phía Nam. Cách thành phố Vinh về phía Bắc khoảng 40km theo đường Quốc lộ 1A. Có vị trí cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp: Các xã : Diên Hồng, xã Diên Hải và một phần phía Bắc xã Diên Kim.

+ Phía Nam giáp: Các xã: Diên Thịnh, Diên Lộc, Diên Thọ.

+ Phía Đông giáp: Biển Đông.

+ Phía Tây giáp: Các xã : Diên Cát, Diên Quảng, Diên Hạnh, Diên Xuân, Diên Tháp.

- Phạm vi quy hoạch đô thị Phủ Diên mở rộng bao gồm: Toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Diên Châu ; các xã: Diên Phúc, Diên Tân, Diên Thành, Diên Ngọc, Diên Kỷ, Diên Bích, Diên Hoa và một phần phía Nam thuộc xã Diên Kim, huyện Diên Châu.

- Thời hạn quy hoạch: Đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 (Giai đoạn đầu đến năm 2030).

- Tổng diện tích lập quy hoạch: 3.800,0 ha. Quy mô dân số đến năm 2040: 98.000 người.

Phần II

CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ HIỆN TRẠNG

I. KHÁI QUÁT VỀ HUYỆN DIỄN CHÂU VÀ KHU VỰC NGHIÊN CỨU

1. Khái quát về huyện Diễn Châu.

(1) Vị trí:

Huyện Diễn Châu là huyện nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh Nghệ An có tọa độ địa lý từ 105°30'13" đến 105°39'26" kinh độ Đông và 180°51'31" đến 190°11'05" vĩ độ Bắc. Phía Nam giáp huyện Nghi Lộc, phía Bắc giáp huyện Quỳnh Lưu, phía tây giáp huyện Yên Thành (tỉnh Nghệ An), phía Đông giáp biển Đông. Huyện Diễn Châu nằm cách thủ đô Hà Nội 270 km, cách thành phố Vinh 40 km. Huyện. Có đường Quốc lộ 1, Quốc lộ 48, Quốc lộ 7, Quốc lộ 7B, kênh Nhà Lê, sông Bùng, sông Lạch Vạn và Đường sắt Bắc Nam đi qua.

Diện tích tự nhiên là 30.690,87 ha chiếm gần 1,85% diện tích tự nhiên của Tỉnh, dân số 320.379 người chiếm 9.29% dân số của Tỉnh, tốc độ tăng dân số tự nhiên 1,1%. Toàn huyện có 36 xã và 01 thị trấn (trong đó: 01 xã miền núi, 04 xã bán sơn địa, 08 xã vùng biển, 23 xã còn lại là vùng trồng lúa và màu). Có vị trí cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp: Biển Đông (25 km đường biển);
- Phía Tây giáp: Huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An;
- Phía Nam giáp: Huyện Nghi Lộc, Nghệ An;
- Phía Bắc giáp: Huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

(2) Lịch sử hình thành huyện Diễn Châu:

- Thời nhà Đường: Năm 618 đến năm 907.
 - + Niên hiệu Vũ Đức chia quận Nhật Nam đặt làm: Đức Châu, Lạc Châu, Minh Châu và Hoan Châu;
 - + Năm Trịnh Quán nguyên niên đổi Đức Châu lại làm Hoan Châu, còn Hoan Châu cũ thì đổi làm Diễn Châu;
 - + Năm thứ 16 bỏ Diễn Châu hợp vào Châu Hoan.
- Thời nhà Lý: Năm 1009 đến năm 1225.
 - Bính Tý, năm thứ 3 (1036). Đặt hình dinh ở Châu Hoan, đổi tên châu ấy thành Nghệ An. Diễn Châu tách khỏi Nghệ An thì đứng riêng làm châu, Nghệ An lúc đó là vùng đất còn lại và tỉnh Hà Tĩnh ngày nay.
- Thời nhà Trần: Năm 1225 đến năm 1400.
 - + Năm Long Khánh thứ 3 đổi Diễn Châu làm Diễn Châu lộ, chia Hoan Châu làm 4 lộ: Nhật Nam, Nghệ An Nam, Nghệ An Bắc, Nghệ An Trung;

+ Năm Quang Thái thứ 10 đổi Nghệ An làm Lâm An trấn, Diễn Châu làm Vọng An trấn.

- Thời nhà Hồ: Năm 1400 đến năm 1407.

Đổi Diễn Châu làm Linh Nguyên Phủ, cùng với Thanh Hóa, Cửu Châu, ái Châu gọi là tứ phủ.

- Thời thuộc nhà Minh: Năm 1407 đến năm 1427.

Diễn Châu và Nghệ An là hai phủ riêng biệt.

- Thời nhà Hậu Lê: Năm 1427 đến năm 1789.

+ Phủ Diễn Châu thuộc Nghệ An thừa tuyên;

+ Năm Hồng Đức thứ 21 đổi thừa tuyên Nghệ An thành Xứ Nghệ.

Phủ Diễn Châu là một trong 8 phủ của Xứ Nghệ, quản lĩnh 2 huyện: Đông Thành (Yên Thành và Diễn Châu) và Quỳnh Lưu.

- Thời nhà Nguyễn: Năm 1802 đến năm 1945.

Năm Minh Mạng thứ 12 (1831), trấn Nghệ An chia tách thành 2 tỉnh: Tỉnh Nghệ An và tỉnh Hà Tĩnh; Phủ Diễn Châu là một trong bốn phủ của tỉnh Nghệ An, gồm: Đông Thành, Yên Thành, Nghi Lộc và Quỳnh Lưu.

- Năm 1919, chính quyền thực dân phong kiến bỏ cấp phủ: Huyện Đông Thành đổi tên thành huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

* Nhận xét: Diễn Châu là vùng đất có bề dày về lịch sử văn hóa (gần 1400 năm). Đây chính là minh chứng của sự phát triển theo thời gian, nơi đây trước kia là vùng quê trù phú sớm phát triển nghề buôn bán, dịch vụ cùng với hệ thống giao thông thuận lợi nên nhanh chóng phát triển về kinh tế, giao lưu tiếp xúc các nền văn hóa các huyện trong tỉnh, trong cả nước, ra với nước ngoài.

2. Khái quát khu vực nghiên cứu.

(1) Thị trấn Diễn Châu:

a. Lịch sử hình thành:

- Thị trấn Diễn Châu được thành lập sau chiến thắng lịch sử 30/4/1975. Để đáp ứng nhu cầu thiết yếu, phù hợp với tình hình phát triển đất nước nên cần xây dựng quê hương Diễn Châu xứng tầm với truyền thống lịch sử.

- Ngày 23/2/1977, Bộ trưởng - Chủ nhiệm Văn Phòng Phủ Thủ tướng Phan Mỹ ký Quyết định số 619/VP-TT thành lập thị trấn Diễn Châu thuộc huyện Diễn Châu.

- Thị trấn Diễn Châu được hình thành trên cơ sở một phần đất của xã Diễn Thành và một số cơ quan cấp huyện.

Sau khi thành lập thị trấn cùng được sự ủng hộ, giúp đỡ của nhà nước, UBND tỉnh, chính quyền địa phương, nhân dân... Cơ sở vật chất từng bước được xây dựng, từng ngày thấy được sự thay đổi. Các công trình trụ sở làm việc cơ quan, các cửa hàng, khách sạn, dịch vụ, các khu nhà ở, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị như giao thông, cấp thoát nước, cấp điện, thông tin liên lạc...vv ngày càng được củng cố xây dựng và phát triển.

b. Khái quát chung:

- Thị trấn Diên Châu hiện nay có diện tích **82,39** ha, gồm 5 khối, dân số **7080** người. Trong đó: Nam 3522 người chiếm 49.74%, nữ 3558 người chiếm 50.26% dân số toàn thị trấn. Mật độ **8593** người/km²

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật phát triển kinh tế xã hội như: Giao thông, thủy lợi, cấp điện, cấp nước, các cơ sở kinh tế, các cơ quan quản lý nhà nước, trường học, bệnh viện, công trình văn hóa, TDTT ...vv được xây dựng khá đồng bộ, đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất và đời sống sinh hoạt của nhân dân.

- Kinh tế những năm gần đây phát triển với tốc độ khá nhanh và ổn định, đáp ứng vai trò đầu tàu hạt nhân của huyện.

- Thu nhập người dân không ngừng được nâng lên, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày một cải thiện.

- Chính trị xã hội phát triển ổn định, an ninh quốc phòng đảm bảo cho sự phát triển kinh tế bền vững.

(2) Các xã trong phạm vi nghiên cứu quy hoạch:

- Các xã trong khu vực nghiên cứu gồm: Diên Phúc, Diên Tân, Diên Thành, Diên Ngọc, Diên Kỷ, Diên Bích, Diên Hoa và một phần phía Nam thuộc xã Diên Kim. Diện tích đất **3.800,0** ha, dân số **75.000** người.

- Hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội được tổ chức xây dựng đảm bảo yêu cầu quản lý, phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo phục vụ sản xuất kinh doanh, đời sống và sinh hoạt của nhân dân.

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Khí hậu.

- Khí hậu nằm trong vùng chịu ảnh hưởng của chế độ nhiệt đới gió mùa, chia hai mùa. Mùa Hè từ tháng 4 đến tháng 10 có gió Tây Nam khô nóng, mùa Đông từ tháng 11 đến tháng 03 có gió Đông Bắc lạnh ẩm.

- Nhiệt độ:

+ Trung bình năm: 23,4⁰C;

+ Cao nhất: 40⁰C;

- + Thấp tuyệt đối: 5,7 °C;
- + Mùa nóng từ tháng 4-10 Nhiệt độ trung bình 25 - 27 °C;
- + Mùa lạnh từ tháng 11-3 Nhiệt độ trung bình 18 °C;
- Chế độ mưa:
 - + Lượng mưa trung bình hàng năm: 1690 mm/năm;
 - + Phân bố thành hai mùa trong năm:
 - + Từ tháng 4 - 10 lượng mưa chiếm 89% lượng mưa cả năm thường gây ngập úng.
 - + Từ tháng 11 - 3 lượng mưa chiếm 11% lượng mưa cả năm thường gây hạn hán.
 - Độ ẩm, không khí và bốc hơi:
 - + Độ ẩm không khí: Bình quân cả năm 85%, những ngày có gió Tây Nam khô nóng độ ẩm có thể xuống tới 56%.
 - + Lượng bốc hơi: 986 mm/năm các tháng 12,1,2,3 lượng mưa bốc hơi thường lớn hơn lượng mưa 1,9-2 lần gây khô hạn. Các tháng 4,5,6 lượng nước bốc hơi tuy không lớn nhưng do ảnh hưởng của gió Tây Nam khô nóng kèm theo nhiệt độ cao cũng phần nào gây hạn hán.
 - Nắng:Số giờ nắng bình quân hàng năm là 1.700 giờ. Tháng 6, 7 nhiều nhất trên 200 giờ, tháng 1, 2 nắng ít nhất dưới 80 giờ.
 - Chế độ gió, bão:
 - + Đô thị Phủ Diễn chịu tác động của hai hướng gió chính là gió mùa Đông Bắc và gió mùa Tây Nam;
 - + Gió mùa Đông Bắc kèm theo mưa phùn nên nhiệt độ thấp gây rét lạnh từ tháng 11-3;
 - + Gió mùa Tây Nam khô nóng thường xuất hiện từ trung tuần tháng 4-9 có nhiều đợt, mỗi đợt từ 10-15 ngày;
 - + Là địa bàn thường chịu tác động đáng kể của bão trung bình 1 năm có 4-8 cơn bão đổ bộ vào đất liền. Bão kèm theo chiều cường và mưa lớn gây ngập úng và nhiễm mặn vùng diện tích ven sông Bùng.
 - Các yếu tố khác:
 - + Số ngày có sương mù bình quân: 28 - 30 ngày/năm;
 - + Số ngày có mưa phùn bình quân 50 - 55 ngày/năm;
 - + Số ngày có gió khô nóng bình quân 10 - 14 ngày/năm;

2. Địa hình.

Đô thị Phú Diễn là một đô thị đồng bằng ven biển có địa hình bị chia cắt bởi sông Bùng, sông Lạch Vạn, kênh Vách Bắc đi xung quanh khu vực. Cao độ từ 0,50m đến 3.60m.

3. Địa chất công trình.

- Đô thị Phú Diễn nằm trên trầm tích biển - bề dày lớp trầm tích lớn. Đất có thành phần cơ giới trung tính đến đất thịt mặn, tỷ lệ đất sét cao nên thường chặt, dính, mùn 1,28 - 2,28%. Độ PH_{tb} = 6,6-6,9;

- Khi xây dựng cần chú ý công tác gia cố nền và công trình theo các tiêu chí kỹ thuật đảm bảo an toàn. Tuy nhiên việc điều tra chưa được tiến hành, do vậy khi xây dựng công trình cần có điều tra cụ thể hơn (đặc biệt là khảo sát về địa chất).

4. Thủy văn.

(1) Nguồn nước ngầm:

Tuy chưa được thăm dò khảo sát toàn diện nhưng qua số liệu thu thập được cho thấy nguồn nước ngầm của khu vực quy hoạch cũng khá dồi dào. Mức độ nông, sâu thay đổi tùy theo địa hình và lượng mưa trong mùa, thường vùng đồng bằng và ven biển có mực nước ngầm nông, vùng đồi núi nước ngầm sâu hơn và dễ bị cạn kiệt vào mùa khô. Chất lượng nước ngầm nhìn chung khá tốt, có thể sử dụng trong sinh hoạt và sản xuất. Tuy nhiên ở khu vực ven biển thường bị nhiễm mặn về mùa khô, do thủy triều lên.

(2) Nguồn nước mặt:

Nguồn nước mặt quan trọng nhất trên địa bàn khu vực quy hoạch được cung cấp bởi hệ thống sông ngòi, hồ đập, hệ thống thủy nông bắc Nghệ an và lượng mưa hàng năm. Đảm bảo nguồn nước cung cấp cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt đời sống của nhân dân của các xã phía trên cống ngăn mặn. Các xã vùng cửa sông và bãi ngang do bị nhiễm mặn khá sâu nên hạn chế khả năng sử dụng nước cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt đời sống của nhân dân.

a. Sông Bùng: Là sông nội tỉnh, đoạn chảy qua khu vực thiết kế dài 30km. Lưu vực sông rộng 378km² (đồi núi 155 km², đồng bằng 223 km²) Sông suối thuộc lưu vực có đặc điểm ngắn, chảy quanh co, hệ số uốn khúc lớn. Chế độ dòng chảy vùng sông Bùng phụ thuộc chủ yếu vào chế độ thủy triều biển.

+ Mực nước lũ sông Bùng; H_{max}: +3,50m.

+ Mực nước trung bình mùa kiệt: + 0,8m.

+ Mực nước cửa sông Bùng tại tổ hợp bất lợi nhất (Thời điểm triều cường gặp bão, lũ lớn): H_{max} = + 3,3 m.

- Lưu vực sông Bùng có tổng lượng dòng chảy năm trung bình là $602 \times 106 \div 626 \times 106 \text{ m}^3$ tương ứng với Môduyn dòng chảy năm từ $25 \div 26 \text{ l/s.km}^2$. Tuy nhiên dòng chảy tháng kiệt nhất chỉ đạt trung bình từ $90,6 \times 106 \div 124 \times 106 \text{ m}^3$, còn lại tập trung vào 4 tháng mùa mưa lũ.

- Phân phối dòng chảy năm không đều theo không gian và thời gian. Tháng kiệt nhất là tháng III, IV, lượng dòng chảy năm rất nhỏ chỉ đạt $7,28 \times 106 \div 7,57 \times 106 \text{ m}^3$, chiếm tỷ lệ 1,21% dòng chảy năm. Kiệt ngày thường xảy ra vào tháng VII khi mà gió mùa Tây Nam khô nóng hoạt động mạnh, Môduyn kiệt ngày rất nhỏ chỉ đạt $0,04 \text{ l/s.km}^2$ ngày 3/7/1973.

- Theo tài liệu đo đạc thủy triều Lạch Vạn, cửa sông Bùng, mùa kiệt đỉnh triều trung bình từ $1,3 \div 1,4$ (chiếm 60% số đỉnh đã xuất hiện trong liệt quan trắc 15 năm), đỉnh triều cao nhất 1,79m (21 giờ ngày 2/2/1972).

- Mùa lũ đỉnh triều do ảnh hưởng của bão nên rất cao, điển hình lũ tháng 7/1971 đã tạo nên đỉnh triều tại cửa Lạch Vạn cao +2,27m; Đặc biệt ngày 22/8/1978, bão số 3 trực tiếp đổ bộ vào Diễn Châu, sóng triều của Lạch Vạn lên tới +3,4m; Bão số 9 tháng 10/1989 triều cửa Vạn lên tới 3,5m tạo nên con đỉnh triều lịch sử.

- Ranh giới nhiễm mặn trung bình lấn sâu vào sông cách biển khoảng 10km đến cầu Lôi trên Quốc lộ 1A.

- *Chất lượng nước*: Đây là vùng cửa sông, cuối của dòng chảy dễ bị ô nhiễm do tích đọng các hóa chất không được phân hủy và không được pha loãng gây ra ô nhiễm, mặt khác đoạn cửa sông Lạch Vạn chất lượng nước bị ảnh hưởng chủ yếu do xâm nhập mặn. Theo tài liệu đo đạc và tính toán xâm nhập mặn cửa Lạch Vạn cho thấy chế độ mặn ở đây tồn tại:

+ Mặn Nêm: Xâm nhập vào sông theo quy luật từ cửa sông vào nêm mặn bờ theo dòng đáy do triều nhồi lên, càng về thượng lưu lớp nước ngọt trượt trên nêm mặn càng dày và ra đến cửa Lạch Vạn cả dòng chảy mặt và dòng đáy đều bị mặn. Từ Cống Diễn Thủy, Diễn Thành lên thượng nguồn lớp nước ngọt khi triều lên còn dày mà vẫn có thể lấy nước vào cho sản xuất sinh hoạt được.

+ Mặn Rối: Lúc này vùng cửa sông gặp gió trướng do tác động của gió chế độ mặn nêm hiền hòa ở hạ du không còn giữ được hình thái mà dòng chảy ngược và xuôi vùng triều bị xáo trộn theo hướng từ đáy lên mặt gây ra tình trạng mặn mặt lớn lên, khi đó có lấy nước sinh hoạt và nước công nghiệp đều không thể thực hiện được. Hiện tượng này một năm có từ 5 - 7 lần vào những thời kỳ gió Lào hoặc gió Bắc xảy ra trong năm

b. Kênh Nhà Lê:

- Đoạn qua khu vực quy hoạch từ xã Diễn Tân đến cầu Bùng dài 16km: Trước năm 1997 đoạn này chịu ảnh hưởng của thủy triều, khi thủy triều kiệt lòng

kênh khô cạn, phần lớn do khai thác cát bừa bãi, gây xói lở, đất, cát, sỏi, sạn trên bờ trôi xuống bồi lấp lòng kênh. Khi thủy triều lên lòng kênh có mực nước từ 1.5 m - 2.0 m, bề rộng B = 8.0 m - 12.0 m đảm bảo thuyền 10 - 20 tấn đi lại được, tỉnh không ở chỗ các cầu T = 2.5 m, bề rộng B = 7.5 m. Dọc sông Bùng ngành thủy lợi đã xây dựng 2 cống ngăn mặn, cống Diễn Thủy 2 cửa chỉ mở khi nào nước úng trong đồng tràn Quốc lộ 1A, cống Diễn Thành 11 cửa chỉ mở khi nào nước trong đồng bị úng hoặc để thay chua rửa mặn, hàng tuần chỉ mở 2 lần cho thuyền vào ra.

- Đoạn Kênh Gấm từ cầu Bùng đến Diễn Vạn dài 7km: Do xây dựng 2 cống Diễn Thủy, Diễn Thành và giao thông đường bộ phát triển mạnh nên vận tải thủy giảm nhiều trên đoạn kênh này. Cá biệt có chỗ dân đắp thành ao. Vì vậy thuyền bè muốn đi từ cầu Bùng ra Quỳnh Lưu phải đi men theo bờ biển.

Hiện nay kênh Nhà Lê bị thu hẹp dòng chảy, trong tương lai cần nạo vét và mở rộng trả lại mặt cắt ban đầu của kênh.

c. Cửa Vạn: Còn gọi là Lạch Vạn thuộc xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, Cửa Vạn dài gần 2km nối với Sông Bùng. Cửa Vạn có B luồng luôn đảm bảo > 30.0 m, độ sâu H > 2.0 m, khi triều cường H = 3.5 m - 5.0 m, tàu 200 tấn đến 500 tấn ra vào được. Sau khi đập ngăn mặn cầu Bùng (Diễn Thủy) và đập ngăn mặn Diễn Thành hoàn thành, các phương tiện vào ra Cửa Vạn giảm dần. Hiện nay chỉ có các phương tiện đánh bắt hải sản của ngư dân vào nhiều nên tháng 7/2003 ngành giao thông vận tải đã xây dựng tại đây cột hải đăng cao 25.0 m.

5. Tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên du lịch.

(1) Tài nguyên đất:

Huyện Diễn Châu có diện tích đất tự nhiên là **306,91 km²**. Tài nguyên đất được đánh giá như sau:

- Đất phù sa: Là loại đất tốt, hơi chua đến trung bình, hàm lượng bùn từ trung bình đến khá, đạm tổng số khá, lân tổng số trung bình. Hầu hết diện tích nhóm đất này đã được sử dụng để trồng lúa, màu, cây công nghiệp ngắn ngày và làm đất thổ cư.

- Đất cát: Nằm dọc theo bờ biển, ít chua, nghèo mùn, kém màu mỡ, thích hợp với trồng cây công nghiệp ngắn ngày.

- Đất phèn mặn: Có thành phần cơ giới nặng, chua, hàm lượng mùn trung bình, lân tổng số nghèo, được sử dụng để trồng lúa nước nhưng năng suất chỉ đạt trung bình.

- Đất nhiễm mặn: Phân bố ở các địa hình thấp và trung bình ven biển. Phần lớn loại đất này đã được cải tạo để nuôi trồng thủy sản, làm muối, nhưng còn một số diện tích đang bị bỏ hoang.

- Đất đỏ vàng, nâu đỏ: Là đất phong hóa của đá (philit, phiến thạch mica, gonai) loại đất này thích hợp trồng hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày, trồng rừng,...vv

- Đất xói mòn tro sỏi đá: Phân bố trên khắp các đồi núi chạy dọc theo đồng bằng và nơi đồi núi tiếp xúc với đồng bằng, đây là loại đất rất nghèo chất dinh dưỡng, không phù hợp cho canh tác nông nghiệp chỉ có thể nông lâm kết hợp.

* Nhận xét: Qua phân tích chúng ta thấy rằng ngoài phần đất phù sa vẫn được sử dụng cho sản xuất nông nghiệp. Các vùng đất như đất cát, đất phèn mặn, đất nhiễm mặn được quy hoạch cho nuôi trồng thủy sản, du lịch biển, cầu cảng,... thuận lợi cho các ngành kinh tế biển phát triển. Các loại đất còn lại như đất đỏ vàng, nâu đỏ, đất mòn tro sỏi đá, đất hoang hóa,... là các loại đất bạc màu, chịu tải tốt,... rất thuận lợi trong công cuộc xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình công cộng, đặc biệt là rất lý tưởng cho dựng các khu công nghiệp, các công trình đầu mối,... Khẳng định rằng: Tài nguyên đất rất thuận lợi để xây dựng, phát triển đô thị với tính chất thương mại dịch vụ - du lịch sinh thái.

Bảng II.2.1: PHÂN LOẠI ĐẤT THEO ĐỊA HÌNH

TT	Thành phần đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
01	Đất đồi núi	7405.30	22.96
02	Đất đồng bằng	16394.67	53.42
03	Vùng cát biển	7250.90	23.63
	Tổng cộng	30690.87	100.00

Bảng II.2.2: PHÂN LOẠI ĐẤT THEO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

TT	Mục đích sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
01	Đất nông nghiệp	23554.5	76.75
02	Đất phi nông nghiệp	6823.29	22.23
03	Đất chưa sử dụng	313.08	1.02
	Tổng cộng	30690.87	100.00

(2) Tài nguyên rừng:

Đất đồi núi có diện tích **6927.82** ha.

Bảng II.2.3: PHÂN LOẠI ĐẤT RỪNG

TT	Thành phần đất	Diện tích	Tỷ lệ
-----------	-----------------------	------------------	--------------

		(ha)	(%)
01	Đất rừng sản xuất	5452.25	78.70
02	Đất rừng phòng hộ	1475.57	21.30
	Tổng cộng	6927.82	100.00

(Nguồn: Theo số liệu phòng thống kê huyện Diên Châu)

Khai thác sản phẩm lâm nghiệp: Gỗ các loại 3.008 m³, Nhựa thông 6 tấn, song mây 78 tấn, tre luồng 23.000 cây. Các loại thực vật chủ yếu:

- Phi lao: Trồng ở các bãi cát ven biển xã Diên Thành, xã Diên Kim, xã Diên Hải, xã Diên Hùng.

- Thông, tre luồng, song mây, keo lá tràm,...vv trồng ở vùng đồi núi.

- Thảm thực vật ven biển đặc trưng hệ sinh thái rừng ngập mặn không chỉ góp phần làm đa dạng tài nguyên rừng mà còn có giá trị về mặt kinh tế, khoa học, du lịch và môi trường, như: Sú, đước, bần, vẹt,... trồng ở các vùng đất ngập mặn tại Lạch Vạn.

* Nhận xét: Rừng tự nhiên phần lớn là rừng nghèo kiệt do hậu quả của việc chặt phá rừng trong những năm trước đây. Do đó, một phần khu vực được đưa vào khoanh nuôi, bảo vệ phục hồi có hiệu quả. Rừng trồng chủ yếu là thông, bạch đàn, keo lá tràm,...vv Đây là vùng (xã Diên Phú, xã Diên Lợi) nguyên liệu cho phát triển chế biến công nghiệp thông nhựa của tỉnh trong tương lai. Vì vậy, nguồn tài nguyên rừng đã đóng góp một phần không nhỏ trong tiến trình xây dựng và phát triển thị xã.

(3) Tài nguyên biển:

Sản lượng khai thác Thủy - Hải sản toàn huyện Diên Châu là 19414 tấn, số lượng thủy sản nuôi trồng 24382 tấn. Phương tiện đánh bắt là tàu thuyền có động cơ là 1398 chiếc từ dưới 20CV đến 90CV trở lên.

- Bên cạnh đó, vùng biển Diên Châu với hơn 25km đường biển có tiềm năng nuôi trồng thủy sản là rất lớn. Chưa tính đến diện tích ao, hồ, ruộng trũng, sông cụt có thể nuôi trồng thủy sản nước ngọt. Tổng diện tích đất nuôi trồng thủy sản 644.68 ha.

- Tuy nhiên, do nằm gần các vùng du lịch sinh thái biển cho nên trong tương lai cần hết sức chú ý đến bảo vệ môi trường nhằm giữ hài hòa cho phát triển các ngành khác, đặc biệt là du lịch.

* Nhận xét: Như vậy, vùng biển Diên Châu có tiềm năng, có thể phát triển tổng hợp kinh tế biển: Khai thác chế biến và nuôi trồng thủy sản; phát triển ngành công nghiệp chế biến kết hợp với phát triển nông - lâm nghiệp ven bờ; phát triển du lịch biển, phát triển giao thông hàng hải. Đó cũng chính là động lực lớn góp phần xây dựng Diên Châu phát triển mạnh trong tương lai về du lịch - dịch vụ - thương mại.

(4) Tài nguyên nước:

- Nguồn nước mặt: Nguồn nước mặt chủ yếu từ các sông, suối, ao, hồ; Đó là nguồn tài nguyên nổi bật ở huyện Diên Châu; Bởi có dòng sông Bùng, sông Lạch Vạn, sông Con, đập Xuân Dương (xã Diễn Phú); kênh Vách Bắc. Bên cạnh đó, do nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, lượng mưa hàng năm của toàn tỉnh là rất lớn, do vậy tài nguyên nước khá dồi dào.

- Nguồn nước ngầm: Nước ngầm tại Diên Châu chưa được nghiên cứu đầy đủ. Qua khảo sát sơ bộ, đại bộ phận Diên Châu ít có khả năng khai thác nước ngầm với quy mô lớn, nước ngọt phân bố không đều, chủ yếu ở tầng nông.

* Nhận xét: Nguồn nước chính cung cấp cho Diên Châu là nguồn nước mặt từ hồ đập Xuân Dương, sông Bùng.

(5) Tài nguyên du lịch:

Diên Châu được ví như là viên ngọc của du lịch xứ Nghệ với 140 di tích, trong đó 37 di tích đã được xếp hạng, 14 di tích cấp Quốc Gia, 23 di tích cấp tỉnh. Có 6/8 cảnh đẹp của "Đông Yên Nhị Châu"- Dấu thiêng núi Mộ Dạ, Gò rồng Cao Xá, Trăng thu trên sông Bùng, Cánh buồm về cửa Bích, Kênh sắt oai trời, Thành đá phủ Diên Châu. Có thể kể ra một số tiềm năng du lịch nổi tiếng như:

- Biển Diên Thành: Bãi biển Diên Thành là bãi biển nằm gần ngã ba Diên Châu và dọc trục đường quốc lộ 1A. Tại đây có nhà thờ họ Cao Bá thuộc xóm 4, xã Diên Thành với những truyền thuyết của ông tổ đi mây, cưỡi gió cứu vớt người đi biển, lãnh đạo nhân dân quanh vùng chống bọn xâm lược Trung Quốc.

- Hồ Xuân Dương: Hay còn gọi là Đập Xuân Dương (Ba Ra Xuân Dương), là một hồ nước rất lớn được ngăn bởi dãy núi là Rú Dẻ và Rú Chạch (Bạch Y) và Rú Ba Chạng, thuộc xã Diễn Phú. Đây là nguồn cung cấp nước chủ yếu cho các xã ở phía nam Diên Châu.

- Lèn Hai Vai: Lèn Hai Vai thuộc địa phận ba xã: xã Diễn Bình, xã Diễn Minh và xã Diễn Thắng, còn gọi là Lưỡng Kiên Sơn, vì đứng xa xa trông giống như một chàng dũng sĩ hiên ngang. Chúa Trịnh Tĩnh Vương gọi núi này là Di Lặc Sơn.

- Bùng Giang Thu Nguyệt: Sông Bùng bắt nguồn từ một cái đầm ở xã Vân Hội, chảy đến thôn Phùng Xá, xã Tiên Lý, dần dần rộng ra tạo thành dòng sông nên gọi là sông Bùng.

- Cao Xá Long Cương: Thực chất đây là một bãi sò lớn thuộc địa phận hai làng Hương Cái và Tiên Lý, kéo dài từ Nam chân núi Mộ Dạ đến sông Ông Phùng. Sóng biển đánh vỗ sò lâu ngày chất thành đống, tạo thành những cồn bãi cao, sâu đến 4-5 thước. Gò rồng Long Cương chạy dài, cao lên ở phía gần ven biển, chiều dài chiếm khoảng 2/3 huyện Diên Châu.

- Rừng ngập mặn tại xã Diễn Kim, huyện Diễn Châu với diện tích hiện trên 180 ha, là nơi có nhiều loại giống thủy sản tự nhiên quý hiếm và có nhiều tiềm năng phát triển du lịch sinh thái.

- Cửa Hiền: Phía bắc chân núi Mộ Dạ là bãi biển cửa Hiền. Tại đây có miếu nàng My Châu. Đây là khu vực duy nhất của Nghệ An không có gió Tây Nam nóng bỏng vào mùa hè.

- Đền Cuông: Vào năm 208 trước công nguyên, do đánh thua Triệu Đà, Thục An Dương Vương đã cùng công chúa My Châu chạy nạn. Đến bãi biển cửa Hiền, xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, An dương Vương đã giết con gái tại đây và tuấn tiết dưới chân núi Mộ Dạ. Nhân dân đã lập đền thờ ngài ở đó. Lễ hội diễn ra trong vòng ba ngày 14-15-16 tháng 2 âm lịch hàng năm với các trò chơi dân gian như chọi gà, cờ người, đánh vật, đánh đu... Cùng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao như hát chầu văn, thi nét đẹp đền cuông, bóng bàn, kéo co, leo núi...

- Chùa Cổ Am: Di tích văn hóa quốc gia nằm trên lèn Hồ Lĩnh xã Minh Châu, huyện Diễn Châu.

-Di tích lịch sử Quốc gia: Nhà thờ Ngô Trí Hòa, Ngô Trí Vinh tại xã Diễn Kỷ; Khu di tích cách mạng 30-31 tại xã Diễn Ngọc.

- Di tích lịch sử cấp tỉnh: Nhà thờ Ngô Trí Tri tại xã Diễn Kỷ, Nhà thờ Đông các Đại học sỹ Thái Doãn Nguyên tại xã Diễn Hoa, Nhà thờ và khu lăng mộ Lê Đại Đạo tại xã Diễn Kỷ.



Nhà thờ Ngô Trí Tri



Đền tưởng niệm liệt sỹ

- Làng nghề: Diễn Châu là một huyện có rất nhiều làng nghề truyền thống. Một số làng nghề nổi tiếng như nghề đúc đồng ở Xóm Yên Thịnh, làng Cồn Cát (Diễn Tháp), nghề rèn ở Nho Lâm, Nước mắm Vạn Phần, nghề hát tuồng ở Lý Nhân,... Các làng nghề đóng cối xay, bện võng, đan bị, dệt vải, đan rổ rá, mộc, làm nón...

* Nhận xét: Như vậy, Diễn Châu nên tập trung đến phát triển du lịch hơn nữa để khai thác, phát huy thế mạnh của mình, đồng thời phải tạo lập mối quan hệ chặt chẽ bằng khung trục giao thông thuận lợi giữa các khu chức năng với nhau.

Đây là một trong những động lực lớn để thúc đẩy sự phát triển của huyện Diên Châu trong tương lai.

III. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

1. Khu vực thị trấn.

Diện tích khu vực thị trấn là 80.50 ha. Quỹ đất khu vực nội thị được khai thác khá và dần được lấp đầy, hiện nay đã đưa vào xây dựng khoảng 69.0 ha. Còn khoảng 11.50 ha đất dự phòng.

Bảng II.3.1: HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT KHU VỰC THỊ TRẤN

TT	Thành phần đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
01	Đất ở	32.00	39.80
02	Đất công trình công cộng	11.20	13.93
03	Đất cây xanh TDTT	6.40	7.96
04	Đất giao thông	10.40	12.94
05	Đất công nghiệp kho tàng	9.00	11.19
06	Đất dự phòng	11.50	14.18
	Tổng cộng	80.50	100.00

2. Tổng hợp hiện trạng sử dụng đất.

Tổng diện tích đất quy hoạch xây dựng đô thị Phủ Diễn mở rộng là **3.800,0** ha.

Bảng II.3.2: TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

TT	Thành phần đất	Hiện trạng	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
Tổng diện tích đất quy hoạch		3,800.00	100.00
I.	Đất dân dụng	1.407,77	37,05
1	Đất dịch vụ - công cộng đô thị	39,73	1,05
2	Đất hỗn hợp	94,00	2,47
3	Đất đơn vị ở	1.098,08	28,90
4	Đất cơ quan, trụ sở đô thị	12,15	0,32
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng đô thị	8,30	0,22
6	Đất giao thông đô thị	114,69	3,02
7	Đất hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị	40,82	1,07
II.	Đất ngoài dân dụng	2.392,23	62,95
1	Đất sản xuất công nghiệp, kho tàng	4,70	0,12
2	Đất trung tâm nghiên cứu, đào tạo	5,42	0,14

3	Đất dịch vụ, du lịch	16,44	0,43
4	Đất trung tâm y tế	2,85	0,08
5	Đất trung tâm văn hóa, thể dục thể thao	9,30	0,24
6	Đất cây xanh chuyên dụng	0,00	0,00
7	Đất cây xanh sử dụng hạn chế	57,94	1,52
8	Đất di tích, tôn giáo	5,32	0,14
9	Đất an ninh	3,74	0,10
10	Đất quốc phòng	10,72	0,28
11	Đất giao thông đối ngoại	42,63	1,12
12	Đất hạ tầng kỹ thuật khác ngoài đô thị	0,00	0,00
13	Đất sản xuất nông nghiệp	1.672,19	44,01
14	Đất lâm nghiệp	32,28	0,85
15	Đất nuôi trồng thủy sản	115,69	3,04
16	Đất dự trữ phát triển	0,00	0,00
17	Đất chưa sử dụng	55,31	1,46
18	Đất sông suối, kênh rạch	252,02	6,63
19	Đất mặt nước ven biển	105,68	2,78

3. Đánh giá các loại đất theo tính chất.

(1) Đất ở:

a. Đất ở khu vực Thị trấn:

Tại các khu ở cũ, mật độ dân cư ngày càng lớn, chất lượng các khu ở không hạn chế. Khu vực dọc đường Quốc lộ 1A, xã Diên Thành mật độ dân cư đã cao cộng thêm các khu ở chia lô, đô thị kết hợp thương mại tạo nên mật độ dân cư ngày càng cao, gây mất cân đối khu vực dân cư đô thị. Quy mô đất: 32.00 ha.

b. Đất ở khu vực ngoại thị:

- Hiện nay tuy là khu vực ngoại thị nhưng các xã như: Xã Diên Bích, xã Diên Ngọc và xã Diên Kỳ có mật độ dân cư tập trung khá cao.

- Đất ở nông thôn bị thu hẹp lại nhanh chóng do tốc độ đô thị hóa nhanh. Mặc dù có sự phát triển nhanh chóng nhưng nhìn chung đất ở khu vực nông thôn vẫn đang giữ được sự cân bằng cần thiết. Trong phát triển đô thị cần có sự quy hoạch phù hợp, không phá vỡ sự cân bằng. Quy mô diện tích 1066,08 ha.

(2) Đất công trình công cộng:

- Các công trình công cộng hiện nay chủ yếu tập trung dọc tuyến đường Quốc lộ 1A khu vực thị trấn. Còn các khu vực khác đã hình thành khu trung tâm hành chính công cộng cấp xã.

- Quy mô diện tích đất công cộng 12,5 ha.

(3) Đất cây xanh:

- Hệ thống cây xanh mặt nước tự nhiên đa dạng, phong phú nhưng chưa có khu cây xanh tập trung lớn trong đô thị. Hệ thống ao hồ chủ yếu đang nuôi trồng thủy sản và đang bị thu hẹp dần, các vùng cảnh quan đang bị xâm hại. Quy mô diện tích đất khoảng 8,3 ha.

- Hệ thống cây xanh công viên, vườn hoa còn thiếu và chưa thu hút, các khu đô thị chưa chú trọng tới phát triển đất cây xanh và phân bố không đều. Vì vậy lợi ích cộng đồng chưa được phát triển một cách đồng đều.

- Dải cây xanh sinh thái dọc sông Bùng, sông Lạch Vạn được chú trọng phát triển nhưng chưa thực sự hiệu quả việc thu hút và phục vụ người dân.

(4) Đất công nghiệp:

Một số cụm công nghiệp nhỏ nằm tại xã Diễn Bích. Đã đầu tư phát triển khu công nghiệp Tháp - Hồng - Kỳ với nhiều ngành chức năng. Quy mô đất: 4,7 ha.

(5) Đất nông nghiệp:

Hiện nay khu vực thị trấn gần như là không còn các vùng sản xuất nông nghiệp. Khu vực các xã thì chủ yếu là đất phát triển nông nghiệp (trồng lúa, hoa màu) một số xã phát triển Diêm nghiệp (làm muối) như Diễn Kim, Diễn Bích, Diễn Ngọc. Quy mô diện tích đất nông nghiệp 1.672,19 ha. Quy mô diện tích đất nuôi trồng thủy sản 115,69 ha.

(6) Đất thương mại dịch vụ, dự án:

- Các công trình thương mại dịch vụ được phân bố tập trung tại thị trấn là chủ yếu điển hình như: Chợ Phủ Diễn, khu thương mại Mường Thanh, dọc đường Quốc lộ 1...vv. Riêng khu vực các xã đã hình thành các điểm tập trung buôn bán tư nhân và có khu vực Chợ riêng.

- Phía biển Diễn Thành (bãi cát, rừng phi lao) phát triển hệ thống dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng, đánh bắt hải sản.

- Một số dự án đã và đang được phê duyệt với nhiều lĩnh vực khác nhau như: Khu đô thị mới, các dự án hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, các dự án này chiếm phần lớn đất nông nghiệp gây sức ép về công ăn việc làm và đào tạo nghề cho nông dân. Vì vậy cần có những điều chỉnh theo xu hướng phát triển bền vững.

(7) Đánh giá đất xây dựng:

Bảng II.3.3: ĐÁNH GIÁ ĐẤT XÂY DỰNG

TT	Thành phần đất	Diện tích	Tỷ lệ
----	----------------	-----------	-------

		(ha)	(%)
01	Đất thuận lợi cho xây dựng	2.069,0	54,45
02	Đất ít thuận lợi cho xây dựng (độ dốc 8-15%)	231,0	6,08
03	Đất không thuận lợi cho xây dựng (có thể bị ngập úng)	1.027,0	27,03
04	Mặt nước (sông, hồ, ao...)	473,0	12,45
	Tổng cộng	3800,00	100.0

IV. HIỆN TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Hiện trạng dân số - lao động.

(1) Dân số, mật độ, biến động dân số (theo niên giám thống kê năm 2022).

- Dân số hiện trạng khu đất nghiên cứu quy hoạch là: **74.788** người (làm tròn **75.000** người) chiếm 23.4% dân số toàn Huyện 320.037 người.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên **1,02%**.

- Tỷ lệ tăng dân số cơ học **0,32 %**.

- Mật độ dân cư đô thị là **6.827** người/km².

- Mật độ dân cư khu vực quy hoạch là **2.062** người/km².

Bảng thống kê dân số đô thị Phủ Diễn

STT	Thị trấn, xã	2019	2020	2021	2022
1	Thị trấn	6,920	7034	7,080	7,064
2	Diễn Kỷ	11,160	11,232	11,468	11,479
3	Diễn Bích	11,592	11,674	11,776	11,794
4	Diễn Ngọc	14,778	14,881	15,057	15,103
5	Diễn Hoa	4,967	5,013	5,072	5,025
6	Diễn Thành	11,149	11,237	11,376	11,389
7	Diễn Phúc	4,948	4,980	5,048	5,001
8	Diễn Tân	7,823	7,896	7,951	7,933
9	Diễn Kim (1 phần bãi bồi)	0	0	0	0
Tổng		73337	73947	74828	74788

(2) Lao động (theo niên giám thống kê năm 2022).

- Lao động trong khu đất quy hoạch xây dựng đô thị Phủ Diễn là: 45.000 lao động (chiếm 60%).

- Phân chia lao động theo ngành nghề. Trong đó:

+ Lao động nông nghiệp: 15.700 người.

+ Lao động phi nông nghiệp: 29.300 người.

- Nhận xét: Tỷ lệ tăng dân số nữ cao hơn tỷ lệ dân số nam là do điều kiện tự nhiên của xã hội. Không có nhiều cơ sở kinh tế mang tính vùng như các công trình thương mại dịch vụ lớn, trung tâm du lịch, các trung tâm đào tạo và đặc biệt là các cơ sở sản xuất công nghiệp, do vậy tốc độ phát triển đô thị còn chậm.

2. Hiện trạng kinh tế.

(1) Huyện Diên Châu:

a. Về Nông - Lâm - Ngư nghiệp (theo niên giám thống kê năm 2022).

***Nông nghiệp:**

Sản xuất nông nghiệp ở một số xã đã chuyển dần sang nông nghiệp hàng hóa như mô hình dưa hấu, mô hình lúa chất lượng, mô hình dưa chuột, mô hình nấm rơm, nấm sò, nấm mỡ ...vv. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, nhất là các giống mới cánh đồng mẫu lớn, mô hình SRI nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

+ Trồng trọt: Lĩnh vực trồng trọt gặp nhiều khó khăn do thời tiết diễn biến bất lợi, giá vật tư tăng cao trong khi giá nông sản thấp, không ổn định gây nhiều khó khăn cho người dân.

- Cây lúa: Toàn huyện gieo trồng được 15.593 ha/17.000 ha, đạt 92%KH, sản lượng 100.743 tấn, giảm 10,4% so với cùng kỳ, trong đó: Diện tích lúa vụ Xuân 9.050 ha, đạt 101% KH, giảm 89 ha, năng suất 73 tạ/ha, giảm 1,0 tạ/ha so với cùng kỳ. Diện tích lúa vụ Hè Thu 6.543 ha, đạt 82% KH, giảm 1.457 ha, năng suất 53 tạ/ha, giảm 3 tạ/ha so với cùng kỳ.

- Cây ngô: Diện tích gieo trồng 2.638 ha, đạt 91% KH, giảm 244 ha, năng suất 51,2 tạ/ha, giảm 3 tạ/ha, sản lượng 13.509 tấn, giảm 13,7% so với cùng kỳ.

- Cây lạc: Diện tích gieo trồng 3.251 ha, đạt 103% KH, tăng 95 ha, năng suất 28,2 tạ/ha, giảm 4,5 tạ/ha so cùng kỳ, sản lượng 9.161 tấn, giảm 11,4% so với cùng kỳ.

- Rau màu các loại: Diện tích gieo trồng 3.450 ha, trong đó rau màu có giá trị 1.550 ha, năng suất 140 tạ/ha, sản lượng đạt 22.000 tấn.

+ Chăn nuôi: Tổng đàn trâu bò 27.000 con, giảm 6,4% so với cùng kỳ. Tổng đàn lợn 32.200 con, tăng 0,6% so với cùng kỳ, tổng đàn gia cầm 2,45 triệu con, tăng 6,3% so với cùng kỳ. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 19.100 tấn, đạt 100,5%KH, tăng 1,6% so với cùng kỳ.

*** Lâm nghiệp:**

Giá trị sản xuất ngành Lâm nghiệp (Giá SS 2010) ước đạt 21,6 tỷ đồng, đạt 117% KH, tăng 17,3% so với cùng kỳ. Khai thác, chuyển đổi 61,6 ha rừng sản xuất và rừng phòng hộ phục vụ thi công dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam.

Trồng mới 189 ha rừng tại các xã Diên Phú, Diên Trung, Diên Bích Diên Lâm, Diên Đoài, Diên Lợi và Minh Châu.

b. Thủy hải sản (theo niên giám thống kê năm 2022).

- Sản lượng thủy sản ước đạt 50.000 tấn, đạt 98% KH, tương đương cùng kỳ. Khai thác thủy sản tiếp tục gặp nhiều khó khăn do nguồn lợi thủy sản ngày càng suy giảm, bên cạnh đó giá nhiên liệu tăng cao gây ra nhiều khó khăn cho ngư dân, sản lượng khai thác ước đạt 42.900 tấn, đạt 97,5% KH, giảm 0,2% so với cùng kỳ. Nuôi trồng thủy sản phát triển khá và ít dịch bệnh, sản lượng nuôi trồng ước đạt 7.100 tấn, đạt 101,4% KH, tăng 1,4% so với cùng kỳ. Sản lượng nuôi tôm thẻ chân trắng ước đạt trên 1.550 tấn, đạt 158% KH, tăng 55% so với cùng kỳ.

c. Về công nghiệp, xây dựng (theo niên giám thống kê năm 2022).

* Công nghiệp:

Giá trị sản xuất CN-TTCN (Giá SS 2010) ước đạt 2.855 tỷ đồng, đạt 99,4% KH, tăng 19,8% so với cùng kỳ. Hoàn thành đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động các dự án sản xuất công nghiệp quy mô lớn, như: Mở rộng Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm giày dép Viet Glory Diên Trường (TMĐT 02 giai đoạn 1.173 tỷ đồng, tạo việc làm cho 6.000 lao động), Mở rộng Nhà máy may xuất khẩu Nam Thuận, Diên Mỹ (TMĐT 02 giai đoạn 218 tỷ đồng, tạo việc làm cho 2.000 lao động), Nhà máy sản xuất hàng may mặc xuất khẩu Mareep Diên Thịnh (TMĐT 178 tỷ đồng, tạo việc làm cho 1.000 lao động)... Năng lực sản xuất công nghiệp của các nhà máy được phục hồi hoàn toàn sau dịch Covid-19, các sản phẩm công nghiệp đạt mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ, như sản lượng may mặc đạt 21,2 triệu sản phẩm, tăng 29%, dày gia đạt 6,2 triệu sản phẩm gấp 2,6 lần cùng kỳ...

* Xây dựng:

Giá trị sản xuất ngành xây dựng ước đạt 6.200 tỷ, đạt 94,6% KH, tăng 28,4% so với cùng kỳ. Các dự án trọng điểm về giao thông của trung ương, tỉnh được đồng loạt triển khai trên địa bàn (Dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam, Dự án xây dựng tuyến đường ven biển Nghi Sơn - Cửa Lò, Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 7A, Dự án cầu vượt đường sắt N2, Dự án đường N2 thuộc Khu kinh tế Đông Nam...).

d. Về dịch vụ (theo niên giám thống kê năm 2022).

Giá trị sản xuất ngành dịch vụ (Giá SS 2010) ước đạt 5.500 tỷ đồng, đạt 109% KH, tăng 16,4% so với cùng kỳ. Dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát, các hoạt động kinh doanh của người dân và doanh nghiệp dần trở lại bình thường như trước khi dịch Covid-19 xuất hiện. Các ngành bán buôn, bán lẻ, dịch vụ lưu trú, ăn

uống tăng mạnh, lượng khách đến Khu du lịch biển Diễn Thành, Khu du lịch sinh thái Mường Thanh Diễn Lâm tăng nhanh.

(2) Khu vực nghiên cứu:

a. Tăng trưởng kinh tế (GDP):

So với mặt bằng chung của cả tỉnh, tuy tiềm năng phát triển của đô thị Phủ Diễn là có ưu thế, nhưng hiện trạng kinh tế vẫn chỉ ở trên mức trung bình. Hiện nay, đô thị Phủ Diễn đang trên đà phát triển, thu nhập bình quân đầu người cũng như trình độ dân trí ngày càng cao; kết quả là đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 ước đạt 60 triệu đồng.

b. Khái quát Nông - Lâm - Ngư nghiệp:

- Trong những năm qua, nông nghiệp phát triển theo hướng trồng cây lương thực sang sản xuất đa dạng. áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật về cây giống, cây con, chuyển đổi cơ cấu vụ mùa, sản xuất rau an toàn, hoa cây cảnh, phát triển nuôi trồng thủy sản.

- Nông nghiệp chưa mang tính sản xuất hàng hóa, năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm chưa cao, chưa đáp ứng nhu cầu.

- Sản phẩm nông nghiệp chủ yếu lúa, lạc, vùng, rau đậu các loại, hoa cây cảnh (chủ yếu sản xuất tại các xã như Diễn Kỷ, Diễn Hoa, Diễn Phúc, Diễn Tân, Diễn Thành).

- Khu vực Diễn Ngọc, Diễn Bích, Diễn Kim chủ yếu là đánh bắt và nuôi trồng, chế biến hải sản quy mô nhỏ (tôm, cá, cua, mực), nước mắm Vạn Phần (xã Diễn Ngọc).

c. Khái quát ngành công nghiệp và dịch vụ:

- Một số khu vực như xã Diễn Ngọc: Sản xuất bánh kẹo, mây tre đan, đóng tàu thuyền.

- Các ngành dịch vụ như: Thương mại, tài chính ngân hàng, du lịch, khách sạn phát triển nhanh chóng, ổn định và có hiệu quả cao.

* Hệ thống chợ, trung tâm thương mại:

Trung tâm thương mại lớn cấp đô thị và khu vực như: Chợ Phủ Diễn, Chợ Sy, trung tâm thương mại Mường Thanh, vvv cơ bản đảm bảo nhu cầu phục vụ, giao thương hàng hóa.

Hệ thống chợ cấp thị trấn, xã được xây dựng đều khắp các vùng. Tại mỗi xã đều có chợ dân sinh hoạt động. Đáp ứng trao đổi hàng hóa và phục vụ đời sống nhân dân.

Các khu dịch vụ chuyên doanh được hình thành như ở dọc đường Quốc lộ 1, tiếp nối đường Quốc lộ 7 đi xuống biển Diễn Thành.

* Hệ thống khách sạn dịch vụ và điểm tham quan du lịch:

- Khách sạn: 10 khách sạn.
- Nhà nghỉ: 28 nhà nghỉ.
- Nhà khách: 03 nhà khách.

Hệ thống khách sạn chủ yếu tập trung tại xã Diên Thành và Thị Trấn và dọc trục đường Quốc lộ 1A. Mùa du lịch các khách sạn chiếm gần hết phòng nghỉ, chất lượng phục vụ đáp ứng nhu cầu của khách du lịch.

- Các điểm tham quan du lịch: Khu vực quy hoạch đô thị Phủ Diên Mở rộng có một số điểm tham quan du lịch như:

- + Bãi biển Diên Thành, Bãi biển xã Diên Kim.
- + Xã Diên Kỳ: Nhà thờ họ Ngô, Nhà thờ và khu lăng mộ Lê Đại Đạo.
- + Xã Diên Hoa: Nhà thờ Đông các đại học sỹ Tháo Doãn Nguyên.
- + Du thuyền sông Bùng.

Bảng II.4.1: HIỆN TRẠNG CÁC CƠ SỞ KHÁCH SẠN, LƯU TRÚ

TT	Tên khách sạn, nhà nghỉ, nhà khách	Địa chỉ	Số Phòng	Số giường	Lao động
01	Khách sạn Đại Dương	Biển Diên Thành	54	100	16
02	Nhà nghỉ Biển Nhớ	Biển Diên Thành	13	20	01
03	Nhà nghỉ Hồng Thuyền	Biển Diên Thành	06	06	02
04	Khách Sạn Hoa Phượng Đỏ	Biển Diên Thành	31	60	04
05	Nhà nghỉ Thành Vinh	Biển Diên Thành	12	12	05
06	Nhà nghỉ Biển Mơ	Biển Diên Thành	04	04	02
07	Khách sạn Hoa Biển A-B	Biển Diên Thành	74	125	13
08	Khách sạn Sen Vàng	Biển Diên Thành	40	60	35
09	Nhà nghỉ Liễu Châu	Xóm 3 Diên Thành	06	06	03
10	Nhà Nghỉ Lan Hương	Xóm 3 Diên Thành	06	09	03
11	Nhà nghỉ Đăng Dương	Xóm 3 Diên Thành	06	06	02
12	Nhà nghỉ An Phú	Khối 6 Thị Trấn	09	15	03
13	Nhà nghỉ Xuân Thịnh	Biển Diên Thành	04	04	02
14	Nhà nghỉ Trường Thanh	Biển Diên Thành	04	04	01
15	Nhà nghỉ Ngọc Viễn	Biển Diên Thành	05	05	02
16	Nhà nghỉ Lễ Nguyên	Biển Diên Thành	04	04	01
17	Nhà nghỉ Nguyễn Thị Xuân	Biển Diên Thành	04	04	01

18	Khách sạn Bình Minh	Biển Diễn Thành	70	70	30
19	Nhà Khách Thương mại	Khối 4 T.trần DC	08	13	05
20	Nhà nghỉ Hà Nội	Khối 3 T.trần DC	08	16	02
21	Nhà nghỉ Phương Anh 1	Khối 4 T.trần DC	04	04	01
22	Nhà nghỉ Phương Anh 2	Khối 4 T.trần DC	06	08	02
23	Nhà nghỉ Phương Quân	Khối 4 T.trần DC	04	04	01
24	Khách sạn Phú Diễn	Khối 4 T.trần DC	12	24	04
25	Nhà khách huyện ủy	Khối 3 T.trần DC	02	06	01
26	Nhà khách 15B	Khối 2 T.trần DC	17	34	04
27	Nhà nghỉ Minh Thu	Khối 7 T.trần DC	02	02	01
28	Khách sạn Mường Thanh	Khối 3 T.trần DC	60	200	80
29	Khách sạn Hồng Ngọc	Khối 4 T.trần DC	9	10	03
30	Nhà nghỉ Sáu Thủy	Khối 4 T.trần DC	9	10	03
31	Khách sạn Thương Mại	Khối 4 T.trần DC	48	60	50
32	Nhà nghỉ Ngô Thị Quyên	Khối 4 T.trần DC	02	02	01
33	Nhà nghỉ Cao Xuân lộc	Khối 4 T.trần DC	02	02	01
34	Nhà nghỉ Phan Xuân Uyên	Khối 4 T.trần DC	02	02	01
35	Nhà nghỉ và Cà phê	Thôn 7 Diễn kỷ	04	07	02
36	Nhà nghỉ Hương Lan	Thôn 7 Diễn kỷ	10	10	05
37	Nhà nghỉ Hùng Lan	Thôn 5 Diễn kỷ	11	11	01
38	Nhà nghỉ Như ý	Thôn 7 Diễn kỷ	06	08	01
39	Nhà nghỉ Thu Thắng	Thôn 7 Diễn kỷ	08	09	06
40	Nhà nghỉ Việt Thành	Xóm 6 Diễn Thành	15	20	02
41	Nhà nghỉ Hoàng Vũ	Xóm 5 Diễn Thành	15	25	03

* Hệ thống ngân hàng:

Hiện nay hệ thống ngân hàng chủ yếu tập trung tại khu vực thị trấn, dọc đường Quốc Lộ 1 của xã Diễn Thành. Khoảng 10 ngân hàng tập trung như: Vietcombank, Viettinbank, Saccombank...vv.

3. Hiện trạng hạ tầng xã hội.

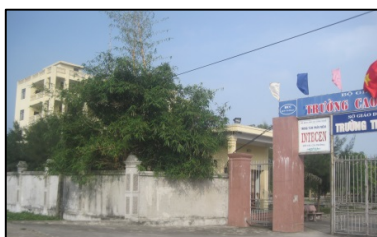
(1) Hiện trạng công trình Giáo dục:

Trong khu vực có 28 trường học. Tổng diện tích 23,6ha.

- 08 trường mầm non (05 trường đạt chuẩn quốc gia).
- 09 trường tiểu học (08 trường đạt chuẩn quốc gia).
- 07 trường trung học cơ sở (04 trường đạt chuẩn quốc gia).
- 03 trường phổ thông trung học.
- 01 trường cao đẳng (trường cao đẳng Hữu Nghị).



Mầm non Diễn Vạn



Cao Đẳng Hữu Nghị



THCS Diễn Tân

- Tổng học sinh: 12.696 người.
- Tổng giáo viên: 1.127 giáo viên.

* Nhận xét: Ngoài các trường đạt chuẩn lần này cần ưu tiên nâng cấp các trường chưa đạt chuẩn.

Bảng II.4.2: HIỆN TRẠNG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

TT	Tên trường	Học Sinh	Giáo viên	Diện Tích	Địa điểm	Ghi chú
01	Xã Diễn Bích					
	Trường mầm non	437	32	2100	Xóm Quyết Thành	
	Trường tiểu học	964	57	5.133	Xóm Hải Đông	Đạt chuẩn năm 2011
	Trường THCS	714	58	14600	Xóm Hải Trung	Đạt chuẩn năm 2008
02	Xã Diễn Hoa					
	Trường Tiểu học	326	25	5043	Xóm 3	Đạt chuẩn năm 2012
	Trường Mầm non	192	25	3140	Xóm 3	Đạt chuẩn năm 2011
03	Xã Diễn Phúc					
	Trường Mầm non	174	26	4350		Đạt chuẩn năm 2010
	Trường Tiểu học	234	21	4566	Thôn Tràng Thân	Đạt chuẩn năm 2004
04	Xã Diễn Tân					
	Trường Mầm non	240	20	2877		

	Trường Tiểu học	641	39	6200		Đạt chuẩn năm 2010
	Trường THCS	520	43	15430		
05	Xã Diễn Ngọc					
	Trường Mầm non	468	46	3000		
	Trường Tiểu học Diễn Ngọc 1	717	40	6883		Đạt chuẩn năm 2006
	Trường Tiểu học Diễn Ngọc 2	449	28	4535		
	Trường THCS Diễn Ngọc	842	71	29500		
06	Xã Diễn Kỷ					
	Trường Mầm non	456	50	5460		Đạt chuẩn năm 2011
	Trường Tiểu học	789	49	9700		Đạt chuẩn năm 2010
	Trường THCS	573	52	15754		Đạt chuẩn năm 2004
	Trường PTTH Quang Trung					
07	Xã Diễn Thành					
	Trường Mầm non	454	46	4603		Đạt chuẩn năm 2008
	Trường Tiểu học	951	54	7667		Đạt chuẩn năm 2008
	Trường THCS Cao Xuân Huy	539	49			
	Trường THCS	662	59	9780		Đạt chuẩn năm 2007
	Trường THPT Nguyễn Xuân Ôn		96	26043	Xóm 8- Diễn Thành	
	Trường cao đẳng Hữu Nghị			30771	Đường 7- xã Diễn Thành	
8	Thị trấn					
	Trường Mầm non	316	47	4441		Đạt chuẩn năm 2005
	Trường Tiểu học	696	42	6230		Đạt chuẩn năm 2007
	Trường THCS	472	52	8700		Đạt chuẩn năm 2012
	Trường THPT Ngô Trí Hòa			4401	Xóm 3- Thị Trấn	

(2) Hiện trạng công trình Y tế:

Trong khu vực có 10 đơn vị y tế. Tổng diện tích 4,3ha.

- 8 trạm y tế với 43 giường lưu bệnh nhân (07 trạm đạt chuẩn riêng trạm y tế thị trấn chưa đạt chuẩn).

- 01 bệnh viện đa khoa với 345 giường bệnh tại xã Diên Phúc (đạt chuẩn hạng 2 năm 2009).

- 01 trung tâm y tế huyện Diên Châu.

- Tổng nhân lực: 870 giường bệnh, 418 người. Trong đó: 81 bác sỹ và 337 y tá, điều dưỡng...

* Nhận xét: Hệ thống phân bố các điểm cơ sở y tế hiện nay trong khu vực quy hoạch nhìn chung đã và đang đáp ứng được nhu cầu và bán kính phục vụ cho người dân.

Bảng II.4.3: HIỆN TRẠNG CÁC CƠ SỞ Y TẾ

TT	Tên cơ sở	Giường lưu	Nhân lực	Diện tích (m2)	Ghi chú
01	Trạm y tế Thị Trấn	05	05 Y Tá 0 Bác sỹ	1071	Chưa đạt chuẩn BHYT chiếm 75%
02	Trạm Y tế Xã Diên Hoa	05	05 Y Tá 0 Bác sỹ	1000	Đạt chuẩn năm 2012 BHYT chiếm 62%
03	Trạm Y tế Xã Diên Phúc	05	05 Y Tá 1 Bác sỹ	1190	Đạt chuẩn năm 2012. BHYT chiếm 70%
04	Trạm Y tế Xã Diên Bích	06	06 Y Tá 0 Bác sỹ	1862	Đạt chuẩn năm 2012. BHYT chiếm 70%
05	Trạm Y tế Xã Diên Tân	05	04 Y Tá 1 Bác sỹ	1400	Đạt chuẩn năm 2013. BHYT chiếm 58%
06	Trạm Y tế Xã Diên Kỷ	05	06 Y Tá 1 Bác sỹ	2000	Đạt chuẩn năm 2012. BHYT chiếm 65%
07	Trạm Y tế Xã Diên Ngọc	06	06 Y Tá 1 Bác sỹ	1435	Đạt chuẩn năm 2012. BHYT chiếm 70%
08	Trạm Y tế Xã Diên Thành	06	05 Y Tá 1 Bác sỹ	1330	Đạt chuẩn năm 2012. BHYT chiếm 68%
09	Bệnh viện đa khoa	685	224 người		Đạt chuẩn năm 2009

	Diễn Châu	giường	40bác sỹ.		(Hạng 2)
--	-----------	--------	-----------	--	----------

(3) Hiện trạng công trình cơ quan, công sở và an ninh quốc phòng

a. Cơ quan, công sở:

- Các công trình trụ sở làm việc các cơ quan hành chính, cơ quan quản lý cấp huyện, cấp thị trấn, xã đều đã được xây dựng chính quy, có quy mô và chất lượng tốt đảm bảo nhu cầu phục vụ làm việc của từng cơ quan.



- Trụ sở các cơ quan hành chính cấp huyện chủ yếu tập trung tại thị trấn hiện nay hai bên đường Quốc lộ 1.

- Các công trình hành chính xã được xây dựng tại các trung tâm xã.



Tổng diện tích các cơ quan hành chính trong khu vực khoảng 66.58 ha, tầng cao từ 2 - 5 tầng. Các công trình trụ sở làm việc đáp ứng các chức năng làm việc.

* Nhận xét: Các công trình trụ sở làm việc các cơ quan hành chính, cơ quan quản lý cấp huyện, cấp thị trấn, cấp xã cơ bản đạt yêu cầu. Tuy nhiên còn phân bố rời rạc (cấp huyện) chưa tương xứng với cơ sở hạ tầng đô thị loại IV.

Bảng II.4.4: HIỆN TRẠNG CÁC CƠ QUAN, CÔNG SỞ

TT	Tên đơn vị, cơ quan	Diện tích (m2)	Địa điểm
I	Xã Diễn Bích		
01	Trụ sở UBND xã	1232	Xóm Hải Bắc
02	Trụ sở HTX Hải Bắc	127	Xóm Hải Bắc

03	Trụ sở HTX Hải Trung	132	Xóm Hải Trung
II	Xã Diễn Hoa		
01	Trụ sở UBND xã	2046	Xóm 5
02	Trụ sở HTX	121	
III	Xã Diễn Phúc		
01	Trụ sở UBND xã	4112	Xã Diễn Phúc
IV	Xã Diễn Tân		
01	Trụ sở UBND xã	4900	Xã Diễn Tân
VI	Xã Diễn Ngọc		
01	Trụ sở UBND xã	3417	Xóm Ngọc Văn
VII	Xã Diễn Kỷ		
01	Trụ sở UBND xã	3213	Xóm Xuân Khánh
02	Hạt GT	988	
03	Bưu Điện	326	
04	Trung tâm VH Xã Diễn Kỷ	11800	Xóm Xuân Khánh
VIII	Xã Diễn Thành		
01	Trụ sở UBND xã	3880	Xã Diễn Thành
02	TT Viễn Thông	3686	Xóm Xuân Đình
IX	Thị Trấn		
01	Trạm quản lý công Dt	1046	Khối 2
02	Phòng giáo dục đào tạo	1524	Khối 2
03	Phân viện điều tra QH rừng	4491	Khối 2
04	Trạm bảo vệ thực vật	1177	Khối 2
05	Chi cục Thuế Diễn Châu	1554	Khối 3
06	Xí Nghiệp GT 470	5295	Khối 3
07	BHXXH	864	Khối 2
08	Phòng công Chứng số 2	557	Khối 3
09	Ngân Hàng Chính Sách	1035	Khối 3
10	Hội Chữ Thập Đỏ	317	Khối 3
11	UBND Huyện	3613	Khối 3

12	Huyện ủy DC	5605	Khối 3
13	Viện Kiểm sát ND	1938	Khối 3
14	Trung Tâm Bồi Dưỡng Chính Trị	3057	Khối 3
15	Đài THDC	796	Khối 3
16	Tòa án Nhân Dân	2060	Khối 3
17	Trạm thú y	682	Khối 3
18	Quy hành án dân sự	718	Khối 3
19	Trung tâm dân số KHHGD	302	Khối 3
20	Hội người mù DC	1148	Khối 3
21	Khối Dân huyện Dc	1871	Khối 3
22	Cty cổ phần XNKNA	521	Khối 3
23	Kho bạc NN	911	Khối 3
24	Tổng kho dự trữ lương thực	5668	Khối 4
25	Buru Điện	2762	Khối 4
26	Ngân hàng NN&PTNT	2698	Khối 4
27	Ngân hàng đầu tư	2307	Khối 4
28	Đội thuế số 1 TT	398	Khối 4
29	Tập thể kho bạc	1050	Khối 6
30	TT giáo dục thường xuyên	2044	Khối 4
31	UBND Thị Trấn	2538	Khối 5
32	Trạm y tế Thị Trấn	1071	Khối 5
33	Kho bạc NN	2776	Khối 2
34	Kiểm lâm	5082	Khối 3

(4) Hiện trạng công trình văn hóa, thể dục, thể thao

a. Công trình văn hóa:

- Nhà văn hóa huyện, đài tưởng niệm liệt sỹ dọc tuyến đường QL1A và nhà văn hóa của các xã trên địa bàn.

- Đền liệt sỹ tại vị trí phía Nam đường QL7 hướng ra sông Bung có Quy mô diện tích là 2,15 ha.

- Các điểm di tích lịch sử đã được xếp hạng cấp Quốc gia và của Tỉnh.

b. Công viên – cây xanh:

- Hiện nay trong vùng quy hoạch chưa có công viên cây xanh tập trung
- Đã có quy hoạch khu cây xanh của thị trấn. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa triển khai xây dựng.

c. Công trình TDTT:

- Sân TDTT các xã đều đã được xây dựng. Diện tích 8,0ha.
- Sân vận động của huyện nằm tại xã Diễn Thành kết hợp với nhà thi đấu. Diện tích nhà thi đấu 2800 m².

Nhận xét: Hầu hết khu nghiên cứu chưa có công viên cây xanh, công trình TDTT tương xứng với quy mô phát triển của đô thị này.

(5) Hiện trạng công trình du lịch, dịch vụ, thương mại.

a. Du lịch:

Các công trình ngoài khách sạn còn có bãi biển Diễn Thành, biển Diễn Kim, hệ thống sông Bùng, sông Lạch Vạn và các điểm phục vụ du lịch khác trên địa bàn.

* Nhận xét: Là kinh tế mũi nhọn, thế mạnh của khu vực nên trong định hướng cần có kế hoạch phát triển cụ thể.

b. Dịch vụ, thương mại:

- Trung tâm thương mại và dịch vụ cấp đô thị và khu vực như: Chợ Phủ Diễn, Chợ Sy, trung tâm thương mại Mường Thanh...vv (Khoảng hơn 40 nhà nghỉ khách sạn và khoảng 185 đơn vị kinh doanh).

- Hệ thống chợ cấp thị trấn, cấp xã được xây dựng đều khắp các vùng. Tại mỗi xã đều có chợ dân sinh hoạt động.

- Các khu dịch vụ chuyên doanh được hình thành như ở dọc đường QL1, tiếp nối đường QL7 xuống biển Diễn Thành.

* Nhận xét: Thương mại và dịch vụ đang phát triển chủ yếu tập trung trên tuyến đường QL1. Tuy nhiên còn manh mún, nhỏ lẻ, quy mô công trình chưa tương xứng với đô thị loại IV. Ngoại trừ khu trung tâm thương mại Mường Thanh.

(6) Hiện trạng dân cư và nhà ở.

a. Khu vực thị trấn:

Chủ yếu là nhà kiên cố và bán kiên cố, tầng cao từ 1 - 4 tầng, hầu hết được xây dựng liên kết hai bên đường Quốc lộ 1A, Quốc lộ 7, đường xuống biển Diễn Thành,... Phần lớn nhà ở tại mặt đường là sử dụng mặt tiền làm cửa hàng buôn bán. Mặc dù hình thức buôn bán chưa được thực sự quan tâm, dịch vụ nhỏ lẻ phục vụ nhu cầu tất yếu của sinh hoạt dân cư.

b. Khu vực các xã:

Riêng các khu nhà ở tại xã Diễn Ngọc, Diễn Bích có độ xây dựng, hệ số sử dụng đất là rất cao. Nhà ở vào thôn xóm là kiểu nhà vườn với diện tích đất ở vườn tương đối rộng (khoảng từ 250 - 350m²/hộ) và chủ yếu là nhà xây gạch lợp ngói.

V. HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Hệ thống giao thông.

(1) Giao thông đường bộ:

a. Giao thông đối ngoại:

- Trục Quốc lộ 1 chia làm 2 đoạn:

- + Đoạn 1 qua khu vực thị trấn có quy mô mặt cắt ngang 30m, trong đó mặt đường 2x10.5m, bulva rộng 1.5m, hè đường mỗi bên 3.75m.

- + Đoạn 2 ngoài khu vực thị trấn hiện trạng với tiêu chuẩn đường cấp 3 đồng bằng, nền đường rộng 12.5m; mặt đường 10.5m, lề đường mỗi bên 1.0m, đang được thi công mở rộng với quy mô mặt cắt ngang 20.5m. Chiều dài đoạn qua khu quy hoạch 8.8km.

- Trục đường Quốc lộ 7 hiện trạng với tiêu chuẩn đường cấp 3 đồng bằng, nền đường rộng 11m; mặt đường 7.0m, lề đường mỗi bên 2,0m. Chiều dài đoạn qua khu quy hoạch 5.6km.

- Trục Quốc lộ 7B hiện trạng với tiêu chuẩn đường cấp 5 đồng bằng, nền đường rộng 7.5m; mặt đường 5.5m, lề đường mỗi bên 1,0m. Chiều dài đoạn qua khu quy hoạch 1.7km.

- Tuyến đường ven biển (tỉnh lộ 537C) hiện trạng đã thi công cơ bản xong phần nền đường rộng 12m và hệ thống thoát nước dọc tuyến. Còn đoạn từ Quốc lộ 7 đến sân vận động huyện (tại xã Diễn Thành) chưa giải phóng được mặt bằng. Chiều dài đoạn qua khu quy hoạch 6.0km (còn 0,8km đang vướng mặt bằng chưa triển khai thi công được).

b. Giao thông đối nội:

- Tuyến đường trục đô thị có quy mô mặt cắt ngang 36m, trong đó mặt đường 2x10.5m, bulva rộng 3.0m, hè đường mỗi bên 6.0m. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

- Tuyến đường đô thị bằng bê tông, có mặt đường rộng 5.0m. Chiều dài đoạn qua khu quy hoạch 6.0 km.

- Các tuyến đường nhựa, nền đường rộng 6,0m, mặt đường rộng 3,5m, lề đường mỗi bên 1,25m. Kết cấu mặt đường đá dăm láng nhựa.

- Các tuyến đường bê tông, nền đường rộng 3,0 - 6,0m, mặt đường rộng 1,5 - 3,5m, lề đường mỗi bên 0,75 - 1,75m. Kết cấu mặt đường bê tông.

- Các tuyến đường cấp phối, nền đường rộng 3,0-6,0m, mặt đường rộng 2,5 - 3,5m, lề đường mỗi bên 0,5 - 1,25m. Kết cấu mặt đường bê tông.

- Các tuyến đường đất, nền đường rộng 3,0 - 6,0m.

(2) Đường sắt:

- Đường sắt Hà Nội – TP HCM khổ 1.0m nằm ở phía Tây khu vực, với chiều dài qua khu quy hoạch là 10.3km.

- Ga Chợ Sy: Lý trình 279+00 tại xã Diên Kỷ, chỉ thực hiện đón trả khách. Hàng xếp dỡ qua ga chủ yếu là vật tư, vật liệu phục vụ cho công tác di tu bảo dưỡng cho cung đường này. Diện tích là 35.500 m², bao gồm có quảng trường ga, bãi xếp dỡ, khu tập thể, nhà chờ ga gồm có 3 đường chính về dài 408 m và đường chính đi là 410 m, chiều dài đường phải ga là 438 m, năng lực thông qua là 26 tàu/ngày đêm. Là nhà ga được đầu tư xây dựng từ lâu, đến nay cơ sở hạ tầng kỹ thuật đã xuống cấp, nhà chờ nhỏ hẹp, chưa đáp ứng được cho nhu cầu khách đi tàu ngày càng tăng, khách đi tàu thường xuyên phải đứng, ngồi chờ ngoài quảng trường nhà ga.

(3) Giao thông đường thủy:

- Chiều dài bờ biển của khu quy hoạch khoảng 6.0km.

- Về đường thủy, có tuyến kênh nhà Lê chạy theo hướng Bắc Nam, nối liền với sông Cẩm, Sông Bùng chảy qua 10 xã trong địa bàn huyện (theo hướng Tây-Đông) đổ ra biển tại Cửa Vạn.

- Cảng Lạch Vạn là bến cảng biển duy nhất trên địa bàn huyện, là nơi ra vào của tàu thuyền các xã Diên Ngọc, Diên Bích và Diên Kim, sản lượng khai thác hải sản của huyện Diên Châu chủ yếu tập trung ở đây. Được đầu tư xây dựng năm 2003 bên bờ Lạch Vạn với diện tích 8ha thuộc địa phận xã Diên Ngọc, cùng với đó là hệ thống cột trụ neo đậu tàu thuyền trú tránh bão dài 3 km dọc vùng cửa lạch. Với lưu lượng 500 tàu cá mỗi ngày cập cảng, sản lượng 25 ngàn tấn hải sản/năm.

(4) Bến ô tô liên tỉnh, huyện:

Hiện tại, trong khu vực đô thị Phủ Diên chưa có bến xe.

(5) Hiện trạng quy hoạch:

- Quy hoạch thị trấn Diên Châu.

- Quy hoạch vùng duyên hải Nghệ An.

- Quy hoạch giao thông vận tải của huyện Diên Châu.

- Hướng tuyến trục đường sắt tốc độ cao, đường sắt Hà Nội – thành phố Hồ Chí Minh.

- Quy hoạch nông thôn mới các xã trong huyện.

- Các quy hoạch liên quan khác.

(6) Nhận xét:

- Đô thị Phú Diễn mở rộng có trục giao thông huyết mạch của cả nước QL1A đi qua, đồng thời trục đường Quốc lộ 7, Quốc lộ 7B kết nối với khu vực phía Tây tỉnh Nghệ An; đồng thời hướng tuyến đường Cao tốc Bắc Nam nằm ở phía Tây khu vực và hướng tuyến Quốc lộ ven biển nằm ở phía Đông khu vực. Vì vậy, có thể nói khu vực quy hoạch Đô thị Phú Diễn mở rộng có lợi thế lớn về hệ thống giao thông, đó chính là động lực thúc đẩy các khu du lịch dịch vụ và đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản phát triển.

- Hiện trạng các tuyến đường giao thông nhựa, bê tông trong khu vực cơ bản còn tốt đáp ứng được nhu cầu đi lại của nhân dân trong vùng, tuy nhiên một số tuyến đã hư hỏng, xuống cấp cần được đầu tư nâng cấp trong thời gian tới.

- Hiện trạng giao thông 6.18%, chưa đạt so với chỉ tiêu giao thông của khu vực đô thị Phú Diễn là đô thị loại IV theo chỉ tiêu từ 6-13%.

Bảng II.5.1: TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG GIAO THÔNG

TT	MC	Tên đường	Quy mô mặt cắt ngang (m)			Kết cấu	Chiều dài (m)
			Rộng Mặt	Rộng Lề	Rộng Nền		
01	A-A	Quốc lộ 1A (trong thị trấn)	2x10,5	2x3,75	30,0	BT nhựa	1.800
02	A'-A'	Quốc lộ 1A (ngoài thị trấn)	10,5	2x1,0	20,5	BT nhựa	7.000
03	B-B	Quốc lộ 7	7,0	2x2,0	11,0	BT nhựa	5.600
04	C-C	Quốc lộ 7B	5,5	2x1,0	7,5	BT nhựa	1.700
05	D-D	Đường đê biển	5,0		5,0	Bê tông	13.087
06	D1-D1	Đường ven biển (tỉnh lộ 537C)	11,0	2X0,5	12,0	Đang thi công	6.700
07	E-E	Đường BT nhựa	2x10,5	3.0+2x6,0	36,0	BT nhựa	3.200
08	E1-E1	Đường nhựa	3,5-7.0	2X1.0	5,5-9,0	TN nhựa	45.000
09	F-F	Đường BT	2,0-4,0	2X0,5	3,0-5,0	Bê tông	30.000
10	G-G	Đường đất	3,0-6,0		3,0-6,0	Đất	150.000
11	H-H	Đường sắt Hà Nội -TPHCM	Khổ đường sắt: 1.000				10.300

2. Hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật.

(1) Hiện trạng San nền:

a. Địa hình tự nhiên:

Vùng quy hoạch mở rộng đô thị Phú Diễn có thể chia thành 2 dạng địa hình chính: Vùng đồng bằng và cát ven biển.

*** Vùng đồng bằng:**

Đây là vùng có địa hình tương đối bằng phẳng, có độ cao từ 0,5 - 4 m. Địa hình thấp dần theo hình lòng chảo, khu vực thấp nhất thuộc xã Diễn Hoa. Độ cao địa hình vùng thấp trung từ 0,5 - 1,7 m và thường bị ngập úng vào mùa mưa lũ. Đây là khu vực sản xuất lương thực trọng điểm của huyện.

*** Vùng cát ven biển:**

Phân bố ở khu vực ở phía Đông Quốc lộ 1 kéo dài từ Diễn Kim đến Diễn Thành. Độ cao địa hình của vùng từ 1,8 - 3,5 m. Đây là địa bàn dễ chịu tác động của triều cường khi có bão gây ngập mặn:

- Chạy dọc theo hướng Bắc Nam là tuyến Quốc lộ 1 có cao độ nền >3m, (một số điểm có cao độ 2,5-3,8m).

- Địa hình thuộc khu đô thị được chia thành hai khu vực chính: Phía Tây và phía Đông trục đường Quốc lộ 1.

- + Phía Tây đường Quốc lộ 1: Địa hình bằng phẳng, độ dốc < 0,004.

- * Khu vực đất canh tác có cao độ biến thiên từ 0,5- 4m. Những khu vực ruộng thấp 0,5-3m thường bị ngập úng nội đồng khi mưa lớn. Những khu vực nền >3m, không ngập, xây dựng tương đối thuận lợi.

- * Khu dân cư hiện trạng xây dựng trên nền >3m, không bị ảnh hưởng ngập lũ. Khu vực có nền xây dựng 2,5-2,8 thường bị úng với những trận mưa vài trăm mm, thời gian úng ngắn (vài giờ).

- + Phía Đông đường Quốc lộ 1:

- * Là vùng đồng bằng ven biển và ven sông lạch Vạn sông Bùng, dọc theo bờ biển là các doi cát và dải rừng phòng hộ. Dải bờ biển 9,3km được phân ra các khu vực địa hình sau.

- * Các đồi cát chạy dọc bờ biển có cao độ trung bình +(5÷6)m. Ven các khe tụ thủy cao độ từ 0,5-1,5m. Độ dốc nền trung bình: 0,02.

- * Mật độ xây dựng dọc Quốc lộ 1 tương đối dày đặc, nên các công trình xây dựng phổ biến >3,0m, không bị ngập úng. Một số công trình có cao độ nền 2,5-2,8 thường bị ngập úng.

* Vùng đất nông nghiệp và dân cư ven biển có cao độ nền biển thiên từ $+(1,5 \div 4)m$. địa hình bằng phẳng, độ dốc $< 0,005$ tuy có tuyến đê biển Diên Bích, Diên Kim, Diên Ngọc, Diên Thành bảo vệ, tuy nhiên một số khu vực có cao độ 2,5-2,8m vẫn bị ngập úng nội đồng khi mưa lớn.

b. Đê ngăn mặn, chống lũ và triều cường:

Hệ thống đê biển, đê cửa sông và rừng phòng hộ ven biển hiện có thuộc khu đô thị đã phân nào hạn chế được ảnh hưởng của các tai biến thiên nhiên như bão, lũ, xâm nhập mặn. Tuy nhiên do ảnh hưởng bão lũ thường xuyên điều kiện hạn chế của việc duy tu bảo dưỡng, các công trình xuống cấp nhanh chóng. Hệ thống công trình gồm:

*** Đê biển:**

- Hệ thống đê biển được thiết kế theo tiêu chí đê cấp IV, có nhiệm vụ ngăn mặn, chống triều cường tần suất 5%, bảo vệ khu dân cư tránh gió bão biển ở cấp 9. Cao trình mặt đê từ (3,5-4,5m).

- Tuyến đê thuộc các xã Diên Bích, Diên Kim, Diên Ngọc, Diên Thành có chiều dài: L.15,8km, chiều rộng mặt 5m, kết cấu bê tông, H đỉnh: $+(2,5 \div 2,8)m$ bảo vệ cho người và đất nông nghiệp. Tuyến đê này chưa đạt tiêu chí đê biển cấp IV, qua nhiều năm xây dựng, tình trạng bão lũ gia tăng các tuyến đê đã xuống cấp, hiện chỉ có thể chống gió bão ở mức $\leq$ cấp 8, hiệu quả phòng tránh triều cường thấp. Trong tương lai cần nâng cấp tuyến đê này đạt tiêu chí đê cấp IV, nhằm bảo đảm an ninh Quốc phòng và phòng tránh triều cường và gió bão cấp 9.

*** Đê sông (đê cửa sông):**

- Đê Bích Kỳ- Vạn Ngọc: Cao trình 4,1m dài 8,2 km bề rộng 53 được cứng hóa.

- Đê Kim Vạn Kỳ: Dài 14,1km kết cấu đất.

Bảng II.5.2: HIỆN TRẠNG ĐÊ KÈ

TT	Công trình và Địa danh	Chiều dài (km)	Cao trình đỉnh đê (m)	Chiều rộng mặt đê (m)
A	Đê biển			
01	Diên Kim- Hải- Hùng	9,58	$+(4,4)$	3,0
02	Diên Trung- Thịnh- Thành	8,60	$+(2,5 \div 2,8)$	$(1,5 \div 2,0)$
B	Đê kè cửa sông			
01	Diên Kim- Cửa Vạn	3,50	$+(3,5)$	3,0
02	Diên Bích- Kỳ- Vạn- Ngọc	10,00	$+(2,5 \div 3,0)$	$(1,8 \div 2,2)$
C	Kè			

01	Kè D. Thành (hạ lưu cống DT)	0,87	-	-
----	------------------------------	------	---	---

*** Rừng phòng hộ ven biển:**

Khu Đô thị nằm trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng bão, lũ. Vì vậy dải rừng phòng hộ ven biển có tầm quan trọng đặc biệt trong việc phòng tránh, giảm nhẹ những ảnh hưởng xâm thực, bão biển và triều cường tác động đến khu vực xây dựng. Rừng phòng hộ bờ biển của 4 xã Diên (Kim-Ngọc-Bích-Thành): Dài 15,8km, rộng 100÷200m, trồng 150ha phi lao, khả năng chống sóng, thủy triều tốt.

*** Đánh giá hiện trạng công tác phòng chống bão lũ, xâm thực biển:**

Vùng đất xây dựng khu đô thị nằm dọc theo dải bờ biển luôn có những nguy cơ về thiên tai bão lũ, mặc dù tỉnh đã xây dựng hệ thống các công trình phòng chống thiên tai, trồng rừng phòng hộ ven biển, tăng cường công tác quản lý nhưng do nguồn kinh phí để xây dựng mới, duy tu bảo dưỡng công trình rất hạn chế nên hệ thống thủy lợi, phòng tránh thiên tai luôn bị xuống cấp nhanh chóng trước tình hình bão lũ ngày càng gia tăng. Vì vậy cần đầu tư cho công tác thủy lợi, công trình phòng tránh bão lũ đạt năng lực thiết kế (ngăn mặn, chống triều cường và gió bão cấp 9) nhằm giảm thiểu các tai biến thiên nhiên, đặc biệt là dải rừng phòng hộ ven biển, cần tăng cường bảo vệ và trồng mới nhằm ngăn chặn hiện tượng xâm thực biển, phòng tránh gió bão, triều cường.

(2) Hiện trạng thoát nước mưa:

a. Hệ thống thoát nước:

Hiện tại chỉ khu vực thị trấn dọc tuyến Quốc lộ 1 có hệ thống công thoát nước dọc tuyến. Còn lại hệ thống thoát nước chủ yếu trong khu vực là tự chảy vào hệ thống kênh rạch sẵn có như kênh nhà Lê, sông Bùng, Lạch Vạn và từ đó đổ ra biển.

b. Lưu vực thoát nước hiện trạng:

Khu vực quy hoạch có hệ thống các sông Bùng, Mai Cát, Lạch Vạn, kênh nhà Lê, Vách Bắc và rất nhiều hệ thống kênh rạch, mương thoát nước tự nhiên nên rất thuận lợi cho việc thoát nước mặt, hiện tại nước mặt được chảy tự do theo độ dốc địa hình, một phần tự thấm và bốc hơi, một phần khu vực tập trung về chỗ trũng và theo hệ thống mương rãnh do nhân dân tự khơi và xả vào hệ thống các sông Bùng, Mai Cát, Lạch Vạn kênh nhà Lê và đổ ra biển. Tại các cửa xả ra sông Lạch Vạn có các phai điều tiết để ngăn sự xâm thực của nước mặn vào khu vực.

- Lưu vực thoát nước cho toàn bộ khu vực được chia thành 5 lưu vực sau:

- Lưu vực 1: Phía Bắc Quốc lộ 7B và phía Tây Quốc lộ 1; chảy theo hệ thống kênh mương, vào sông Bùng dẫn ra sông Lạch Vạn, đổ ra biển;

- Lưu vực 2: Phía Đông Quốc lộ 1 và phía Tây sông Lạch Vạn; chảy theo hệ thống kênh mương sẵn có thoát vào sông Lạch Vạn, đổ ra biển;

- Lưu vực 3: Phía Nam Quốc lộ 7B và phía Bắc Quốc lộ 7, chảy theo hệ thống hai bên đường sẵn vào sông Bùng, thoát qua sông Lạch Vạn, đổ ra biển;

- Lưu vực 4: Phía Nam Quốc lộ 7 và phía Tây Quốc lộ 1; chảy theo hệ thống kênh mương sẵn có thoát ra kênh nhà Lê, chảy vào sông Bùng, dẫn ra kênh lạch vạn, đổ ra biển;

- Lưu vực 5: Phía Nam Bara Diễn Thành kéo dài và phía Đông Quốc lộ 1; chảy theo hệ thống kênh mương sẵn có thoát ra kênh lạch phía Đông (quy hoạch trong khu công viên phía Nam) một phần chảy đổ ra sông Lạch vạn thoát ra biển, một phần dẫn về phía Nam xã Diễn Thịnh, đổ ra biển.

c. Nhận xét:

Qua khảo sát, những năm qua khi không có mưa lớn xảy ra, trùng lặp với mực nước sông Bùng dâng cao thì thoát nước tiêu khu vực quy hoạch và vùng sản xuất nông nghiệp cơ bản giải quyết tốt. Tuy vậy, vẫn cần phải được thường xuyên tu bổ nạo vét định kỳ và có cơ chế quản lý phù hợp.

3. Hiện trạng cấp nước & PCCC

(1) Nhà máy nước:

Nhà máy nước Diễn Châu tại xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu có công suất 4.000 m³/ngđ cung cấp nước sạch cho gần 7.000 hộ dân sinh sống và các cơ quan đóng trên địa bàn thị trấn Diễn Châu và một phần dân cư các xã lân cận như Diễn Bích, Diễn Ngọc, Diễn Thành, Diễn Vạn, Diễn Kỷ, Diễn Phúc, Diễn Xuân, Cụm công nghiệp Hồng Tháp Kỷ và Khu du lịch biển Diễn Thành.

Tuy nhiên, công suất và mạng lưới đường ống chưa đủ cấp hết trong ranh giới Quy hoạch mở rộng. Nhân dân trong vùng mới chỉ có khoảng 22% sử dụng nước sạch, vẫn còn khoảng 65% sử dụng giếng khơi, khoảng 25% sử dụng giếng khoan, khoảng 30% sử dụng bể hứng nước mưa để ăn uống.

(2) Nguồn nước:

- Nguồn nước mặt sông Bùng: Trước đây Nhà máy nước sử dụng nguồn nước sông Bùng nhưng vào tháng 10 và 11 hàng năm có khoảng từ 20 đến 40 ngày nước hạ lưu sông Bùng bị nhiễm mặn do lượng nước thượng nguồn về ít và đỉnh triều cao và Hệ thống thủy lợi sông Bùng (gồm Ba ra Diễn Thành, Ba ra Diễn Thủy và Đập tràn Diễn Kỷ) hoạt động không tốt nên sông Bùng bị nước mặn thâm nhập qua các cửa cống Bara bị rò rỉ. Dự án Khôi phục, nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An đang triển khai với mục tiêu tăng lưu lượng nước nguồn kênh Nông Giang tại Ba ra Đô Lương, cải tạo hệ thống kênh, và các công trình ngăn mặn giữ ngọt... cho vùng Diễn - Yên - Quỳnh thì nguồn nước Sông Bùng sẽ đáp ứng được cả về công suất và chất lượng cho hệ thống cấp nước.

- Nguồn nước từ hệ thống thủy lợi: Tương lai Nhà máy nước sử dụng thêm nguồn nước Đô Lương từ hệ thống kênh N8. Nhà máy nước xây dựng hồ chứa,

trạm bơm và đường ống cấp 1 từ xã Diễn Đồng về nhà máy nước, sử dụng trong các trường hợp nguồn nước thô tại sông Bùng nhiễm mặn hoặc nước hồi quy từ đồng ruộng ra không đảm bảo chất lượng sản xuất.

(3) Dây chuyền công nghệ:

Nhà máy nước Diễn Châu sử dụng nguồn nước sông Bùng có công nghệ xử lý: Nguồn nước -> Hồ chứa -> Trạm bơm cấp 1 -> Bể lắng đứng -> Bể lọc nhanh trọng lực -> Trạm bơm cấp 2 -> Mạng lưới đường ống. Sử dụng hóa chất keo tụ bằng Phèn Nhôm và hóa chất khử trùng bằng Clo lỏng.

(4) Mạng lưới đường ống Cấp nước:

Mạng lưới đường ống gồm các tuyến chính như: Trên đường QL1 - đoạn từ Cầu Diễn Thành đến cầu Bùng có đường kính DN315, đoạn từ Cầu Bùng đến Cụm công nghiệp Thấp Hồng Kỳ có đường kính DN160-110, hai bên đường đoạn qua thị trấn Diễn Châu và xã Diễn Thành có đường kính D150-100; Tuyến cấp nước cho xã Diễn Bích có đường kính DN140; Tuyến cấp nước cho xã Diễn Ngọc có đường kính D110 (2 tuyến); Tuyến cấp nước cho khu du lịch biển Diễn Thành có đường kính DN110-63; Tuyến ống cấp nước cho xã Diễn Phúc có đường kính DN110.

Các xã vẫn chưa có nhà máy nước hoặc mạng lưới đường ống cấp nước sạch đến là Diễn Hoa, Diễn Kim, Diễn Tân, Diễn Hạnh. Các xã đã có đường ống cấp nước sạch đi qua nhưng tỉ lệ sử dụng nước sạch ít do chưa có mạng lưới đường ống cấp 2 như xã Diễn Kỳ, Diễn Phúc, Diễn Xuân.

(5) Nhận xét:

+ Nguồn nước: Nhà máy nước đang sử dụng nguồn nước sông Bùng từ hệ thống thủy lợi Bắc, khi bình thường có thể đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của Nhà máy nước, tuy nhiên vào khoảng tháng 10 – tháng 1 hàng năm do đỉnh triều cao, lưu lượng nước từ thượng nguồn về ít, hệ thống Nông Giang lấy nước sông Lam từ Bara Đô Lương đóng cửa để sửa chữa và các cửa phai Bara Diễn Thành bị rò rỉ, nước mặn từ Lạch Vạn xâm nhập vào sông Bùng thì bị gián đoạn sản xuất. Hiện tại, dự án thay đổi nguồn nước thô của nhà máy đang thực hiện với mục tiêu lấy nước nguồn từ kênh N8 tại Diễn Đồng giải quyết được vấn đề nguồn nước sông Bùng bị nhiễm mặn, tuy nhiên khi hệ thống thủy lợi đóng cửa dài ngày thì cần xây dựng thêm hệ thống hồ chứa quy mô lớn hơn để chủ động đảm bảo nguồn nước sản xuất.

+ Quy mô hệ thống cấp nước: Công suất Nhà máy nước hiện tại là 2800 m³/ngđ (trừ đi tỷ lệ tổn thất và cấp cho các khối Công nghiệp, TMDV) cấp nước cho 35.500 người (khoảng 7.000 hộ) được 89 l/ng.ngđ, đạt tỉ lệ 111% so với tiêu chuẩn TCXDVN 33-2006 là 80 l/ng.ngđ; Nếu cấp nước cho dân cư trong ranh giới quy hoạch (75.000 người) thì được 22 l/ng.ngđ, đạt tỉ lệ 27% so với TCXDVN 33-

2006. Tỷ lệ bao phủ của mạng lưới đường ống và tỷ lệ nhân dân trong vùng sử dụng nước sạch chỉ đạt khoảng 22%, nên việc đầu tư xây dựng nâng cấp Nhà máy nước và mạng lưới đường ống để cấp nước cho nhân dân trong ranh giới quy hoạch là rất cần thiết.

Bảng II.5.3: HIỆN TRẠNG CẤP NƯỚC

TT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2014	2010	2020
01	Tỷ lệ cấp nước theo TC 33-2006	%	83%	75%	90%
02	Tiêu chuẩn cấp nước theo TC 33-2007	l/ng.ngđ	80,0	60.0	100
03	Dân số hiện trạng trong ranh giới QH	Người	75,000		
04	Dân số trong ranh giới QH được cấp nước	Người	64,537		
05	Công suất Nhà máy hiện trạng	M3/ngđ	2,000		
06	Trừ Rò rỉ, bản thân nhà máy	%	20%	20%	20%
07	Trừ Công nghiệp, dịch vụ TM	%	10%	10%	10%
08	Nước cấp cho nhu cầu sinh hoạt	M3/ngđ	1,400		
09	Bình quân lượng nước cấp	l/ng.ngđ	21,69		
10	Đạt tỷ lệ tiêu chuẩn dùng nước	%	27,12		
11	Số hộ được cấp nước hiện tại	Hộ	4,000		
12	Dân số được cấp nước hiện tại	Người	18,000		
13	Nhu cầu sử dụng nước sạch hiện tại	l/ng.ngđ	77,78		
14	Đạt Tỷ lệ so với tiêu chuẩn	%	97%		

(6) Hiện trạng hạ tầng phòng cháy chữa cháy.

- Mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ phòng cháy và chữa cháy: Trên địa bàn huyện Diễn Châu chưa có Đội PCCC được trang bị xe và các phương tiện chữa cháy chuyên dụng; hiện nay Đội CC&CNCH số 4, Phòng cảnh sát PCCC và CNCH, Công an tỉnh Nghệ An (có trụ sở đóng tại xã Quỳnh Giang, huyện Quỳnh Lưu) đang phụ trách công tác chữa cháy và CNCH trên địa bàn huyện Diễn Châu.

- Hiện trạng nguồn nước PCCC:

+ Nước từ các sông Bùng, kênh Véch Bắc, kênh Nhà Lê ... có thể sử dụng cho mục đích PCCC;

+ Các bến nước chữa cháy: Hiện nay, trên địa bàn huyện chưa có các bến lấy nước chữa cháy chuyên dụng cho xe chữa cháy;

+ Các Hệ thống cấp nước đều thiết kế kết hợp PCCC như là Dung tích nước PCCC, Máy bơm PCCC...

+ Các Trụ nước chữa cháy: Trên các tuyến đường ống cấp nước chính của Nhà máy nước Diên Châu đã bố trí lắp đặt các trụ nước PCCC theo tiêu chuẩn;

- Các bến nước chữa cháy: Chưa được quy hoạch, bố trí và xây dựng các bến lấy nước chữa cháy chuyên dụng cho xe chữa cháy khi cần thiết;

- *Giao thông phục vụ phòng cháy, chữa cháy*: Các tuyến đường giao thông cơ bản đáp ứng được cho các loại xe chữa cháy hoạt động; tuy nhiên tại một số ngã ba, ngã tư, góc cua không đảm bảo cho xe chữa cháy hoạt động, nhiều đoạn đường người dân tự giác lắp barie, xây ụ nổi, lắp mái che, mái vẩy làm cản trở giao thông.

- *Hiện trạng nguồn nước phục vụ phòng cháy, chữa cháy*: Trên địa bàn huyện có nhiều nguồn nước tự nhiên là các ao, hồ, kênh rạch, các con sông lớn như sông Bùng, Véch Bắc, kênh nhà Lê...có thể sử dụng cho mục đích PCCC; tuy nhiên, các nguồn nước này chưa được xây dựng các bến, bãi lấy nước chữa cháy. Một số tuyến đường nội đô trên địa bàn huyện đã được lắp đặt, bố trí trụ nước chữa cháy, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu công tác PCCC.

- *Hiện trạng hệ thống thông tin, liên lạc phục vụ công tác PCCC*: Hệ thống thông tin liên lạc phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn huyện đảm bảo thông suốt, ổn định, đáp ứng tốt yêu cầu công tác phòng cháy, chữa cháy. Sử dụng các mạng điện thoại di động và cố định thông qua tổng đài 114 để báo chữa cháy khi có cháy xảy ra.

4. Hiện trạng thoát nước thải và VSMT:

(1) Nước bẩn sinh hoạt:

Đa phần nhân dân trong xã sử dụng hố xí hợp vệ sinh, phân được người dân sử dụng để bón cho cây trồng nông nghiệp. Trong ranh giới quy hoạch đô thị, đã có khoảng 10% nhân dân và cơ quan sử dụng nhà vệ sinh có bể tự hoại.

(2) Nước bẩn sản xuất:

Hiện tại khu vực trung tâm thị trấn đã có hệ thống thoát nước thải nửa riêng, nước thải được thu gom và xử lý tại xã Diên Thành Theo công nghệ Yếm khí. Các khu vực khác có lượng nước thải không nhiều, được nhân dân sử dụng vào việc tưới cho cây trồng trong vườn.

(3) Rác thải sinh hoạt:

Quy hoạch bãi rác cho toàn huyện Diên Châu tại vị trí xã Diên Đoàn và xã Diên Lợi. Hiện có 08 điểm tập kết rác thải trong khu vực.

Bảng II.5.4: HIỆN TRẠNG ĐIỂM TẬP KẾT RÁC THẢI

TT	Địa phương	Diện tích (ha)	Vị trí
----	------------	----------------	--------

01	Xã Diễn Phúc	0.40	Xóm 1
02	Xã Diễn Tân	0.86	Đồng Tây
03	Xã Diễn Bích	0.5	Xóm Hải Bắc
04	Xã Diễn Kỷ	0.30	Thôn 5
05	Xã Diễn Kim	0.4	T.Tiến 1,
06	Xã Diễn Ngọc	0.91	Trung Yên
07	Xã Diễn Hoa	0.25	Xóm 3 và 6
08	Xã Diễn Thành	0.85	

(4) Nghĩa trang:

Hiện nay có 38 nghĩa trang lớn nhỏ trong khu vực, tổng diện tích 63,26ha:

Bảng II.5.5: HIỆN TRẠNG NGHĨA TRANG

TT	Địa Phương	Số lượng	Diện tích (ha)	Vị trí
01	Thị trấn	1	2.20	Khối 6
02	Diễn Thành	5	4.40	Đồng Vườn Cu
03	Diễn Phúc	5	12.5	Rải rác
04	Diễn Tân	6	6.90	Rải rác
05	Diễn Hoa	10	8.00	NT xóm 6
06	Diễn Ngọc	3	4.78	Ngọc Tân
07	Diễn Bích	2	4.03	Xóm Hải Bắc
08	Diễn Kỷ	4	8.45	Rải rác 5 xóm
09	Diễn Kim	2	12.00	Chĩnh trang
	Tổng	38	63.26	

(5) Nhận xét:

- Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải xả ra sông Bùng, phía trên vị trí lấy nguồn cấp nước. Trong tương lai phải di chuyển để đảm bảo nguồn cấp nước không bị ô nhiễm. Trong Quy hoạch mở rộng thị trấn Diễn Châu năm 2007, vị trí trạm xử lý nước thải đặt tại xã Diễn Thịnh (ngoài ranh giới quy hoạch) nhưng đây là công trình ảnh hưởng lớn đến môi trường nước mà đặt tại một địa phương khác là điều rất khó thực hiện. Vì vậy vị trí trạm xử lý nước thải phải đặt tại một vị trí đáp ứng được các tiêu chí: Nguồn xả cách xa nguồn nước sạch; Xa khu dân cư.

- Nghĩa trang: Các nghĩa trang rải rác tại các địa phương và phong tục của nhân dân nên việc đóng cửa khoảng 30 nghĩa trang hiện trạng và xây dựng một nghĩa trang tập trung là rất khó thực hiện được.

- Về Bãi rác: Huyện Diên Châu đã quy hoạch khu xử lý Rác thải tại xã Diên Đoài và xã Diên Lợi để xử lý rác thải cho cả khu vực nhưng chưa thực hiện được do vị trí gần huyện Yên Thành, dân khu vực lân cận không cho xây dựng. Thị trấn và các xã đã bố trí các điểm tập kết rác thải tập trung nhưng chưa thể vận chuyển đi xử lý nên các bãi chỉ đốt sơ bộ, rất gây ô nhiễm môi trường.

5. Hệ thống cấp điện:

5.1. Nguồn điện:

Phân vùng cấp điện huyện Diên Châu thuộc vùng 2 khu vực cấp điện. Khu vực huyện Diên Châu được cấp điện từ trạm 110kV Diên Châu công suất (2x40)MVA (E15.13), TBA 110kV Quỳnh Lưu công suất (2x40)MVA (E15.5) và TBA 110kV Diên Phong (1x40)MVA-110/35/22kV (E15.52). Ngoài ra, còn được cấp nguồn hỗ trợ từ trạm 110kV Yên Thành (E15.21) và trạm 110kV Nghĩa Đàn (E15.2).

5.2. Lưới điện:

a. Lưới điện cao thế.

Hiện nay khu vực đô thị Phủ Diên, huyện Diên Châu đang có tuyến đường dây 110kV Quỳnh Lưu - Diên Châu – Hưng Đông dây dẫn ACY185, chạy qua có chiều dài 5,5km.

b. Lưới điện trung thế.

Lưới điện Đô thị Phủ Diên có 2 cấp điện áp: 22kV, 35kV được cấp từ trạm 110kV Diên Châu:

- Lưới điện 35kV:

+ Lộ 371 cấp điện cho thị trấn Diên Châu và các xã Diên Hoa, Diên Phúc, Diên Kỳ, Diên Tháp, Diên Hồng liên hệ với lộ 375 110kV Diên Châu, lộ 371 – 110kV Yên Thành và lộ 371 – 110kV Quỳnh Lưu.

+ Lộ 373 Diên Châu cấp điện cho các xã Diên Thịnh, Diên Phúc, Diên Tân, Diên An, Diên Trung, Diên Lộc huyện Diên Châu liên hệ với lộ 373 – 110kV Cửa Lò (E15.8).

- Lưới điện 10kV: Hiện nay toàn bộ lưới 10kV trên địa bàn huyện Diên Châu đã được cải tạo lên thành lưới 22kV.

- Lộ 375: Lộ 375 cấp điện cho phụ tải các xã Diên Hồng, Diên Vạn, Diên Kỳ, Diên Ngọc, Diên Bích, Diên Mỹ, Diên Hải, Diên Kim. Lộ 375 liên hệ mạch vòng với lộ 371 – 110kV Diên Phong.

Sau trạm 110kV có 4 lộ 22kV:

+ Lộ 471 cấp điện cho các xã Diễn Hoa, Diễn Ngọc, Diễn Kỷ, Diễn Tháp và Diễn Liên huyện Diễn Châu. Lộ 471 liên hệ mạch vòng với lộ 473 và 479 – 110kV Diễn Châu.

+ Lộ 473 cấp điện cho các xã Diễn Phúc, Diễn Cát, Diễn Thắng, Diễn Bình, Diễn Minh, Diễn Quảng, Diễn Hạnh, Diễn Nguyên, Diễn Xuân, Diễn Đồng, Diễn Thái, Diễn Liên huyện Diễn Châu. Lộ 473 liên hệ mạch vòng với lộ 477 và 471 - 110kV Diễn Châu.

+ Lộ 475 cấp điện cho các xã Diễn Thành, Diễn Kỷ, Diễn Ngọc, Thị trấn Diễn Châu, liên hệ với lộ 971 trung gian Diễn Châu 2.

- Sau trạm trung gian Diễn Châu 2 có 1 lộ đường dây 22kV:

+ Lộ 473 TG Diễn Châu 2 cấp điện cho các xã Diễn Tân, Diễn Lộc, Diễn An, Diễn Lợi, Diễn Phúc, Diễn Phú huyện Diễn Châu.

(Nguồn: Quy hoạch điện lực tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016- 2025 có xét tới 2035).

c. Lưới hạ thế:

- Lưới điện 0,4 kV trong vùng được xây dựng phủ kín tất cả các điểm dân cư, có cấu trúc 3 pha, 4 dây, trung tính nối đất trực tiếp và lặp lại.

- Lưới điện hạ áp hiện nay chủ yếu đã sử dụng cáp vặn xoắn; chỉ một số nhánh rẽ nhỏ sử dụng dây AV, dây trần. Khu vực nội thị hoặc các khu ở mới kết cấu dây dẫn chủ yếu đi ngầm.

d. Lưới điện chiếu sáng:

- Lưới chiếu sáng đường chủ yếu là cột đèn độc lập, sử dụng đèn led với công suất từ 100W đến 150W-220V và đèn cao áp công suất bóng 250W-220V. Lưới điện chiếu sáng cho các khu dân cư, các khu vực vườn hoa cây xanh cấp đô thị chưa đồng bộ.

Hệ thống điện chiếu sáng tại các xã đa phần do người dân tự lắp đặt, mới chỉ đáp ứng được một phần về chiếu sáng làng quê, chưa đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

5.3. Trạm biến áp, hạ áp:

Trên địa bàn huyện Diễn Châu hiện sử dụng các trạm hạ thế 35/0,4kV và 22/0,4kV, các trạm biến áp 10/0,4kV hiện nay đã cải tạo lên 22/0,4kV hoặc 35/0,4kV. Các trạm biến áp kiểu treo, kiểu xây kín trong nhà và các nhà máy trong KCN có xây dựng trạm hạ thế công suất lớn kiểu trạm 1 trụ, kios hoặc trạm xây.

Đô thị Phủ Diễn có 84 trạm biến áp, với tổng công suất là **21.013 KVA**.

5.4. Nhận xét:

Nguồn điện chính cấp cho huyện Diễn Châu là Trạm 110kV Diễn Châu (E15.13), công suất (2x40MVA-110/35/22kV) và trạm 110kV Diễn Phong công suất hiện tại là 1x40MVA - 110/35/22kV (E15.52). Ngoài ra, còn được cấp nguồn hỗ trợ từ các trạm 110kV Quỳnh Lưu (E15.5), trạm 110kV Yên Thành (E15.21) và

trạm 110kV Nghĩa Đàn (E15.2). Tuy nhiên, để phục vụ cho nhu cầu phát triển trong tương lai, thì cần có giải pháp nâng cấp các trạm 110kV hoặc xây dựng mới trạm biến áp 110kV, cải tạo hệ thống cấp điện hiện tại đảm bảo khả năng cung cấp điện.

- Lưới trung áp: Mạng lưới đường dây hiện nay chủ yếu đi trên hệ thống cột bê tông có thời gian sử dụng dài hiện đã xuống cấp, cần phải có giải pháp thay thế đảm bảo an toàn cấp điện và ngầm hóa trong khu vực đô thị để phù hợp theo quy chuẩn và đảm bảo mỹ quan.

- Trạm biến áp: thiết bị đóng cắt, bảo vệ của các trạm biến áp kiểu treo trong khu vực đô thị gây ảnh hưởng đến mỹ quan. Cần xem xét chuyển đổi dần thành trạm kín kiểu trạm 1 trụ, trạm xây hoặc Kios.

- Lưới chiếu sáng trên những tuyến giao thông chính như Quốc Lộ 1A, QL7 và QL48 những đoạn qua đô thị, và một số trục đường chính khu vực thị trấn được xây dựng chất lượng tốt. Hệ thống điện chiếu sáng tại các xã đa phần do người dân tự lắp đặt, mới chỉ đáp ứng được một phần về chiếu sáng làng quê, chưa đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

- Lưới điện hạ thế: Một số xã có bán kính cấp điện xa, nhiều hộ dân có dây sau công tơ dài ảnh hưởng đến tổn thất và chất lượng điện năng phục vụ.

6. Hệ thống thông tin liên lạc:

6.1. Bưu chính.

- Điểm bưu cục:

- + Diên Châu có 01 bưu cục cấp II đặt tại thị trấn Diên Châu.

- + Khu vực có 2 bưu cục cấp III tại khu vực thị trấn Diên Châu và xã Diên Mỹ.

- + Có 8 điểm bưu điện văn hóa xã tại trung tâm các xã trong khu vực.

- Mạng vận chuyển:

- + Tuyến đường thư cấp 2 tại trung tâm huyện đi các xã, vận chuyển với tần suất 2 chuyến / ngày;

- + Tuyến đường thư cấp 3 từ các bưu cục cấp 3 đi các điểm bưu điện văn hóa xã, vận chuyển với tần suất 1 chuyến/ngày;

- + Mạng đường thư cấp 2: Vận chuyển từ bưu điện thành phố tới trung tâm các huyện Diên Châu. Mạng vận chuyển này có 1 tuyến sử dụng ô tô chuyển ngành vận chuyển với tần suất 1 chuyến/ ngày.

- + Mạng đường thư cấp 3: Vận chuyển từ các điểm trung tâm huyện đến các xã.

Ngoài ra còn các tuyến đường thư do các doanh nghiệp bưu chính thực hiện.

- Dịch vụ:

Hiện tại 100% các Bưu cục của Bưu điện tỉnh Nghệ An đã thực hiện cung cấp các dịch vụ bưu chính: dịch vụ cơ bản, dịch vụ cộng thêm, dịch vụ EMS, chuyển phát nhanh, dịch vụ chuyển tiền, chuyển tiền nhanh, dịch vụ tiết kiệm Bưu điện.

6.2. Viễn thông.

Những năm gần đây, hệ thống thông tin liên lạc tỉnh Nghệ An nói chung, khu vực huyện Diễn Châu nói riêng phát triển mạnh mẽ. Nhiều thành phần kinh tế khai thác và kinh doanh, trong đó hạ tầng do VNPT, Viettel, Vietnamobile và Gtel xây dựng và quản lý trong đó 04 nhà mạng cung cấp dịch vụ thông tin di động: Vinaphone, Viettel, Mobiphone và Vietnammobile. Các doanh nghiệp có hạ tầng mạng ngoại vi: VNPT Nghệ An, Viettel Nghệ An, CN FPT Nghệ An, MobiFone Nghệ An, Truyền hình cáp Miền Trung và các đơn vị thông tin ngành quân đội, công an.

Hiện trạng trên địa bàn huyện có 21 tuyến xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngầm mạng cáp viễn thông của Viễn thông Nghệ An và 2 tuyến của chi nhánh viễn thông Quân đội với khoảng 60km cáp ngầm (chiếm tỷ lệ 26%). Các tuyến cáp ngầm tập trung ở các tuyến đường chính Quốc lộ 1A, Quốc lộ 7, Quốc lộ 7B, Quốc lộ 48 và 4-5 tuyến rẽ nhánh từ tuyến đường chính tuyến đường liên xã.

Hạ tầng mạng cáp treo được xây dựng nhiều ở các tuyến đường nhánh, đường liên xã với khoảng 175km cáp treo (chiếm tỷ lệ khoảng 74%).

Hạ tầng mạng cáp khu vực huyện Diễn Châu số tuyến ngầm hóa nhiều nhưng số lượng cáp ngầm hóa thấp, đồng thời trên các tuyến đường xây dựng mạng cáp ngầm vẫn có xây dựng cả hạ tầng mạng cáp treo.

- Chuyển mạch: Hệ thống chuyển mạch khu vực Diễn Châu được xử lý tín hiệu theo cấp tổng đài: Tổng đài điều khiển(Host) - Tổng đài vệ tinh - Điểm truy nhập thuê bao.

- Hiện trạng hệ thống truyền dẫn: Mạng truyền dẫn tới các điểm chuyển mạch đã được số hoá, truyền dẫn cáp quang. Mạng truyền dẫn chủ yếu bằng cáp quang, truyền dẫn tới điểm tập trung dân cư. Trong đó các tuyến cáp quang liên đài đã được ngầm hóa. Về cơ bản các mạch vòng (Ring) đã được khép kín. Truyền dẫn cho các tổng đài hiện tại đang sử dụng công nghệ cáp sợi quang, dung lượng từ 4-16 F0(PDH 34Mb/s và 140Mb/s).

Để nâng cao chất lượng, rút ngắn cự ly phục vụ các doanh nghiệp đã mở rộng các trạm chuyển mạch, các điểm tập trung thuê bao, bán kính phục vụ bình quân của các trạm đã giảm đáng kể. Tuy nhiên do nhu cầu lắp đặt nhanh phục vụ công tác kinh doanh, nên mạng chưa được đầu tư một cách đồng bộ và chất lượng mạng chưa cao.

Mạng ngoại vi khu vực nghiên cứu đang được xây dựng và phát triển nên còn thiếu đồng bộ và phức tạp. Việc xây dựng hạ tầng cũng như các công trình khai thác thông tin chưa được phối hợp chặt chẽ giữa các nhà khai thác và cung cấp. Bên cạnh đó, chưa kết hợp được với hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác gây ảnh hưởng đến chất lượng của các công trình và mỹ quan đô thị.

6.3. Hiện trạng cột thu phát sóng thông tin di động (trạm BTS).

Trên địa bàn huyện Diễn Châu có 118 cột ăng ten (với tổng số 202 trạm thu phát sóng mạng thông tin di động trong đó có 118 trạm 2G và 84 trạm 3G). Trong đó có 116 cột ăng ten loại A2b chiếm tỷ lệ 98,2% và 1 cột ăng ten loại A2c chiếm tỷ lệ 0,8%. Có 13 cột ăng ten sử dụng chung hạ tầng với doanh nghiệp khác chiếm tỷ lệ 11%.

Hạ tầng mạng thông tin đã đủ dung lượng phục vụ các thuê bao trên địa bàn huyện.

Các trạm BTS này chủ yếu do 4 doanh nghiệp Vinaphone, Mobifone, Viettel và Vietnammobile.

6.4. Mạng internet.

+ Hiện có VDC và Viettel đang cung cấp dịch vụ truy cập Internet. Thông qua hệ thống thiết bị của mình, Bưu điện Nghệ An và Viettel đã phục vụ khá tốt nhu cầu đàm thoại liên tỉnh và quốc tế thông qua công nghệ VoIP. Hệ thống cung cấp dịch vụ Internet bằng rộng tạo thuận lợi cho việc truy cập Internet trên địa bàn.

+ Sử dụng công nghệ ADSL, công nghệ FTTH (FTTx) (truy nhập internet tốc độ cao bằng cáp quang đến thuê bao) đang được triển khai.

- Hạ tầng truyền thanh – truyền hình :

+ Đài Truyền thanh – Truyền hình cấp huyện do Trung tâm Văn hóa- Thể thao – Truyền thông quản lý chủ yếu sản xuất chương trình và tiếp, phát các kênh truyền thanh, truyền hình của trung ương, của tỉnh để phát tại địa phương.

+ Truyền thanh cơ sở: Đài truyền thanh cơ sở đang hoạt động, các đài truyền thanh cơ sở tại các xã hiện chủ yếu đang sử dụng công nghệ truyền thanh có dây hoặc không dây. Nhiều đài truyền thanh cơ sở sử dụng công nghệ lạc hậu, công nghệ tăng âm đầu với các loa nằm rải rác trên địa bàn.

6.5. Đánh giá chung.

Huyện Diễn Châu có mạng Bưu chính tương đối tốt, đã có 100% số xã có điểm phục vụ, các chỉ tiêu về bán kính phục vụ bình quân và số dân bình quân phục vụ bởi một điểm phục vụ đã rút ngắn đạt mức trung bình của cả nước. Dịch vụ cơ bản; Chuyển phát nhanh; Bưu chính Ủy thác; Chuyển tiền nhanh; Tiết kiệm Bưu điện,... đã được cung cấp và đáp ứng tốt nhu cầu. Tuy nhiên dịch vụ Internet bằng rộng chưa được phổ cập, chủ yếu dùng cho giải trí (lướt web, nghe nhạc, đọc

tin...) các dịch vụ liên quan đến ứng dụng Chính phủ điện tử, thương mại điện tử hầu như người dân chưa tiếp cận.

Hạ tầng kỹ thuật viễn thông: trên địa bàn huyện cơ bản đã đáp ứng nhu cầu cung cấp các dịch vụ viễn thông, Internet băng thông rộng và Truyền hình qua mạng viễn thông. Tuy nhiên một số cụm dân cư ở một số xã chất lượng dịch vụ Internet băng thông rộng di động (3G; 4G) chưa cao, cần phải bổ sung xây dựng các trạm thu phát sóng thông tin di động (3G; 4G) tại các khu, cụm công nghiệp, khu vực dân cư mới đáp ứng cung cấp các dịch vụ Internet băng thông rộng di động tốc độ cao.

Tuy nhiên việc dùng chung cơ sở hạ tầng của các các doanh nghiệp viễn thông chưa đạt được tỷ lệ cao, mạng lưới đường dây cáp quang có tỷ lệ ngầm hóa còn thấp gây mất mỹ quan và an toàn.

Đánh giá theo tiêu chí nông thôn mới: 100% các thôn cơ bản đã có hạ tầng đáp ứng nhu cầu truy cập Internet cho cá nhân tổ chức (đạt tiêu chí có Internet đến thôn); đặc biệt Diễn Châu đã trang bị hầu hết các xã có máy tính nối mạng Internet để người dân tra cứu văn bản, thực hiện các giao dịch điện tử. Đến nay hầu hết các xã đã đạt tiêu chí Bru điện.

VI. PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ

Những năm qua, vấn đề môi trường đã được các cấp, các ngành quan tâm bằng những hành động thiết thực thông qua việc xây dựng và triển khai chương trình dự án về bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, tình trạng ô nhiễm vẫn xảy ra ở nhiều nơi, nhất là vùng đô thị, khu công nghiệp.

Qua công tác quan trắc môi trường cho thấy tại nhiều nơi nguồn nước mặt, nước dưới đất đã bị ô nhiễm. Nhiều thông số vượt tiêu chuẩn quy định. Môi trường vùng ven biển, sản xuất công nghiệp bị ô nhiễm với nhiều mức độ khác nhau. Tình trạng nước thải sinh hoạt, nước thải từ nhà máy bệnh viện chưa được xử lý hoặc không xử lý triệt để đổ vào mương thoát nước chung làm ảnh hưởng đến môi trường và cuộc sống của người dân.

1. Nước.

(1) Môi trường nước mặt:

Khu vực đô thị Phủ Diễn chưa có hệ thống thoát nước thải riêng. Toàn bộ nước thải từ các hộ dân, các hộ sản xuất kinh doanh, các làng nghề,... sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại thì được xả trực tiếp ra các mương đất tự nhiên rồi xả ra hệ thống ao hồ sông suối trong vùng, làm ảnh hưởng đến môi trường sống và làm nhiễm bẩn nguồn nước mặt.

Nhìn chung, các cụm công nghiệp, nông nghiệp... trên địa bàn huyện đã chú trọng vào việc xây dựng hệ thống thu gom và xử lý chất thải, nước thải. Tuy nhiên,

vẫn có tình trạng các cơ sở vận hành hệ thống xử lý không đúng quy trình, không liên tục, lén lút xả thải trực tiếp ra môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Hiện tại trên địa bàn huyện, khu vực trung tâm thị trấn đã được xây dựng hệ thống thoát nước thải nửa riêng, nước thải được thu gom và xử lý tại xã Diên Thành theo công nghệ Yếm khí, còn lại các cơ sở y tế tư nhân, các trạm y tế xã chưa có hệ thống xử lý nước thải. Nước thải từ các cơ sở y tế chảy chung với nước thải sinh hoạt rồi đổ vào kênh mương, ao hồ,... làm nhiễm bẩn nguồn nước mặt.

Việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp cũng là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nước mặt và nước ngầm cho khu vực.

Vào những khi trời mưa, nước mưa chảy qua khu vực tập kết rác thải, cuốn theo nước rỉ rác chảy xuống khu vực thấp hơn gây ô nhiễm môi trường nước

- Nhiễm mặn nước sông ven biển:

+ Trên sông Lạch Vạn độ mặn nước biển khu vực bình 26,5 %, lớn nhất đạt tới 35,2 % và nhỏ nhất đạt 1,7 %. Và độ mặn nước biển theo sóng triều xâm nhập sâu vào trong sông. Do đó việc sử dụng nước vào sản xuất và sinh hoạt rất hạn chế.

+ Trên sông Bùng ranh giới mặn hiện nay đã xây dựng công ngăn mặn Diên Thành, bara Bích Kỳ.

** Nhận xét về hiện trạng môi trường nước mặt:*

Nguồn nước mặt trong khu vực đã có nhiều biểu hiện suy giảm về chất lượng, gia tăng hàm lượng các chất hữu cơ và dinh dưỡng. Chất lượng nước trên các lưu vực vẫn đảm bảo đáp ứng tốt cho các ngành phát triển kinh tế xã hội, riêng đối với cấp nước sinh hoạt cần chú ý độ đục và hàm lượng sắt (Fe), mangan, Asen...có mặt trong nước.

(2) Môi trường nước ngầm:

- Khu đô thị có khả năng khai thác nguồn nước ngầm phục vụ cho hoạt động sinh hoạt, Tuy nhiên trữ lượng nước ngầm không lớn. Khu vực ven biển nước ngầm bị nhiễm mặn không khai thác với trữ lượng lớn phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất được.

- Các chỉ tiêu ô nhiễm chủ yếu là Coliform, hợp chất Nitơ, Mangan, sắt, hàm lượng cặn lơ lửng cao..., trữ lượng nước nhạt không nhiều và có sự phân bố rất phức tạp, thường nằm xen kẽ với các tầng nước mặn. Vì vậy nếu chế độ khai thác không hợp lý thì có thể sẽ làm mặn hóa các tầng nước nhạt của vùng.

Nhận xét: Qua kết quả phân tích một số điểm quan trắc trong khu vực cho thấy hầu hết các chỉ tiêu nằm dưới tiêu chuẩn cho phép, đáp ứng yêu cầu chất lượng nước cấp cho sinh hoạt, tuy nhiên trữ lượng nước không lớn.

(3) Môi trường nước biển ven bờ:

Biến động các chất dinh dưỡng trong nước ven biển khu vực biển Diễn Châu có xu hướng tăng theo thời gian rất rõ rệt.

Một số khu vực biển ven bờ và trong một số cửa sông đã có dấu hiệu ô nhiễm nhẹ bởi các kim loại như sắt, đồng, chì, kẽm, mangan.

- Do hoạt động dân sinh như khai thác không hợp lý bề mặt lưu vực (chuyển đổi đất rừng thành đất nông nghiệp, canh tác trên đất dốc, sử dụng không hợp lý các loại phân bón, thuốc trừ sâu, khai thác hải sản bừa bãi...).

- Bên cạnh hoạt động nhân sinh, điều kiện tự nhiên cũng góp phần đáng kể làm tăng ô nhiễm môi trường nước biển ven bờ. Đặc điểm địa chất, địa mạo vùng bờ biển tỉnh Nghệ An tương đối thoải, hàm lượng cát bùn trong sông đưa ra lớn vì vậy lượng độ đục tương đối cao. Ngoài ra, biên độ triều không lớn, thiên về bán nhật triều nên hạn chế khả năng trao đổi nước trong sông (khu vực cửa sông) vì vậy khả năng tự làm sạch của nước kém.

- Như vậy, việc sử dụng nguồn nước biển ven bờ trong khu vực quy hoạch cho các mục đích nuôi trồng thủy sản, bãi tắm có những tiêu chuẩn không phù hợp. Để khai thác nguồn nước biển ven bờ cần tiến hành các hoạt động bảo vệ môi trường.

2. Không khí.

- Nguồn ô nhiễm không khí chính trong khu vực là các cơ sở công nghiệp, tập trung nhiều nhất tại các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng (khai thác đá, sản xuất gạch ngói). Tại một xã ven biển sản xuất chủ yếu là nuôi trồng và chế biến thủy hải sản nguồn gây ô nhiễm không khí chủ yếu là khí H₂S từ các chất hữu cơ thối rữa của bã thải.

- Ngoài ra, hoạt động giao thông vận tải tại tuyến đường quốc lộ 1A, QL7, QL7B là nguyên nhân gây ô nhiễm bụi trong khu vực.

3. Tiếng ồn.

(1) Giao thông:

Hiện nay phương tiện giao thông đang tăng với mức độ chóng mặt. Bên cạnh đó số lượng phương tiện kém chất lượng lưu thông trên đường phố là khá nhiều do đó tạo nên sự ô nhiễm về không khí và tiếng ồn đáng kể.

(2) Xây dựng:

Việc sử dụng các loại máy móc trong xây dựng là khá phổ biến. Đây là một nguồn gây ô nhiễm đáng kể, khu đô thị Phủ Diễn đang trong giai đoạn phát triển, các dự án xây dựng hạ tầng và công trình dân dụng tăng nhanh, gây ảnh hưởng về tiếng ồn cho đô thị.

(3) Công nghiệp và sản xuất:

Trong công nghiệp và sản xuất hiện nay, việc sử dụng máy móc được xem là không thể thiếu, tuy nhiên do ý thức của các cơ sở sản xuất cũng như sự quản lý lỏng lẻo của một số khu công nghiệp đó làm cho mức độ ô nhiễm môi trường tăng cao.

4. Đất.

(1) Các yếu tố ảnh hưởng tới môi trường đất:

- Một trong những nguyên nhân quan trọng gây ô nhiễm môi trường đất trong khu vực là do dư lượng thuốc bảo vệ thực vật tồn lưu trong sản phẩm nông nghiệp chưa được kiểm soát do đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp chiếm tỷ lệ tương đối lớn trong tổng diện tích đất tự nhiên của khu vực nghiên cứu. Các bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật có chứa nhiều thành phần nguy hại nhưng do nhận thức của người dân còn hạn chế nên các bao bì này một phần được mang về nhà, một phần được thải bỏ bừa bãi trên đồng ruộng gây ô nhiễm môi trường đất, nước.

- Lượng thuốc bình quân sử dụng đạt 0,55-0,65kg/ha, đặc biệt vùng trồng rau Diễn Thành, Diễn Thịnh sử dụng gấp 2-2,5 lần mức bình quân trong tỉnh. Hiện tượng bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu, diệt cỏ không được thu gom xử lý mà vứt bừa bãi trên đồng ruộng gây ảnh hưởng môi trường đất nước vùng nông nghiệp.

(2) Xói mòn đất trong khu vực quy hoạch:

- Xói mòn bề mặt: Đây là quá trình rửa trôi bề mặt. Phần lớn vật chất bị xói mòn là các chất mùn, chất dinh dưỡng, gây ra tình trạng đất đai bị bạc màu và thoái hoá nhanh chóng. Hậu quả của quá trình xói mòn bề mặt tạo nên những vùng đất trống đồi núi trọc hoặc đất trơ sỏi đá.

- Xói mòn xẻ rãnh: Xói mòn xẻ rãnh theo tuyến có thể quan sát thấy ở nhiều nơi như Diễn Châu. Sau khi đã vượt quá độ thấm của đất, nước mưa tập trung thành dòng theo 3 giai đoạn: 1/ Tích tụ nước mưa trên mặt tạo thành các rãnh; 2/ Gom các dòng chảy nhỏ vào khe rãnh; 3/ Các khe nhỏ đổ vào suối và sông. Quá trình này lặp đi lặp lại theo thời gian địa chất làm cho các rãnh càng sâu (có khi tới hàng chục mét). Đó chính là nguyên nhân gây sạt lở, lũ quét.

- Xói mòn do gió: Kiểu xói mòn cơ học (do gió) cũng rất phổ biến ở các khu vực ven biển. Dưới tác dụng của gió biển, cát từ các cồn cát dọc bờ biển thường xuyên thổi vào trong cánh đồng. Có những trận bão cát đã phủ trắng hàng trăm ha đất trồng trọt, gây thiệt hại rất nặng nề và khắc phục vô cùng khó khăn.

Lạch Vạn là cửa thoát của sông Bùng, bờ Bắc thuộc địa bàn của xã Diễn Kim, bờ Nam thuộc địa bàn của xã Diễn Thành (Diễn Châu, Nghệ An). Quá trình xói lở, bồi tụ làm dịch chuyển cửa sông đã diễn ra liên tục và phát triển mạnh trong khoảng 10 năm trở lại đây.

5. Chất thải rắn.

Thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm chất hữu cơ, nhựa, giấy, kim loại, gạch vụn, cao su và chất thải nguy hại (sơn, dầu mỡ, pin, bóng đèn hỏng, nhựa PVC, keo diệt chuột). Tỷ lệ phần trăm các loại rác thải không ổn định, phụ thuộc vào từng loại đô thị (thời quen, mức sống, tốc độ phát triển). Đặc trưng của chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ cao (50 – 65%).

Tại các vùng nông thôn Diễn Châu hầu hết đều chưa có tổ chức thu gom và xử lý rác thải đúng nơi quy định. Theo báo cáo của các địa phương: huyện Diễn Châu, ngoài lượng rác thải được thu gom đổ đúng nơi quy định thì lượng rác thải còn lại người dân tùy tiện đổ ra ven bờ sông, đường giao thông, đồng ruộng... gây ô nhiễm môi trường.

Hiện trạng công tác thu gom chất thải rắn chỉ được thực hiện tại một số xã và đổ về bãi rác tập trung của xã. Chất thải rắn (CTR) sinh hoạt trong khu vực hiện nay chưa được phân loại chính thức tại nguồn mà chỉ một phần CTR được phân loại mang tính tự phát do một số người dân, người đồng nát, người bới rác và những người công nhân thu gom rác tận dụng các chất thải có thể tái chế như kim loại, nhựa, thủy tinh... hoặc được sử dụng lại cho mục đích chăn nuôi như rau và thức ăn thừa.

Hiện tại chưa tổ chức được việc phân loại tại nguồn đối với chất thải rắn công nghiệp và rác thải. Chất thải rắn nguy hại công nghiệp được xử lý bằng phương pháp chôn lấp vĩnh viễn nhưng hiện nay tỉnh Nghệ An vẫn chưa quản lý được loại chất thải này, đặc biệt là loại chất thải kim loại nặng có thể tích tụ trong môi trường đất và nước nhiều năm gây ra các bệnh hiểm nghèo cho con người.

6. Hiện trạng môi trường sinh thái.

Diện tích rừng ngập phân bố rải rác theo các xã ven biển như: Diễn Kim, Diễn Bích. Loại cây chủ yếu được trồng tại các huyện ven biển khu vực quy hoạch là cây đước, trang bần. Trong rừng ngập mặn có nhiều loài động thực vật phong phú.

(1) Đa dạng thủy sinh vật của các thủy vực nội địa:

- Thực vật thủy sinh (Macrophyte): Xác định được 34 loài thực vật thủy sinh thuộc hai ngành Thực vật Quyết (Pteridophyta) và ngành Thực vật có hạt (Spermatophyta) phân bố trong các dạng thủy vực sông, suối nước chảy, trong các hồ ao và ruộng trũng.

- Thực vật nổi: Các thủy vực dạng ao, đầm có số loài nhiều nhất (70 loài) và có nhiều loài thuộc các nhóm Tảo Lam và tảo Lục chỉ thị cho các thủy vực ô nhiễm hữu cơ (phú dưỡng).

- Động vật nổi: Trong thành phần động vật nổi, nhóm Giáp xác Rêu ngành chiếm tỉ lệ cao nhất về thành phần loài (41%) sau đến Trùng bánh xe (28%), Giáp

xác Chân chèo (23%) và cuối cùng là nhóm giáp xác Ostracoda và nhóm ấu trùng Côn trùng (cùng chiếm tỉ lệ 4%).

(2) Đa dạng thủy sinh vật vùng cửa sông ven biển:

a. Thực vật nổi:

Khu vực cửa sông ven biển huyện Diễn Châu xác định được 149 loài thực vật nổi và 74 loài động vật nổi. Tại khu vực cửa sông ven biển, mật độ thực vật nổi chủ yếu thuộc nhóm tảo Silic và một phần nhóm tảo Giáp quyết định, các nhóm tảo Lam và tảo Lục mật độ không đáng kể.

b. Động vật nổi:

Xác định được 74 loài động vật nổi thuộc các nhóm Giáp xác. Trong thành phần động vật nổi, nhóm Giáp xác Chân chèo có số loài cao nhất và cũng là nhóm quyết định mật độ thực vật nổi trong các dạng thủy vực với 38 loài (chiếm 51%).

7. Rủi ro môi trường khu vực ven biển.

(1) Bồi - xói lở vùng cửa sông và đường bờ biển:

Xu thế xói lở bờ dải ven biển Nghệ An đang làm cho dải bờ dịch chuyển dần về phía đất liền tạo nên những dải bờ cong với các mũi nhô ra biển. Đoạn bờ biển dọc xã Diễn Kim đoạn xói lở dài tới 6km. Lạch Vạn là cửa thoát của sông Bùng, bờ Bắc thuộc địa bàn của xã Diễn Kim, bờ Nam thuộc địa bàn của xã Diễn Thành (Diễn Châu). Quá trình xói lở, bồi tụ làm dịch chuyển cửa sông đã diễn ra liên tục và phát triển mạnh trong khoảng 10 năm trở lại đây. Hiện tượng xói lở bờ biển và cửa sông đang là mối đe dọa lớn gây ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, đời sống của nhiều địa phương.

(2) Hiện tượng cát bay, cát chảy:

- Cát bay và cát chảy là hiện tượng phổ biến. Tại một số xã sau mỗi đợt gió bão, tình trạng cát bay vào sâu nội đồng hàng chục mét vùi lấp hoa màu và khu vực dân cư.

- Nhiều đợt mưa lớn, tập trung, tạo ra dòng chảy lớn, các hạt cát theo các dòng chảy này vùi lấp, lắng đọng làm mất tầng mặt của nhiều diện tích đất canh tác.

(3) Hệ khung thiên nhiên cần bảo vệ khu đô thị Phủ Diễn:

TT	Khung thiên nhiên cần bảo vệ	Đặc điểm
01	Sông Bùng	Chiều dài 48,0 km, lưu vực sông 753 km ² , sông có đặc điểm ngắn, chảy quanh co, hệ số uốn khúc lớn. Xây dựng hệ thống đê bao ngăn mặn.

02	Các xã ven biển Diễn Thành, Diễn Kim	Để tránh các tác động đến sỏi lở, trong quá trình qui hoạch, xây dựng các công trình cần tiến hành tu bổ, kè bờ tại các khu vực có nguy cơ rủi ro do cao.
03	Chất lượng nước ven biển - Khu du lịch biển Diễn Thành	Các hoạt động du lịch, dịch vụ ven biển là nguồn gây ô nhiễm môi trường nước ven bờ.

VII. CÁC QUY HOẠCH & DỰ ÁN LIÊN QUAN

1. Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Nội dung chính định hướng liên quan huyện Diễn Châu:

- Xây dựng trung tâm đô thị: Đến năm 2025 đạt đô thị loại IV, trở thành thị xã năm 2030 và đạt đô thị loại III.

- KKT Đông Nam NA sẽ được mở rộng khu vực 1 với diện tích 70.000 ha trong đó mở rộng KCN Thọ Lộc ra hướng Tây Bắc theo QL7, lấy thêm 02 xã Diễn Lợi và Minh Châu vào ranh giới KKT Đông Nam Nghệ An.

2. Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Đông Nam.

- Phần hiện hữu (khu vực 1) diện tích 18.826,47ha, có 6 xã: Diễn Trung, Diễn Thịnh, Diễn An, Diễn Thọ, Diễn Lộc, Diễn Phú thuộc huyện Diễn Châu nằm trong ranh giới KKT Đông Nam NA.

- Định hướng chính liên quan huyện Diễn Châu:

+ Trọng tâm phát triển công nghiệp: Tập trung KCN Thọ Lộc 780ha và KCN-ĐT-DV Thọ Lộc 750ha.

+ Trọng tâm phát triển đô thị: Phát triển khu đô thị số 4 thuộc xã Diễn An và Diễn Trung với quy mô 700ha.

+ Trọng tâm phát triển du lịch: Phát triển khu du lịch, đô thị và sân golf tại xã Diễn Trung diện tích 260ha; Quần thể văn hóa tâm linh Đền Công diện tích 140ha; Khu du lịch, thể thao Hồ Xuân Dương 350ha.

Nhận xét: Phát triển quy hoạch khu kinh tế Đông Nam là cơ hội để phát triển đô thị Phủ Diễn.

3. Quy hoạch vùng Duyên hải.

- Xây dựng đường bộ ven biển: Là xương sống nối kết vùng, tạo thuận lợi phát triển nghề biển trong suốt dải duyên hải.

- Trung tâm chế biến hải sản xuất khẩu: Là giai pháp đột phá, tạo đầu ra cho ngư dân.

+ Đầu tư xây dựng các khu chế biến thủy sản theo hướng công nghiệp, mở rộng các nhà máy chế biến quy mô vừa và nhỏ tại các bến cá nhân dân như Lạch Quèn, Lạch Vạn, Cửa Hội.

+ Tổ chức mạng lưới thu mua, gắn công tác khuyến ngư và thực hiện các chính sách hỗ trợ về con giống đối với người nuôi.



+ Tìm kiếm thị trường xuất khẩu mới, xây dựng và quảng bá thương hiệu cho các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản thì công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho công nhân các cơ sở chế biến xuất khẩu cũng cần được chú trọng.

- Đầu tư mở rộng xây dựng Cảng cá và trung tâm dịch vụ nghề biển. Cảng cá của Nghệ An đang là điểm tựa vững chắc cho nghề khai thác khi đây là nơi cập bờ, nơi neo tàu về, nơi tập trung các cơ sở chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá.

- Phát triển hệ thống cảng biển: Phục vụ phát triển vận tải biển và các ngành khác.

- Phát triển hệ thống du lịch bãi biển tại xã Diễn Thành, Diễn Kim kết hợp với hệ thống bãi biển Diễn Hải.

Nhận xét: Quy hoạch vùng Duyên Hải đã khẳng định vai trò của khu vực Lạch Vạn trong chiến lược phát triển kinh tế biển của tỉnh Nghệ An.

4. Một số dự án phát triển trong khu vực quy hoạch.

- Khu nhà ở TNR quy mô 35 ha.
- Khu nhà ở và dân cư tại xã Diễn Ngọc;
- Bến xe;

- Tổ hợp Khu nhà ở và dịch vụ thương mại tại xã Diễn Thành.

Hiện nay, các xã trên địa bàn đang tiến hành theo chương trình nông thôn mới nên quy hoạch chia lô các khu vực đất ở. Tuy nhiên quy mô còn nhỏ.

5. Quy hoạch chung thị trấn Diễn Châu năm 2007.

(1) Về vị trí và giới hạn khu đất:

- Phía Bắc giáp: Xã Diễn Ngọc, xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu.
- Phía Nam giáp: Xã Diễn Thịnh, xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu.
- Phía Đông giáp: Biển Đông.
- Phía Tây giáp: Xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu.

* Tổng diện tích đất quy hoạch 1.181,90 ha.

(2) Về tính chất đô thị:

- Trung tâm hành chính, kinh tế, văn hoá giáo dục thương mại, khoa học kỹ thuật của huyện Diễn Châu.

- Là trung tâm công nghiệp du lịch, nghỉ mát, nghỉ dưỡng của huyện và Vùng lân cận.

- Là đầu mối giao thông quan trọng của huyện Diễn Châu và tỉnh Nghệ An.

- Có ý nghĩa quan trọng về an ninh quốc phòng.

(3) Về Quy mô dân số, lao động:

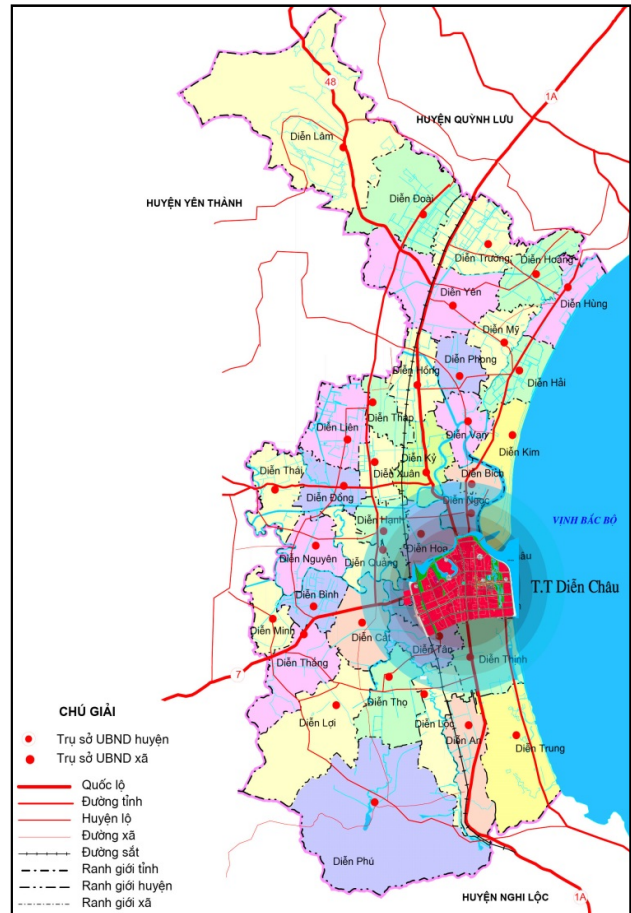
- Dự báo dân số đến năm 2015 khoảng: 35.000 người và đến năm 2025 khoảng: 50.000 người.

- Dự báo lao động đến năm 2015 khoảng: 10.500 lao động và đến năm 2025 khoảng: 15.000 lao động.

(4) Về quy hoạch sử dụng đất:

* Khu phía Đông: 392,0922 ha, gồm:

- Khu trung tâm Huyện: 27,6367 ha.
- Khu du lịch biển 72,1823 ha.



(5) Định hướng phát triển không gian:

a. Khu hành chính, chính trị:

- Quy hoạch khu hành chính và chính trị cấp Huyện tại khu vực xã Diên Thành hiện nay, trên trục không gian từ Quốc lộ 1 đi ra biển Diên Thành.

- Quy hoạch khu hành chính cấp Đô thị tại khu vực phía Đông Bắc của khu vực quy hoạch.

b. Các khu dân cư:

- Cải tạo, xen dầm các khu dân cư hiện nay như ở thị trấn cũ, các khu dân cư cũ.

- Xây dựng các khu đô thị mới về phía Tây, phía Đông Bắc và phía Đông Quốc lộ 1A của khu vực quy hoạch.

- Khu vực phía Nam của khu đất quy hoạch phát triển đất ở dự phòng (hiện nay vẫn để nông nghiệp).

c. Khu công viên cây xanh, TDTT:

- Cây xanh tổ chức thành một hệ thống hành lang theo hướng Bắc Nam là chủ yếu, ngoài thêm khu cây xanh ven sông Bùng.

- Theo hướng Bắc Nam tổ chức công viên theo dọc hồ ở phía Tây khu du lịch ven biển.

- Theo hướng Đông Tây: Tổ chức tuyến cây xanh nối từ trung tâm hành chính huyện ra bờ biển Đông và gắn kết với các công trình hành chính văn hoá, thể thao.

d. Khu công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp:

- Bố trí nằm giữa 2 trục đường sắt Bắc Nam và đường quy hoạch 36.0m.

- Một phần phát triển phía Tây đường sắt trên tuyến đường Quốc lộ 7, ở đây chủ yếu là công nghiệp nhẹ và sạch.

e. Các khu dịch vụ, du lịch:

- Khu du lịch ven biển nằm giữa bờ biển Đông và chuỗi hồ phía Đông. Tại đây có khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ mát, nhà nghỉ dưỡng ngắn ngày và dài ngày.

- Khu du lịch sinh thái tại đảo sông Bùng ở phía Tây Bắc thị trấn. Tại khu vực này tổ chức các vườn sinh vật cảnh, các nhà nghỉ nhỏ, các nhà hàng đặc sản đi kèm với các hệ thống dịch vụ.

(6) Quá trình thực hiện quy hoạch:

a. Thực hiện quy hoạch:

Sau 15 năm đồ án được phê duyệt và quá trình thực hiện quy hoạch khu vực thị trấn Diên Châu đã thực hiện được một số hạng mục như:

- Triển khai cắm mốc lộ giới các trục đường theo quy hoạch được phê duyệt năm 2007.

- Xây mới chi cục thuế.
- Xây dựng trường cao đẳng Hoan Châu.
- Xây dựng đền liệt sỹ Diễn Châu.
- Xây dựng chợ Phủ Diễn mới, cùng với một số công trình dịch vụ thương mại, siêu thị, nhà hàng,...vv.
- Mở rộng đường Quốc Lộ 1A.
- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu du lịch Diễn Thành.
- Đường trục dọc 36.0m phía Đông Quốc lộ 1A.
- Xây dựng hệ thống đê, kè biển.
- Xây dựng hệ thống cấp nước sạch.
- Hệ thống thu gom rác thải.
- Xây dựng hệ thống chiếu sáng một số trục đường chính.

b. Nhận xét:

Quá trình xây dựng mới theo đồ án quy hoạch được duyệt năm 2007 chỉ được khoảng 10%. Những điều trên ảnh hưởng không nhỏ tới tình hình phát triển kinh tế, xã hội của đô thị cũng như thực hiện theo quy hoạch chung.

(7) Xuất hiện các yếu tố mới:

- Theo dự thảo quy hoạch Tỉnh và quyết tâm của Đảng bộ, chính quyền, nhân dân huyện Diễn Châu xây dựng đô thị Phủ Diễn trở thành đô thị loại IV, làm tiền đề cho huyện Diễn Châu trở thành thị xã trước năm 2030.
- Tuyến đường sắt tốc độ cao Hà Nội – TP Hồ Chí Minh và đường bộ Cao tốc Bắc – Nam đi qua khu vực phía Tây của thị trấn.
- Sự tác động mạnh mẽ của Khu Kinh tế Đông Nam vào khu vực phía Đông Nam sẽ là động lực để phát triển đô thị Phủ Diễn.
- Các dự án, các khu đô thị và khu dân cư mới hình thành tạo nên bộ mặt đô thị khác với định hướng cũ.

Tất cả các yếu tố trên làm thay đổi cấu trúc, chức năng của đô thị hiện nay. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu thực tiễn cần điều chỉnh mở rộng về quy mô đất đai, dân số, lao động ...vv tạo đà phát triển kinh tế, kêu gọi đầu tư xây dựng để đáp ứng nhu cầu hiện nay.

6. Quy hoạch xây dựng vùng huyện Diễn Châu.

Định hướng chính liên quan đô thị Phủ Diễn:

+ Nằm trong phân vùng 1 (vùng phía Bắc – tiểu vùng 2): với trung tâm lấy Đô thị Phủ Diễn và đô thị Yên Lý gắn với khu công nghiệp Diễn Quỳnh làm hạt nhân. Trọng tâm phát triển đô thị dịch vụ, thương mại gắn với du lịch sinh thái biển.

+ Định hướng phát triển chính: là vùng kinh tế tổng hợp, hạt nhân phát triển thúc đẩy quá trình đô thị hóa hình thành thị xã Diễn Châu. Lấy đô thị trung tâm là đô thị Phủ Diễn, liên kết chặt chẽ và toàn diện với sự phát triển chung của vùng. Tập trung phát triển vùng theo hướng đô thị dịch vụ thương mại tổng hợp, du lịch và kinh tế biển.

+ Phát triển đô thị Phủ Diễn trở thành đô thị loại IV. Diện tích 38,0 km², dân số đến năm 2030 khoảng 84.000 người.

7. Quy hoạch xây dựng chung xã.

- Toàn bộ 8 xã và thị trấn nằm trong khu vực đô thị Phủ Diễn đã được lập, thẩm định và phê duyệt Quy hoạch nông thôn mới. Giai đoạn 2016-2021, các xã, thị trấn trong khu vực đô thị Phủ Diễn đạt chuẩn xã Nông thôn mới, đảm bảo yêu cầu các tiêu chí Quy hoạch được quy định tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Giai đoạn 2022 đến nay: Sau khi Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực, UBND huyện Diễn Châu đã chỉ đạo UBND các xã rà soát tiêu chí quy hoạch theo yêu cầu mới. Các đồ án được rà soát, phê duyệt điều chỉnh theo thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng phù hợp với thực tế để triển khai thực hiện.

VIII. ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG

1. Thuận lợi.

- Lợi thế về vị trí là khu vực phát triển phía Bắc Nghệ An.
- Có điều kiện tự nhiên, địa hình, địa mạo, cảnh quan sinh thái phong phú đa dạng, giàu tài nguyên và đặc sắc.
- Hệ thống các tuyến giao thông quan trọng Bắc Nam, Đông Tây. Đồng thời có mối giao thương với nước bạn Lào.
- Tốc độ đô thị hóa nhanh.
- Lực lượng lao động trẻ có trình độ khá dồi dào.
- Là vùng đất có lịch sử lâu đời, nhiều công trình di tích, du lịch.
- Là vùng đất địa linh nhân kiệt sinh ra nhiều lãnh tụ nổi tiếng trong lịch sử.
- Mật độ dân cư tập trung tại khu vực nội thị cùng với dân cư phi nông nghiệp là rất cao.

- Có các làng nghề truyền thống lâu đời cần khai thác có hiệu quả để tạo sự phát triển về kinh tế xã hội.

2. Khó khăn.

- Là khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng của bão nên có nguy cơ bị lũ lụt.
- Việc xử lý chất thải rắn chưa được chú trọng cao.
- Quy mô kinh tế nhỏ lẻ, đời sống dân cư còn nghèo, các cơ sở động lực tạo thị còn ít, tiềm năng chưa được khơi dậy.
- Nguồn tài chính hạn hẹp, kêu gọi đầu tư bên ngoài còn hạn chế do vậy mức độ đô thị hóa chưa tương xứng vị thế đô thị.
- Không gian đô thị bị chia cắt bởi địa hình sông ngòi. Hiện trạng các khu chức năng đô thị chưa hoàn chỉnh, chưa khai thác hết tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên nhân văn.
- Mặt bằng đô thị là vùng thường bị ngập nhiều nơi trũng thấp và bị ngập mặn. Hạ tầng đô thị chưa đạt tiêu chuẩn phải đầu tư nhiều từ đó dẫn đến sức hấp dẫn đô thị yếu.
- Còn nhiều tồn tại trong công tác quản lý quy hoạch...vv.

3. Cơ hội.

- Khu kinh tế Đông Nam tác động mạnh mẽ, tích cực đến đô thị Phú Diễn.
- Có tài nguyên văn hóa, điểm du lịch dễ thu hút đầu tư và thị trường.
- Trên các tuyến đường chính trong khung trục và quan trọng của Tỉnh.
- Sự phát triển của các đô thị mới.
- Tỷ lệ sinh, tuổi thọ trung bình tăng, sự quan tâm của người dân đến sức khỏe.

4. Thách thức.

- Các dự án đầu tư vào đô thị chủ yếu là các dự án phát triển đô thị, còn ít về các dự án sản xuất, kinh tế.
- Lượng khách du lịch còn chưa ổn định, thời gian nghỉ lại ngắn ngày.
- Do các đô thị xung quanh cùng phát triển nên tạo sự cạnh tranh cao.
- Nền đô thị ngập nước, hệ thống nước ngập mặn bộ ảnh hưởng nhiều, những rủi ro chưa lường trước được nhiều.
- Bảo tồn và phát huy lại được các làng nghề truyền thống.
- Điểm xuất phát về kinh tế và hạ tầng đô thị chưa thể tạo môi trường đầu tư thuận lợi ngay, nhất là hiện nay ảnh hưởng đến suy thoái nền kinh tế chung.
- Sự chậm trễ trong quá trình xây dựng các cơ sở hạ tầng.

Phần III

CÁC TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

I. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Định hướng đến năm 2040, tầm nhìn 2050 thì đô thị Phủ Diễn sẽ là: **Đô thị sinh thái, dịch vụ và du lịch**

II. ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN

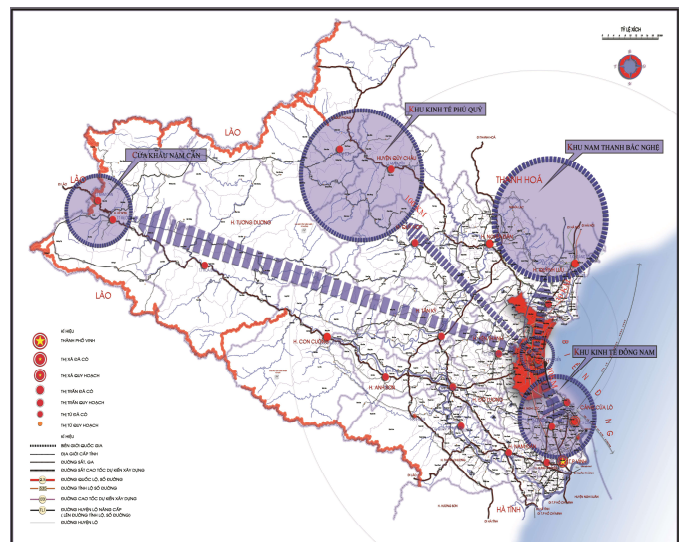
1. Các quan hệ ngoại vùng, nội vùng.

a. Quan hệ ngoại vùng:

- Huyện Diễn Châu gắn với vùng trong một khung trục giao thông chiến lược của quốc gia gồm: Với đường bộ có thể kết nối Vùng Bắc Trung Bộ gồm các tỉnh Thanh Hóa, NghệAn, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế thông qua các tuyến Quốc lộ 1A, cao tốc Bắc Nam, đường bộ ven Biển, đường sắt Bắc Nam; kết nối với Đông Bắc Lào, Thái Lan qua Quốc Lộ 7 nối với đường Hồ Chí Minh và đi lên cửa khẩu Nậm Cắn hoặc Quốc lộ 8 qua cửa Khẩu Cầu treo; Kết nối nội tỉnh thông qua quốc lộ 7B đi lên thị trấn Yên Thành, cùng với hệ thống giao thông thủy (sông Bùng, sông Lạch Vạn, kênh Vách Bắc).

- Diễn Châu nói chung và đô thị Phủ Diễn nói riêng là một bộ phận, là một cấu thành sự phát triển. Đặc biệt về sự phát triển dịch vụ, du lịch, công nghiệp, văn hóa TDTT, chính trị có ý nghĩa vùng. Cùng với đó là sẽ phát triển khu kinh tế Đông Nam, nhiều đô thị sẽ thu hút nhiều đầu tư tạo tiền đề cho Phủ Diễn là điểm chuyển giao trong nước.

- Mở rộng đô thị Phủ Diễn mang lại những hiệu quả tích cực trong quá trình phát triển kinh tế xã hội, mối liên kết hợp tác hỗ trợ cùng phát triển rất thuận lợi về các mặt: Khoa học công nghệ, sản xuất, thị trường, lao động, kể cả việc phân bổ lực lượng sản xuất, điều hòa dân số lao động và công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật chính là nguồn bổ trợ lý tưởng cho nhu cầu phát triển của khu kinh tế Đông Nam.



- Nằm giáp vùng quy hoạch chung Nam Thanh Hóa Bắc Nghệ An. Là một trong 4 cụm kinh tế phát triển phía Bắc của tỉnh Nghệ An cùng với hệ thống các đô thị lân cận, các điểm du lịch trong vùng, có tiềm năng về tài nguyên biển, nhân

văn, các khu kinh tế trọng điểm phía Nam và là một trong những huyện phát triển nhất của tỉnh Nghệ An nhằm tạo sự thúc đẩy phát triển kinh tế chủ yếu của đô thị là hệ thống thương mại và du lịch.

- Khu vực vùng đồng bằng ven biển. Phía Đông Bắc có thị xã Hoàng Mai, phía Đông Nam có thị xã Cửa Lò. Để phát triển kịp nhu cầu của xã hội thì Diễn Châu sẽ phát triển một cách tự nhiên và tự phát.

b. Quan hệ nội vùng:

- Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Nghệ An về việc cho phép UBND huyện Diễn Châu khảo sát lựa chọn địa điểm lập quy hoạch chung đô thị Phủ Diễn mở rộng là một thuận lợi về sự quan tâm, đánh giá tiềm năng của UBND tỉnh đối với huyện và sự phát triển chung của Đô thị.

- Đô thị Phủ Diễn đang được nâng cấp cải tạo đi kèm với nhiều dự án đã và đang tiếp tục triển khai thu hút các khách du lịch, nhân lực lao động của các vùng lân cận từ đó làm tăng các nhu cầu dịch vụ.

- Khu vực nghiên cứu quy hoạch có quỹ đất xây dựng dồi dào thuận lợi cho việc xây dựng đô thị và sản xuất. Có hệ thống sông ngòi và biển phát triển du lịch, khai thác thủy sản, cảng, không gian cảnh quan.

- Tập trung trong đầu tư phát triển công nghiệp chế biến Nông - Lâm - Hải sản theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Khai thác các hệ thống dịch vụ, du lịch đi kèm với việc phục hồi các làng nghề truyền thống của khu vực.

- Sự phát triển các ngành nghề công nghiệp, TTCN trong và ngoài khu vực ảnh hưởng đến quy hoạch.

- Hình thành khu làng kinh tế biển.

2. Cơ sở kinh tế kỹ thuật tạo động lực phát triển đô thị.

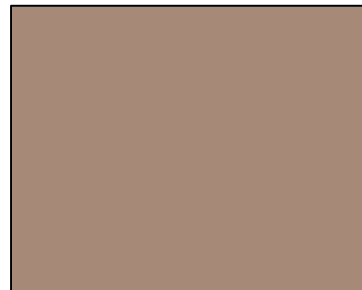
Theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Diễn Châu, động lực chủ yếu để phát triển trong giai đoạn 2022 - 2025 và xa hơn là: Phát triển thương mại dịch vụ, du lịch, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và khoa học công nghệ trong mối quan hệ với vùng, cả nước.



Xử lý vật liệu



Sản xuất Miến



Sản xuất Bia Hà Nội



Sản xuất tôn lợp

Dệt lụa

Nung luyện thép

a. Công nghiệp:

- Cụm công nghiệp Tháp Hồng Kỳ đã đi vào hoạt động với ngành nghề khác nhau như: May mặc, chế biến tôn, sản xuất thép...vv.



Chế biến Thép

May mặc

Đóng tàu thuyền

- Xã Diễn Ngọc là khu vực chuyên chế biến nước mắm, mây re đan, nuôi tằm dệt vải, đóng tàu thuyền, làm muối, vật liệu xây dựng.



SX Nước Mắm

Mây tre đan

SX bánh kẹo

b. Nông nghiệp thủy sản:

Thực hiện cụ thể quy hoạch vùng nuôi trồng thủy hải sản tập trung, nông nghiệp công nghệ cao, vùng trồng rau an toàn.



Nuôi trồng thủy sản



Đánh bắt hải sản



Đánh bắt hải sản



Nông nghiệp



Nuôi trồng thủy sản



Trồng rau sạch

- Tổng tàu thuyền đánh bắt hải sản trong khu vực quy hoạch 788 chiếc.

Bảng III.2.1: SỐ LIỆU THỐNG KÊ TÀU THUYỀN

TT	Xã/Công Suất	20 - 89	90 - 199	Trên 200
01	Diễn Kim	-	216	5
02	Diễn Ngọc	327	34	15
03	Diễn Bích	133	49	5
04	Diễn Thành	84	04	-
	Tổng cộng	460	303	25

c. Thương mại, dịch vụ:

Chợ Phủ Diễn là trung tâm thương mại Diễn Châu, khách sạn Mường Thanh, chợ Sy... Các chợ ở trong mỗi xã.



K.S Mường Thanh



K.S Thương Mại



Chợ, cửa hàng

d. Du lịch:

Bãi biển Diễn Thành, Diễn Kim, Sông Bùng có cảnh quan đẹp khai thác phát triển du lịch.



Sông Bùng



Bãi biển



Bãi Tắm

Trong khu vực quy hoạch còn có các di tích, danh lam thắng cảnh và các làng nghề truyền thống.

Cơ sở kinh tế kỹ thuật hình thành và phát triển đô thị chỉ có thể thực hiện đầy đủ khi có sự chỉ đạo chặt chẽ, hỗ trợ lớn từ tỉnh, vùng, sự quyết tâm phát huy nguồn lực đô thị mới tạo được động lực nhanh, mạnh để đầu tư xây dựng phát triển đô thị.

3. Tiềm năng khai thác quỹ đất xây dựng đô thị.

Tổng diện tích đất quy hoạch chung xây dựng đô thị Phủ Diễn là 3.800,0 ha nhìn chung phân bố không đồng đều xen kẽ dân cư với các khu đất sản xuất nông nghiệp cùng hệ thống sông ngòi. Theo hướng biến động, đất ở và đất chuyên dùng ngày càng tăng, đất nông nghiệp giảm dần. Vì vậy phải có những giải pháp phù hợp với cơ cấu kinh tế, từ đó định hướng khai thác quỹ đất đến năm 2040.

III. TÍNH CHẤT VÀ CHỨC NĂNG CỦA ĐÔ THỊ

- Là đô thị dịch vụ nằm ở vị trí trung tâm huyện Diễn Châu. Có chức năng là Trung tâm về kinh tế - văn hóa, thương mại, du lịch sinh thái biển và du lịch văn hóa, lịch sử; là khu vực vùng lõi trung tâm đô thị khi hình thành thị xã Diễn Châu với các chức năng hành chính, dịch vụ thương mại, dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng, dịch vụ công nghiệp;

- Là đầu mối giao thông kết nối hành lang kinh tế các huyện Tây Bắc với các huyện ven biển và thành phố Vinh theo hai trục Bắc Nam (Quốc lộ 1A; đường sắt Bắc Nam; có liên hệ tuyến Cao tốc Bắc Nam) và Đông Tây (Quốc lộ 7).

IV. QUY MÔ DÂN SỐ, LAO ĐỘNG XÃ HỘI THEO CÁC DỰ BÁO

1. Quy mô dân số.

- Dân số hiện trạng khu vực lập quy hoạch: **75.000** người.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1.02 %.
- Tỷ lệ dân số tăng cơ học: 0.32 %
- Dự báo dân số đô thị Phủ Diễn đến năm 2030: 84.000 người.
- Dự báo dân số đô thị Phủ Diễn đến năm 2040: 98.000 người.

2. Quy mô lao động.

- Lao động hiện trạng khu vực lập quy hoạch: 45.000 người.
- Dự báo trong khu vực quy hoạch đến năm 2040 có: 70.000 người.

V. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TRONG PHẠM VI QUY HOẠCH:

- Sáp nhập xã Diễn Thành và Thị trấn Diễn Châu: Diện tích sau sáp nhập 7,39 km² (đạt 133,09% tiêu chuẩn phường); Dân số 18.456 người (đạt 369% tiêu chuẩn phường);

- Sáp nhập xã Diễn Ngọc và xã Diễn Bích: Diện tích sau sáp nhập 5,65 km² (đạt 102,73% tiêu chuẩn phường); Dân số 26.833 người (đạt 537% tiêu chuẩn phường);

- Các xã giữ nguyên đơn vị hành chính (Không thực hiện sáp nhập để nâng loại thành phường);

+ Xã Diễn Kỷ: Diện tích 6,31 km² (đạt 114,73% tiêu chuẩn phường); Dân số 11.468 người (đạt 236% tiêu chuẩn phường);

+ Xã Diễn Hoa: Diện tích 4,54 km² (đạt 82,36% tiêu chuẩn phường); Dân số 5.072 người (đạt 101% tiêu chuẩn phường);

+ Xã Diễn Phúc: Diện tích 4,7 km² (đạt 85,45% tiêu chuẩn phường); Dân số 5.048 người (đạt 101% tiêu chuẩn phường);

+ Xã Diễn Tân: Diện tích 5,04 km² (đạt 91,64% tiêu chuẩn phường); Dân số 7.951 người (đạt 159% tiêu chuẩn phường);

Diện tích tự nhiên của 03 đơn vị hành chính (*Diễn Hoa: Diện tích 4,54 km² đạt 82,36% tiêu chuẩn phường; Diễn Phúc: Diện tích 4,7 km² đạt 85,45% tiêu chuẩn phường; Diễn Tân: Diện tích 5,04 km² đạt 91,64% tiêu chuẩn phường*) phù hợp quy định tại khoản 17 Điều 1 Nghị quyết 27/2022/UBTVQH15 sửa đổi Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính “17. Sửa đổi, bổ sung điều 31 như sau: d) Trường hợp thành lập đơn vị hành chính đô thị trên cơ sở nguyên trạng 01 đơn vị hành chính cùng cấp hoặc hoặc điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính để thành lập đơn vị hành chính đô thị mà không làm thay đổi số lượng đơn vị hành chính thì diện tích tự nhiên của các đơn vị hành chính sau khi thành lập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính có thể thấp hơn nhưng tối thiểu phải đạt 50% tiêu chuẩn đơn vị hành chính tương ứng; không áp dụng tiêu chuẩn về số đơn vị hành chính trực thuộc quy định tại khoản 3 Điều 1, khoản 3 Điều 2, khoản 3 Điều 7 của Nghị quyết này; các tiêu chuẩn khác thực hiện theo quy định tại Chương I của Nghị quyết này”.

VI. DỰ KIẾN CÁC KHU CHỨC NĂNG:

- Đất xây dựng các công trình công cộng.
- Đất xây dựng thương mại dịch vụ.
- Đất dịch vụ du lịch.
- Đất xây dựng nhà ở dân cư.
- Đất xây dựng CV - CX - TĐTT.
- Đất xây dựng khu công nghiệp.
- Đất xây dựng làng kinh tế biển.
- Đất xây dựng các công trình kỹ thuật đầu mối.

VII. CÁC CHỈ TIÊU, TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT:

1. Phạm vi quy hoạch.

Toàn bộ diện tích đất quy hoạch chung xây dựng đô thị Phú Diễn mở rộng, huyện Diễn Châu. Tỷ lệ 1/10.000 với diện tích **3.800,0** ha.

2. Thời hạn nghiên cứu.

Thời hạn nghiên cứu quy hoạch đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2025 (Giai đoạn đầu đến năm 2030).

Quy hoạch chung xây dựng đô thị Phú Diễn được lấy các chỉ tiêu theo tiêu chuẩn tương đương đô thị loại IV.

3. Các chỉ tiêu sử dụng đất.

- Đất dân dụng bình quân toàn đô thị: 50-80m²/người, trong đó:
 - + Đất đơn vị ở bình quân toàn đô thị: 28-45m²/người;
 - + Đất công trình công cộng trong đô thị tối thiểu: 5m²/người;
 - + Đất cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị tối thiểu: 5m²/người ;
 - + Đất giao thông trong đô thị: 9->12m²/người.
- Đất ngoài dân dụng: Được tính toán theo nhu cầu thực tế của đô thị, các yêu cầu phát triển chung của tỉnh, bao gồm đất hành chính; An ninh Quốc phũng; cung nghiệp, kho tàng; hạ tầng kỹ thuật; các công trình đầu mối hệ thống kỹ thuật đô thị; các khu chức năng khác theo nhu cầu phát triển đô thị và đất dự phòng phát triển.

4. Các chỉ tiêu tầng cao xây dựng, mật độ xây dựng.

Bảng III.6.1: CÁC CHỈ TIÊU XÂY DỰNG

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu Quy hoạch
01	Tầng cao xây dựng		
-	Nhà chung cư	Tầng	5 - 9
-	Nhà liên kế	Tầng	2 - 5
-	Nhà biệt thự	Tầng	1 - 3
-	Công trình giáo dục	Tầng	1 - 3
-	Công trình DVCC khác	Tầng	1 - 7
02	Mật độ xây dựng		
-	Nhà chung cư	%	25 - 45

-	Nhà liên kế	%	50 - 80
-	Nhà biệt thự	%	30 - 50
-	Công trình giáo dục	%	15 - 25
-	Công trình DVCC khác	%	20 - 30

5. Các chỉ tiêu công trình hạ tầng xã hội.

Bảng III.6.2: CÁC CHỈ TIÊU CÔNG TRÌNH XÃ HỘI

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu Quy hoạch
01	Nhà trẻ, mẫu giáo	cháu/1000 dân m2/1 cháu	50 15 - 20
02	Trường tiểu học	hs/1000 dân m2/1 hs	65 15 - 20
03	Trường THCS	hs/1000 dân m2/1 hs	55 15 - 20
04	Trường phổ thông trung học, dạy nghề	cháu/1000 dân m2/1 cháu	40 15 - 20
05	Trạm y tế	trạm/1000 dân m2/1 trạm	1 500
06	Phòng khám đa khoa	C. trình/đô thị m2/1 C.trình	1 3.000
07	Sân thể dục thể thao (Đơn vị ở)	m2/người ha/ 1 sân	0,5 0,3
08	Sân vận động (Đô thị)	m2/người ha/ 1 sân	0,8 2,5
09	Trung tâm TDTT (Đô thị)	m2/người ha/ 1 sân	0,8 3,0
10	Chợ	c.trình/đơn vị ở c.trình/đô thị	0,2 0,8

6. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

a. Giao thông:

Khu vực quy hoạch chung xây dựng đô thị Phú Diễn mở rộng tỷ lệ 1/10.000 cần nghiên cứu đến cấp đường chính khu vực:

Bảng III.6.3: CÁC CHỈ TIÊU GIAO THÔNG

TT	Hạng mục	Khoảng cách (m)	Mật độ đường km/km ²
01	Đường trục chính đô thị	2400 - 4000	0,83 - 0,5
02	Đường chính đô thị	1200 - 2000	1,5 - 1,0
03	Đường liên khu vực	600 - 1000	3,3 - 2,0
04	Đường chính khu vực	300 - 500	6,5 - 4,0
05	Đường khu vực	250 - 300	8,6 - 6,5

b. Chuẩn bị kỹ thuật:

- Quy định về thu gom nước mưa:
- + 100% đường nội thị phải có hệ thống thoát nước mưa;
- + Tối thiểu 60% đường ngoại thị phải có hệ thống thoát nước mưa;
- + Đường có chiều rộng $\geq 40\text{m}$, phải bố trí hệ thống thoát nước mưa 2 bên đường;

Mức nước tính toán – mức nước cao nhất có chu kỳ theo tần suất (số năm)

Loại đô thị Khu chức năng	Loại III
Khu trung tâm	20
Khu công nghiệp, kho tàng	20
Khu ở	20
Khu cây xanh, TDTT	10
Khu dân cư nông thôn	- Dân dụng $> H_{\text{maxTB}}$ năm - Công cộng $> H_{\text{max}} + 0.3\text{m}$

c. Cấp nước sinh hoạt:

- Nguồn nước mặt: Lấy từ sông Bùng và kênh Nông Giang
- Nước cho các công trình công cộng, dịch vụ: 10% Q_{sh} ;

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt:

Loại đô thị	Nhu cầu dùng nước			
	Đợt đầu (10 năm)		Dài hạn (20 năm)	
	Tỷ lệ cấp nước (% dân số)	Tiêu chuẩn (lít/người-ngđ)	Tỷ lệ cấp nước (% dân số)	Tiêu chuẩn (lít/người-ngđ)
IV	≥ 80	100- $\geq$ 120	≥ 90	110- $\geq$ 125

d. Cấp điện:

- Nguồn điện: Từ trạm 110kV Diễn Châu 110/35/22 kV-(2x40)MVA; Trạm 110kV Quỳnh Lưu 110/35/22-(2x40)MVA; Quy hoạch Trạm 110kV Diễn Phong - 110/35/22- (2x40)MVA.

- Chỉ tiêu:

+ Điện công trình công cộng (tính bằng % phụ tải điện sinh hoạt): 35%;

+ Tiêu chuẩn điện sinh hoạt:

Loại đô thị	Nhu cầu cấp điện	
	Đợt đầu (10 năm)	Dài hạn (sau 10 năm)
	Phụ tải (W/người)	Phụ tải (W/người)
IV	330	500

e. Thoát nước bẩn và vệ sinh môi trường:

- Quy hoạch xây dựng hệ thống thoát nước riêng;

- Sử dụng hệ thống thoát nước mưa, nước bẩn riêng biệt;

- Thu gom nước thải sinh hoạt phải đạt $\geq 80\%$ tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt;

- Thu gom nước thải công nghiệp phải đạt $\geq 80\%$ tiêu chuẩn cấp nước công nghiệp;

- Tỷ lệ thu gom chất thải:

Loại đô thị	Lượng thải chất thải rắn phát sinh (kg/người - ngày)	Tỷ lệ thu gom CTR (%)
IV	0,9	≥ 90

Phần IV

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

I. Ý TƯỞNG QUY HOẠCH

Với yếu tố đặc thù về cảnh quan, văn hóa, một trung tâm dân cư, trung tâm giao lưu lớn, trung tâm du lịch nên khai thác đô thị Phủ Diễn ở những mặt sau:

- Hình thành phát triển theo mô hình chùm đô thị bao gồm đô thị trung tâm và các điểm trung tâm lân cận.

- Xây dựng một đô thị mang nét văn hóa đặc trưng. Không những là trung tâm vùng Đồng bằng ven biển, là nơi điểm đầu giao lưu với các tỉnh phía Tây mà là vùng Duyên Hải Nghệ An.

- Do cảnh quan có sông, hồ, biển, cây xanh sinh thái đa dạng, nhiều danh lam thắng cảnh, di tích nên khai thác định hướng phát triển sản phẩm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng biển nhằm thu hút khách du lịch trong và ngoài tỉnh đến tham quan, trải nghiệm sẽ cuốn hút được số lượng lớn dân cư khu vực phía Tây Nghệ An, khu vực trong tỉnh tới thưởng thức các dịch vụ chất lượng cao. Do vậy, nên xây dựng ở đây một đô thị xanh - mặt nước, đô thị du lịch, nghỉ dưỡng - vui chơi, mua sắm... chất lượng cao.

II. SƠ ĐỒ CƠ CẤU VÀ PHÂN KHU CHỨC NĂNG:

1. Các phương án cơ cấu.

(1) Nguyên tắc:

Phạm vi quy hoạch được giới hạn bởi 07 xã, 01 thị trấn và một phần phía Nam của xã Diễn Kim.

Xây dựng, phát triển trên cơ sở hiện trạng mở rộng, ít phá bỏ nhưng phù hợp cơ cấu chức năng quy hoạch mới.

(2) Các phương án:

Hướng phát triển đô thị và tổ chức cơ cấu không gian cơ bản cả 2 phương án có cơ cấu chức năng chính như nhau, tuy nhiên có một số khu thay đổi lựa chọn để phù hợp và tạo không gian cho đô thị.

a. Phương án 01: (PA chọn)

- Phát triển theo hướng trục và cụm, hướng trục Bắc Nam bám theo dọc trục Quốc lộ 1A đã có, hướng trục Đông Tây theo dọc trục nối từ thị trấn Yên Thành về trung tâm mới tại xã Diễn Hoa.

- Chuyển trung tâm từ vị trí hiện nay (khu vực thị trấn và xã Diễn Thành) về tại vị trí xã Diễn Hoa.

- Các trọng điểm mới được đặt tại khu vực vệ tinh. Thúc đẩy sự mở rộng hướng tâm.

*** Điểm mạnh:**

- Tạo khả năng mở rộng đô thị phát huy được tiềm năng của đô thị, tạo mối liên hệ thuận lợi nên dễ thu hút đầu tư.

- Khai thác triệt để được các tài nguyên, địa hình và lợi thế của toàn khu vực.

*** Điểm yếu:**

Cần đầu tư xây dựng ban đầu lớn cho các trọng điểm mới.

b. Phương án 02: (So Sánh).

- Phát triển theo dạng chuỗi, hướng trục Bắc Nam bám theo dọc trục Quốc lộ 1A đã có.

- Bố trí các trọng điểm chức năng đô thị theo dạng chuỗi hạt trên trục Thị trấn và Diên Kỷ thông qua trục đường Quốc lộ 1A.

- Hướng phát triển đô thị dọc theo trục lấy các trọng điểm liên tiếp làm trung tâm.

*** Điểm mạnh:**

Các chức năng sớm đã hình thành trên trục Quốc lộ 1A vì vậy khai thác được thế mạnh có triển vọng thúc đẩy sự phát triển khu vực.

*** Điểm yếu:**

- Các yếu tố phát triển ngoài trục yếu.

- Để hoàn thành được toàn thể đô thị trên trục, cần đầu tư trước hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho một số khu vực trên trục.

- Một số đoạn trên trục khó xây dựng do nhiều yếu tố như: Giả tỏa đền bù, điều kiện nền móng địa hình...vv.

- Chưa tận dụng khai thác được những không gian cảnh quan chung của đô thị.

2. Lựa chọn phương án.

Sau khi nghiên cứu lựa chọn phương án 01 làm phương án chọn. Phương án chọn phù hợp với nhu cầu phát triển đô thị trong tương lai.

III. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1. Phương án chọn đất.

Phía Nam bị giới hạn bởi xã Diên Thịnh (thuộc khu kinh tế Đông Nam), phía Đông bị giới hạn bởi bờ biển, phía Tây bị giới hạn bởi đường sắt Bắc Nam, quy hoạch đường bộ cao tốc. Vì vậy, đô thị Phú Diên phát triển chủ yếu lên hướng Bắc với quỹ đất xây dựng thuận lợi để tổ chức bộ mặt đô thị mới.

2. Quy hoạch sử dụng đất.

(1) Các khu trung tâm:

a. Cơ quan hành chính:

- Tổ chức hai bên trục dọc đường quy hoạch 45m ở xã Diễn Hoa. Bao gồm Trung tâm giáo dục, đào tạo, công trình hành chính đảng, chính quyền cấp huyện, văn hóa, y tế ...v.v.

b. Trung tâm thương mại dịch vụ:

Tổ chức chủ yếu tại các điểm giao nhau của các trục đường với Quốc lộ 1A. Bao gồm khu siêu thị, khu giới thiệu và giao dịch các dịch vụ thương mại.

c. Trung tâm y tế:

Tổ chức tại xã Diễn Phúc nằm về phía Bắc đường Quốc lộ 7. Đây là bệnh viện đa khoa phục vụ cho các huyện vùng đồng bằng ven biển.

d. Khu cây xanh, công viên:

Tổ chức công viên cây xanh, vui chơi giải trí đô thị tổ chức ở tại sông Bùng. Ngoài ra tổ chức hệ thống cây xanh ven sông, cây xanh trong các khu ở, cây xanh đường phố và đặc biệt là cây xanh phía Tây khu đất du lịch ven biển xã Diễn Thành.

(2) Các khu ở mới:

a. Khu ở số 1:

Tổ chức tại khu vực phía Nam xã Diễn Kỳ (Sông Bùng chạy quanh khu đất) quy mô hơn 30ha. Xây dựng nhà ở chung cư cao tầng, biệt thự và chia lô.

b. Khu ở số 2:

Tổ chức tại khu vực phía Bắc xã Diễn Ngọc và Tây Nam xã Diễn Bích quy mô hơn 33ha. Khu đất chủ yếu đang là đất làm muối.

c. Khu ở số 3:

Tổ chức một số điểm tại khu vực phía Nam của đô thị. Khu đất chủ yếu đang là đất trồng lúa, hoa màu và đất chưa sử dụng.

(3) Các khu công nghiệp:

- Tổ chức khu công nghiệp tập trung ở phía Tây Bắc (thuộc xã Diễn Kỳ) của Đô thị.

- Tổ chức khai thác cảng Lạch Vạn để bố trí cảng cá, nhà máy chế biến hải sản tại khu vực phía bắc xã Diễn Thành.

3. Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất:

Bảng IV.1.1: TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất theo các giai đoạn quy hoạch

TT	Thành phần đất	Hiện trạng	Giai đoạn					
			Đến 2030			Đến 2040		
		Diện tích (ha)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Cân bằng (+/-)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Cân bằng (+/-)
	Đơn vị							
I.	Đất dân dụng	1.407,77	2.059,36	54,19	651,59	2.306,84	60,71	899,07
1	Đất dịch vụ - công cộng ĐT	39,73	151,77	3,99	112,04	184,15	4,85	144,42
2	Đất hỗn hợp	94,00	149,18	3,93	55,18	206,15	5,43	112,15
3	Đất đơn vị ở	1.098,08	1.115,61	29,36	17,53	1.165,61	30,67	67,53
4	Đất cơ quan, trụ sở đô thị	12,15	49,25	1,30	37,10	49,25	1,30	37,10
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng đô thị	8,30	116,81	3,07	108,51	158,05	4,16	149,75
6	Đất giao thông đô thị	114,69	430,44	11,33	315,75	478,12	12,58	363,43
7	Đất hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị	40,82	46,30	1,22	5,48	65,51	1,72	24,69
II.	Đất ngoài dân dụng	2.392,23	1.740,64	45,81	-651,59	1.493,16	39,29	-899,07
1	Đất sản xuất công nghiệp, kho tàng	4,70	8,59	0,23	3,89	8,59	0,23	3,89
2	Đất trung tâm nghiên cứu, đào tạo	5,42	11,98	0,32	6,56	24,72	0,65	19,30
3	Đất dịch vụ, du lịch	16,44	93,99	2,47	77,55	220,26	5,80	203,82
4	Đất trung tâm y tế	2,85	5,00	0,13	2,15	12,03	0,32	9,18
5	Đất trung tâm văn hóa, thể dục thể thao	9,30	24,30	0,64	15,00	35,20	0,93	25,90
6	Đất cây xanh chuyên dụng	0,00	16,96	0,45	16,96	16,96	0,45	16,96
7	Đất cây xanh sử dụng hạn chế	57,94	87,94	2,31	30,00	103,48	2,72	45,54
8	Đất di tích, tôn giáo	5,32	7,32	0,19	2,00	7,32	0,19	2,00
9	Đất an ninh	3,74	3,74	0,10	0,00	3,74	0,10	0,00
10	Đất quốc phòng	10,72	13,60	0,36	2,88	13,60	0,36	2,88
11	Đất giao thông đối ngoại	42,63	85,23	2,24	42,60	157,16	4,14	114,53
12	Đất hạ tầng kỹ thuật khác ngoài đô thị	0,00	3,00	0,08	3,00	11,40	0,30	11,40
13	Đất sản xuất nông nghiệp	1.672,19	878,74	23,12	-793,45	417,36	10,98	-1.254,83
14	Đất lâm nghiệp	32,28	32,28	0,85	0,00	0,00	0,00	-32,28
15	Đất nuôi trồng thủy sản	115,69	65,69	1,73	-50,00	32,57	0,86	-83,12
16	Đất dự trữ phát triển	0,00	44,58	1,17	44,58	71,07	1,87	71,07
17	Đất chưa sử dụng	55,31	0,00	0,00	-55,31	0,00	0,00	-55,31
18	Đất sông suối, kênh rạch	252,02	252,02	6,63	0,00	252,02	6,63	0,00
19	Đất mặt nước ven biển	105,68	105,68	2,78	0,00	105,68	2,78	0,00
	Tổng cộng	3.800,0	3.800,0	100,0		3.800,0	100,0	-

IV. ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN:

1. Phân vùng tổ chức không gian phát triển.

Định hướng phát triển đô thị Phủ Diễn mở rộng thành 04 khu vực:

- Khu vực 1: Phát triển trung tâm hành chính, dịch vụ đô thị, là vùng tập trung các công trình hành chính đô thị, thương mại dịch vụ, dân cư tập trung. Bao gồm thị trấn hiện hữu và một phần các xã Diễn Thành, Diễn Phúc tại phía Bắc Quốc lộ 7 và các xã Diễn Hoa, Diễn Ngọc (Phía Tây giáp sông Lạch Vạn);

- Khu vực 2: Phát triển dịch vụ du lịch, là vùng tập trung các công trình dịch vụ, thương mại, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, kết hợp dân cư. Bao gồm một phần xã Diễn Thành tại phía Tây tuyến đường quy hoạch 36m và một phần xã Diễn Kim (thuộc ranh giới quy hoạch);

- Khu vực 3: Phát triển dân cư, đô thị dịch vụ - công nghiệp, là vùng tập trung khu dân cư cũ và mới kết hợp phát triển các công trình dịch vụ công nghiệp gắn với vùng công nghiệp, đô thị dịch vụ phía Bắc Khu kinh tế Đông Nam; đồng thời, một phần kết hợp chức năng nông nghiệp gắn với việc dự phòng quỹ đất để tạo nguồn lực cho giai đoạn sau. Bao gồm một phần xã Diễn Thành, xã Diễn Phúc tại phía Tây khu vực 2 và phía Nam Quốc lộ 7;

- Khu vực 4: Phát triển dân cư, đô thị thương mại truyền thống địa phương, gắn với các dịch vụ dọc hai bên tuyến Quốc lộ 1 và Quốc lộ 7B. Bao gồm toàn xã Diễn Bích và Diễn Kỷ (Phía Bắc khu vực 1).

2. Định hướng phát triển không gian.

(1) Khu trung tâm hành chính:

+ Quy hoạch mới trung tâm hành chính cấp huyện và đô thị tại xã Diễn Hoa. Diện tích đất 32,38ha;

+ Cơ quan hành chính cấp xã, phường cơ bản giữ nguyên tại các vị trí cũ hiện có; từng bước xây dựng mới một số cơ quan, mở rộng, cải tạo đạt tiêu chuẩn, yêu cầu phát triển.

(2) Trung tâm thương mại dịch vụ:

+ Tổ chức quy hoạch mới hệ thống trung tâm thương mại, dịch vụ hỗn hợp, siêu thị tập trung tại phía Bắc xã Diễn Kỷ với nhóm công trình cao tầng nhằm tạo lập điểm nhấn cho khu vực cửa ngõ đô thị. Tổng diện tích đất 16,58 ha;

+ Từng bước chuyển đổi chức năng khu đất hành chính cấp huyện cũ (hai bên Quốc Lộ 1) thành hệ thống công trình thương mại và dịch vụ. Tổng diện tích 10,25ha;

+ Quy hoạch mới trung tâm thương mại dịch vụ tại phía Tây của xã Diễn Hoa giáp với tuyến tránh Quốc lộ 1. Tổng diện tích đất 7,20ha;

+ Giữ nguyên hiện trạng chợ Phủ Diễn tại xã Diễn Thành, từng bước nâng cấp cải tạo thành trung tâm dịch vụ, thương mại hiện đại hơn;

(3) Trung tâm giáo dục, đào tạo:

+ Giữ nguyên vị trí trường Cao đẳng Hữu nghị (trước là cao đẳng Hoan Châu) tại phía Nam cửa Lạch Vạn xã Diễn Thành; trường đào tạo lái xe tại xã Diễn Kỳ.

+ Quy hoạch mới 02 cơ sở giáo dục, nghiên cứu đào tạo mới với tổng diện tích 18,3ha tại xã Diễn Hoa (12,7ha) và xã Diễn Kỳ (5,6ha);

+ Giữ nguyên tại vị trí cũ hiện có và từng bước cải tạo, mở rộng hệ thống trường THPT ngoài trường THPT Nguyễn Xuân Ôn (xã Diễn Thành), trường THPT Quang trung (xã Diễn Kỳ), trường THPT Ngô Trí Hòa (Thị Trấn) đạt tiêu chuẩn.

+ Quy hoạch thêm 01 điểm trường tại xã Diễn Hoa, diện tích 4,7ha.

+ Tổ chức hệ thống trường học mầm non, tiểu học, THCS phát triển theo từng cụm trung tâm đơn vị ở gần với đơn vị hành chính sau sắp xếp để từng bước cải tạo, mở rộng đảm bảo phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch, nhu cầu của đô thị.

- Phương hướng giáo dục đào tạo:

+ Đảm bảo quy mô phát triển của giáo dục - đào tạo phù hợp với tốc độ và chất lượng kinh tế.

+ Đưa giáo dục mầm non và phổ thông thị xã đạt mức tiên tiến của cả nước; đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục bậc THPT. Tăng tỷ lệ trẻ em học bán trú, học sinh học tại các trường bán công. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh ở tất cả các bậc học và cấp học. Tăng cường các hoạt động giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông, từng bước phân luồng hợp lý học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông.

+ Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu: Đảm bảo đủ số lượng, đồng bộ và cân đối chất lượng giữa các vùng (đô thị, nông thôn và vùng biển); tăng cường công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng phục vụ hoạt động giáo dục đào tạo.

+ Đảm bảo đến năm 2025 có 100% số trường đạt chuẩn quốc gia. Xây dựng mới hệ thống trường học ở khu đô thị mới, các khu công nghiệp,.. đảm bảo có đủ trường học ở các cấp cho nhân dân và con em công nhân viên được học tập tại đô thị.

+ Thành lập trường dạy nghề theo hướng đa ngành để đào tạo lao động kỹ thuật (cơ khí sửa chữa, chế tạo, cơ khí tàu thuyền, xây dựng, du lịch, dịch vụ cảng và vận tải biển...) phù hợp với hướng phát triển của đô thị.

+ Xã hội hóa giáo dục. Khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân tham gia phát triển giáo dục, đào tạo. Chú trọng việc đào tạo các nhà doanh nghiệp, đặc biệt là đối với các ngành công nghiệp, dịch vụ, du lịch,... bằng các hình thức đào tạo tại chỗ và gửi đi đào tạo tại các trung tâm kinh tế lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh... và nước ngoài.

Có chính sách ưu đãi nhằm thu hút các chuyên gia và lao động kỹ thuật giỏi trong và ngoài nước đến làm việc tại đô thị, nhất là trong các khu công nghiệp.

(4) Trung tâm y tế:

- + Giữ nguyên Bệnh viện đa khoa Diễn Châu tại xã Diễn Phúc. Mở rộng diện tích, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu trong tương lai đạt chuẩn hạng II, diện tích 5,0ha;

- + Quy hoạch mới khu đất y tế tại xã Diễn Hoa với diện tích khoảng 7,0ha để đáp ứng yêu cầu phát triển cho vùng;

- + Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức, sắp xếp lại các trạm y tế xã và trung tâm y tế cấp đô thị trên cơ sở hiện trạng tại các vị trí hiện nay, từng bước cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất đạt yêu cầu;

- Phương hướng dịch vụ y tế:

- + Gắn hoạt động chữa bệnh với du lịch nghỉ dưỡng như một hướng phát triển mới của đô thị trong giai đoạn tới. Thực hiện tốt việc cung cấp dịch vụ bảo hiểm y tế cũng như dịch vụ khám chữa bệnh chất lượng cao cho người dân có nhu cầu.

- + Đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất mạng lưới y tế tuyến cơ sở, đảm bảo 100% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế vào năm 2025, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cơ bản cho nhân dân và góp phần giảm tải cho các cơ sở khám chữa bệnh tuyến tỉnh. Tăng cường hợp tác về y tế với các địa phương khác trong vùng, trong hoạt động phòng chống dịch bệnh và cấp cứu thảm họa thiên tai.

- + Tập trung ưu tiên cho công tác đào tạo bác sĩ tuyến xã, bác sĩ chuyên khoa và sau đại học nhằm đạt mục tiêu bình quân cả nước về số bác sỹ/vạn dân vào năm 2023, bồi dưỡng cán bộ quản lý về lĩnh vực y tế, có chính sách khuyến khích đội ngũ cán bộ y tế về phục vụ tuyến cơ sở; đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên khoa đầu ngành, bác sĩ chuyên môn cao.

- + Gắn hoạt động y tế với hoạt động cứu hộ, cứu trợ trên biển. Đảm bảo có đủ trang thiết bị và nhân lực đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh và ứng phó kịp thời trước các thảm họa thiên tai với quy mô và cường độ lớn.

- + Giai đoạn 2022 – 2025 nâng cấp bệnh viện đa khoa Diễn Châu lên quy mô 800 giường với trang thiết bị hiện đại, đạt tiêu chuẩn quốc tế đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh chất lượng cao cho nhân dân và các thủy thủ, các chuyên gia, khách du lịch trong và ngoài nước.

- + Tiếp tục duy trì và phát huy tốt hơn các chương trình y tế quốc gia và phòng chống bệnh dịch nguy hiểm để hạ thấp tỷ lệ người mắc bệnh trong cộng đồng. Tăng cường đầu tư cho việc nghiên cứu ứng dụng y học cổ truyền trên các mặt phòng bệnh, chữa bệnh và sản xuất thuốc. Thực hiện tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình.

(5) Trung tâm du lịch nghỉ dưỡng:

Tổng diện tích 220,26 ha, bố trí ở 3 khu vực:

a. Biển Diễn Thành:

Quy hoạch các khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, kết hợp vui chơi giải trí, tắm biển... Tổng diện tích đất khoảng 36,80ha;

b. Bãi bồi xã Diễn Kim:

Quy hoạch khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng kết hợp với công trình trình dịch vụ, thể thao chất lượng cao; khai thác cảnh quan mặt nước, hệ thống cây ngập mặn gắn kết với hệ thống cây xanh ven Biển để tổ chức trung tâm nghỉ dưỡng chất lượng cao phục vụ cho đô thị, cho vùng, kết hợp thu hút khách du lịch. Tổng diện tích đất khoảng 126,27ha;

c. Khu vực xã Diễn Thành, Diễn Phúc:

Quy hoạch khu du lịch trải nghiệm, du lịch phục hồi sinh thái, bảo tồn thiên nhiên, khai thác cảnh quan mặt nước sông Bùng kết hợp dịch vụ. Tổng diện tích đất khoảng 57,19ha.

(6) Công viên cây xanh, mặt nước, Trung tâm TDTT:

a. Công viên cây xanh:

Tổ chức, sắp xếp, quy hoạch mới hệ thống cây xanh đô thị, cây xanh chuyên đề, cây xanh sử dụng hạn chế trong đô thị theo hướng gắn kết với các trung tâm, quảng trường, ven sông, dọc bờ biển và kết nối thống nhất với các đơn vị ở. Tổng diện tích cây xanh các loại được quy hoạch 278,49ha. Trong đó:

- Cây xanh công cộng đô thị 158,05ha. Gồm:

- + Công viên cây xanh trung tâm, kết hợp quảng trường phía Bắc tại xã Diễn Hoa và phía Tây sông Bùng. Tổng diện tích đất khoảng 43,65ha;

- + Công viên phía Nam tại xã Diễn Thành, kết hợp hệ thống lạch nước hiện trạng để tạo môi trường, vi khí hậu cho khu vực. Tổng diện tích đất khoảng 35,50ha;

- + Còn lại là hệ thống cây xanh, công viên, vui chơi giải trí, thể dục thể thao đô thị và đơn vị ở (bao gồm cũ và quy hoạch mới) được quy hoạch tại các điểm dân cư hiện trạng và khu vực phát triển mới.

- Cây xanh chuyên dụng 16,96ha được quy hoạch gắn với ven sông Bùng tại khu vực trung tâm đô thị;

- Cây xanh sử dụng hạn chế 103,48ha được quy hoạch ven sông, ven biển vừa tạo cảnh quan, điều hòa không khí và để giảm thiểu các thiên tai về bão lụt, sạt lở các khu vực ven sông, ven biển.

b. Mặt nước :

- Giữ nguyên cơ bản hệ thống sông, kênh, rạch hiện trạng (sông Bùng, sông Lạch Vạn); nắn chỉnh, khơi thông, tôn tạo một số đoạn nhằm khai thác tốt lợi thế về không gian cảnh quan, kết hợp tiêu thoát nước cho đô thị. Tổng diện tích 252,02 ha. Hệ thống mặt nước ven biển khoảng 105,68ha.

- Khai thác hệ thống sông Bùng, sông Lạch Vạn để phát triển du lịch dọc hai bên sông đồng thời tạo các bến thuyền, điểm dịch vụ và phát triển hệ thống cây xanh cảnh quan, chống biến đổi khí hậu để phát huy tối đa tiềm năng vốn có.

c. Trung tâm TDTT:

- Xây dựng thiết chế văn hóa trung tâm thể thao đạt chuẩn ở các xã; hoàn thiện hệ thống các nhà bưu điện - văn hóa xã; xây dựng đời sống văn hóa, văn minh đô thị bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống; nâng cấp, xây dựng mới đài phát thanh, truyền hình hiện đại; xây dựng và nâng cấp các công trình phục vụ thể thao, xây dựng các khu vui chơi, giải trí, công viên cây xanh, phục vụ nhu cầu sinh hoạt, giải trí của nhân dân.



(7) Đơn vị ở:

Dân cư ở khu trung tâm Thị trấn, gồm các xóm 1, 2, 3, 4, 5.

- Tại các đơn vị ở mới: Tập trung xây dựng đúng tiêu chuẩn sử dụng đất hiện hành, bố trí thành cụm, thành dải trên các tuyến đường giao thông chính để có thể kinh doanh các loại dịch vụ. Diện tích lô đất 150 - 180m² cho một hộ dân cư. Các hộ dân cư phía sau cần tạo sự thoáng mát, trồng nhiều cây xanh cho các khu quy hoạch. Diện tích từ 180 - 250m² cho một hộ dân cư. Tầng cao trung bình từ 2 - 3 tầng.

- Tại các đơn vị ở đã có: Hướng dẫn và sắp xếp cho các hộ xây dựng theo phương thức quy hoạch xen dăm, cải tạo và đầu tư cơ sở hạ tầng về giao thông, thoát nước bản giữa các hộ. Tạo điều kiện để phát triển tốt kinh tế hộ gia đình cho nhân dân các khối xóm, tăng hệ số sử dụng đất (tăng mật độ xây dựng 55 - 60%) và tăng tầng cao trung bình 1,5 - 2 tầng. Tăng tỷ lệ các không gian công cộng, cây xanh, quảng trường, khu vui chơi giải trí, nhà trẻ, nhà văn hóa.

(8) Đất quốc phòng, an ninh:

Đất quốc phòng 13.6 ha cho nhiệm vụ quốc phòng của các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn.

Đất an ninh 3.74 ha cho nhiệm vụ an ninh của các đơn vị an ninh đóng trên địa bàn.

(9) Đất dự trữ phát triển:

Quy hoạch quỹ đất dự trữ phát triển cho các loại như: Đất ở, dịch vụ thương mại, công cộng tại xã Diên Bích, Diên Phúc, Diên Hoa, Diên Tân. Tổng diện tích khoảng 71,07 ha.

3. Khu Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Giữ nguyên khu công nghiệp tập trung tại xã Diên Kỷ. Tổng diện tích đất khoảng 1,44ha.

- Cảng cá Lạch Vạn: Phát triển cảng Lạch Vạn theo quy hoạch vùng Duyên Hải tổ chức cảng cá và trung tâm chế biến và xuất khẩu. Tổng diện tích đất 5,0ha.

- Kết hợp một số khu vực tiểu thủ công nghiệp, làng nghề của xã theo quy hoạch nông thôn mới.

Nhu cầu và tiềm năng đầu tư, phát triển kinh tế của đô thị Phủ Diễn nói riêng và huyện Diễn Châu nói chung. Hình thành Khu công nghiệp, cụm TTCN và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư cho phát triển kinh tế xã hội. Đặc biệt là phát triển các khu vực đất đai có giá trị khai thác, nuôi trồng thủy sản.

Nội dung điều chỉnh: Quy hoạch được duyệt năm 2007 bố trí khu công nghiệp về phía Tây khu vực quy hoạch giáp trục đường sắt. Tuy nhiên, khi mở rộng đô thị thì bố trí khu vực này không còn hợp lý do khoảng cách gần khu trung tâm gây ảnh hưởng tới cuộc sống đô thị. Vì vậy, bố trí dịch chuyển về phía Bắc giáp với cụm công nghiệp Tháp Hồng Kỳ (tại xã Diên Kỷ) đã triển khai xây dựng.



Riêng đối với khu cảng cá Lạch Vạn thì cần phải khai thác triệt để thế mạnh đánh bắt và chế biến hải sản của vùng.

4. Khu vực dân cư.

(1) Dân cư đô thị:

Phát triển từ dân cư nông thôn (từ cấp xã) thành dân cư đô thị (cấp phường) các xã lân cận khu vực thị trấn. Tập trung xây dựng đúng tiêu chuẩn sử dụng đất hiện hành; tăng chiều cao công trình, hệ số sử dụng đất, tăng tỷ lệ cây xanh và diện tích giao thông.

Tập trung xây dựng bố trí thành cụm, thành dải trên các tuyến đường giao thông chính để có thể kinh doanh các loại dịch vụ. Diện tích lô đất từ 180 - 220m² cho một hộ dân cư. Các hộ dân cư phía sau cần tạo sự thoáng mát, trồng nhiều cây xanh cho các khu quy hoạch; Diện tích từ 200 - 250m² cho một hộ dân cư. Tầng cao 2 - 3,5 tầng. Tại những vị trí trung tâm công trình cần được hợp khối tạo ra được không gian hoành tráng, hiện đại đảm bảo một môi trường quy hoạch bền vững.

(2) Dân cư nông thôn:

Dân cư nông thôn được xem là những cụm dân cư theo hành chính cấp xã, như: xã Diễn Kim, Diễn Bích, Diễn Ngọc, Diễn Kỳ, Diễn Hoa, một phần của xã Diễn Tân, Diễn Phúc.

Hướng dẫn và sắp xếp cho các hộ xây dựng theo phương thức quy hoạch xen dăm, cải tạo và phải được đầu tư cơ sở hạ tầng về giao thông, thoát nước bản giữa các hộ dân. Tạo điều kiện để phát triển tốt kinh tế hộ gia đình cho nhân dân các khối xóm.

- Tăng tỷ lệ các không gian công cộng, cây xanh, khu vui chơi giải trí, nhà trẻ, nhà văn hóa,...vv.

- Tăng hệ số sử dụng đất, diện tích 200 - 300m²/hộ, tầng cao 1,5 - 2 tầng. Không để tình trạng xây dựng manh mún, lộn xộn, cần phải đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

- Tại những vị trí cần thiết, liên kết các lô đất để xây dựng một số công trình dịch vụ thương mại cao tầng quy mô lớn để tạo bộ mặt hiện đại cho khu dân cư.



5. Làng kinh tế biển.

Xây dựng làng kinh tế biển khu vực xã Diễn Thành. Tại đây khai thác các làng nghề truyền thống, bến cảng, du lịch, đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản.v.v... để phát triển.

6. Các công trình tôn giáo, di tích lịch sử.

Tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa cách mạng, danh lam thắng cảnh, cơ sở tôn giáo phục vụ dân cư, du lịch như: Đền liệt sỹ, Nhà thờ Ngô trí Tri, Ngô Trí Hòa, Ngô

Trí Vinh, Khu di tích cách mạng 30-31, Nhà thờ Đông các đại học sỹ Thái Doãn Nguyên, Nhà thờ và khu lăng mộ Lê Đại Đạo....vv.

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Định hướng phát triển giao thông.

(1) Mục tiêu giao thông cần hướng tới:

- Xây dựng hệ thống giao thông nhằm thúc đẩy giao lưu liên vùng - động lực hỗ trợ tăng trưởng kinh tế: Xây dựng và thúc đẩy mạng lưới đường trục chính liên vùng để phát huy tối đa chức năng trọng điểm về lưu vận của khu công nghiệp và cảng, khu du lịch sinh thái cũng như đem lại sự thuận lợi trong giao thông phục vụ lưu vận, hướng tới xây dựng hệ thống lưu vận một cách có hiệu quả.

- Tăng cường tính cơ động và tiếp cận cao trong các hoạt động giao thông, hỗ trợ đi lại một cách thuận lợi nhất trong các hoạt động thường ngày của người dân trong vùng như: Làm việc, học tập, vui chơi, giải trí, mua sắm,.. cũng như cho khách đến làm việc và thăm quan bằng việc kết nối với mạng lưới giao thông trong khu quy hoạch, từ đó thúc đẩy sự giao lưu với các khu vực bên ngoài.

- Xây dựng hệ thống giao thông an toàn, bền vững, thân thiện với môi trường.

(2) Đường bộ:

a. Giao thông đối ngoại:

- Quốc lộ 1, tránh QL1 (MCN 1 - 1): Chỉ giới đường đỏ 46,0m; trong đó: Mặt đường 2 x 15,0m, vỉa hè 2 x 7,0m, bulva 2,0m;

- Đường bộ ven biển (MCN 3 - 3): Chỉ giới đường đỏ 56,0m; trong đó: Mặt đường 2x15,0m, vỉa hè 2 x 8,0m, bulva 10,0m;

- Quốc lộ 7, Quốc lộ 7B (MCN 5 - 5): Chỉ giới đường đỏ 36,0m; trong đó: Mặt đường 2x10,5m, vỉa hè 2 x 6,0m, bulva 3,0m;

b. Giao thông đối nội:

- Đường trục chính đô thị:

+ MCN 2 - 2: Chỉ giới đường đỏ 60,0m; trong đó: Mặt đường 2 x15,0m, vỉa hè 2 x10,0m, bulva 10,0m;

+ MCN 4 - 4: Chỉ giới đường đỏ 45,0m; trong đó: Mặt đường 2 x12,5m, vỉa hè 2 x7,5m, bulva 5,0m;

- Đường phố khu vực:

Phục vụ giao thông có ý nghĩa khu vực, liên hệ giữa các đơn vị ở, khu dân cư và nối ra đường phố chính, bao gồm các tuyến đường còn lại với chỉ giới đường đỏ từ 18,0 - 30,0m;

Bảng IV.5.1: BẢNG THỐNG KÊ MẶT CẮT ĐƯỜNG

TT	Mặt cắt	Mặt đường	Vĩa hè (lề)	Bulva	Chỉ giới	Chiều dài	Ghi chú
1	1-1	2x15.0	2x7.0	2.0	46.0	17620	Đường Quốc lộ 1, tránh QL1
2	2-2	2x15.0	2x10.0	10.0	60.0	3800	Đường trục chính
3	3-3	2x15.0	2x8.0	10.0	56.0	10450	Đường bộ ven biển
4	4-4	2x12.5	2x7.5	5.0	45.0	14370	Đường trục trung tâm
5	5-5	2x10.5	2x6.0	3.0	36.0	24470	Đường QL7, QL7B
6	6-6	2x7.5	2x7.5		30.0	4500	
7	7-7	2x6.0	2x6.0		24.0	161000	
8	8-8	9.0				2x4.5	
9	9-9	Khổ đường sắt đôi rộng 2x1.435				10400	Đường sắt tốc độ cao
10	10-10	Khổ đường sắt rộng 1.0m				10400	Đường sắt Hà Nội – TP Hồ Chí Minh

c. Giao thông khác mức:

Xây dựng nút giao khác mức tại các điểm như sau: Giao giữa đường sắt Hà Nội – TP Hồ Chí Minh, đường sắt cao tốc với QL7; QL7B;

d. Bến xe, bãi đỗ xe:

- Quy hoạch mới 1 bến xe quy mô cấp 1 về phía Bắc Quốc lộ 7 tại xã Diên Phúc, kết hợp dịch vụ Logistics khai thác điểm nút xuống cao tốc Bắc Nam.

- Bố trí các bãi đỗ xe ở các quảng trường, công viên cây xanh, khu du lịch, trung tâm thương mại, chợ của khu đô thị;

(3) Đường sắt:

a. Đường sắt tốc độ cao:

Hướng tuyến đường sắt tốc độ cao trong khu quy hoạch: Bố trí tuyến đường sắt tốc độ cao nằm phía Tây đường sắt Bắc Nam hiện nay.

b. Nhà ga đường sắt:

Duy trì nhà ga đường sắt hiện hữu: Ga Si.

(4) Quy hoạch giao thông đường thủy:

a. Cảng thủy nội địa:

- Cảng thủy nội địa: Cảng Cửa Vạn cách cửa biển sông Bung 800m (thượng lưu cầu Lạch Vạn), thuộc xã Diên Ngọc, huyện Diên Châu. Quy hoạch cảng hàng

hóa cấp IV, kết hợp cảng cá, khả năng tiếp nhận: Tàu 500 tấn, năng lực xếp dỡ 100.000 tấn/năm (theo quyết định số 5206/QĐ.UBND phê duyệt quy hoạch cảng thủy nội địa Nghệ An và quyết định số 1367/QĐ.UBND ngày 04/5/2020).

- Nâng cấp mở rộng, nâng cấp hạ tầng dịch vụ nghề cá tại Lạch Vạn, xã Diễn Bích (phía Nam cầu Diễn Kim). Quy mô diện tích 2.10ha.

- Bến thủy nội địa: Bến thủy nội địa Diễn Bích (cửa Lạch Vạn) phục vụ khai thác hàng hóa và phát triển du lịch dọc sông Bùng (theo quyết định số 1367/QĐ.UBND ngày 04/5/2020).

b. Các tuyến đường thủy nội địa:

Cải tạo chỉnh trang, nạo vét các tuyến quan trọng, các sông nối với các cửa biển, như: tuyến sông Cầu Bùng, sông Lạch Vạn, kênh nhà Lê phục vụ vận chuyển hàng hóa với quy mô nhỏ, vận chuyển hành khách và phục vụ du lịch.

c. Cảng cá:

Dự án nâng cấp, mở rộng Cảng cá Lạch Vạn tại xã Diễn Ngọc: Dự án đã được UBND tỉnh Nghệ An quyết định đầu tư nâng cấp tại Quyết định số 3748/QĐ-UBND ngày 02/10/2012 (thuộc dự án CRSD vay vốn WB). Là cảng cá loại II có diện tích 4.7ha gồm các hạng mục: nâng cấp, mở rộng cảng cá, xây dựng các lán chợ, mái che, bàn bán sản phẩm, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống nước đảm bảo vệ sinh....

Dự án Xây dựng, nâng cấp hạ tầng dịch vụ nghề cá tại Lạch Vạn, xã Diễn Bích, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Diện tích 2.1ha.

2. Chuẩn bị kỹ thuật.

Theo tính chất đô thị và nhiệm vụ quy hoạch thị đô thị Phủ Diễn được quy hoạch theo định hướng là đô thị loại IV, tương ứng tần suất mực nước tính toán $p = 5,0\%$;

Điều tra số liệu thủy văn và tham khảo các dự án liên quan, mực nước thủy triều tại Lạch Vạn hiện nay không có trạm quan trắc nhưng có thể sử dụng tài liệu quan trắc tại cửa Thới (sông Thái) cách cửa Cờn khoảng 18km về phía Nam để nghiên cứu và tính toán. Thủy triều vùng này thuộc chế độ nhật triều không đều. Vào tháng 8 ÷ 10 ở vùng nghiên cứu thường có lũ lớn nên mực nước triều ở cửa sông ảnh hưởng đáng kể, nên lũ gặp bão lúc triều cường thì đỉnh triều sẽ rất cao như lũ tháng 7/1971 mức triều ở Lạch Vạn là 2,27m. Vào thời kỳ triều cường trong năm mỗi ngày có 1 đỉnh, cao độ đỉnh triều từ (1,8 ÷ 2,0)m. Thời kỳ từ tháng 4 ÷ 7 triều mỗi ngày có 2 đỉnh và 2 chân, cao độ đỉnh triều từ (1,8 ÷ 2,0)m. Thời kỳ từ tháng 4 ÷ 7 triều mỗi ngày có 2 đỉnh và 2 chân, cao độ đỉnh triều trung bình (1,2 ÷ 1,3)m. Như vậy triều có ảnh hưởng rất lớn đến việc tiêu úng cho vùng đồng bằng hai huyện Diễn Châu, Yên Thành, đặc biệt là những vùng có cao độ dưới +2,0m,

cần được chuyển đổi cơ cấu mùa vụ hoặc chuyển sang nuôi trồng thủy sản để tránh lũ.

Theo tài liệu đo đạc thủy triều Lạch Vạn, cửa sông Bùng, mùa kiệt đỉnh triều trung bình từ 1,3 ÷ 1,4 (chiếm 60% số đỉnh đã xuất hiện trong liệt quan trắc 15 năm), đỉnh triều cao nhất 1,79m (21 giờ ngày 2/2/1972).

Mùa lũ đỉnh triều do ảnh hưởng của bão nên rất cao, điển hình lũ tháng 7/1971 đã tạo nên đỉnh triều tại cửa Lạch Vạn cao +2,27m; Đặc biệt ngày 22/8/1978, bão số 3 trực tiếp đổ bộ vào Diễn Châu, sóng triều của Lạch Vạn lên tới +3,4m; Bão số 9 tháng 10/1989 triều cửa Vạn lên tới 3,5m tạo nên cơn đỉnh triều lịch sử.

Kết quả tính toán mức nước lớn nhất trên các trạm ảnh hưởng triều thể hiện bảng sau:

Mức nước lớn nhất Hmax tại trạm Thủy văn ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

TT	Trạm	Hmaxtb	Cv	Cs	Hmax p=0,5%	Hmax p=1%	Hmax p=5%	Hmax p=10%
1	Lạch Vạn	185	0,12	0,61	255	246	225	214

Mức nước 7 đỉnh triều lớn nhất H7max tại trạm Thủy văn ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

TT	Trạm	Hmaxtb	Cv	Cs	Hmax p=0,5%	Hmax p=1%	Hmax p=5%	Hmax p=10%
1	Lạch Vạn	157	0,10	0,30	196	184	177	169

Như vậy, tần suất tính toán chung cho khu vực đô thị Phủ Diễn là $p = 5,0\%$, trên cơ sở điều tra, kiểm tra và tính toán sơ bộ chúng tôi lấy mức nước tính toán cho tần suất này là $H_{max} = 2,25m$. Riêng khu vực dân cư và công trình công cộng $H_{max} + 0.3m$. Theo quy hoạch chung thị trấn Diễn Châu phê duyệt năm 2007 cốt cao độ toàn thị trấn là 3.0m.

Theo kịch bản biến đổi khí hậu do Bộ tài nguyên môi trường nghiên cứu đến năm 2050 mức năng biển dâng so với thời kỳ 1980 -1999 trung bình thêm 30 cm (cao nhất 33 cm); năm 2100 là 65 cm (cao nhất 100cm). Theo đó tính được cốt mức nước biển giao động ở mức +2.09 m (max +2.12 m) vào năm 2050 và + 2.44m (max +2.79m) vào năm 2100.

Từ những dữ liệu phân tích trên cho thấy để đảm bảo không bị ảnh hưởng do hiện tượng nước biển dâng kết hợp với bão lớn, thủy triều thì cần thiết kế nền đất xây dựng phải lớn hơn + 3.00m đến năm 2050. Như vậy các khu vực có cos hiện trạng giao động từ +1.5m đến +2.2m cần được tôn nền lên khi xây dựng; Đồng

thời tôn cao đôi cát dọc bờ biển, trồng rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển để vừa tạo cảnh quan vừa ngăn chặn nước biển dâng, gia cố hệ thống đê kè.

Như vậy qua tính toán thủy văn sông Bùng, tính toán trên cơ sở các kịch bản ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng xác định cao độ khống chế toàn khu đô thị Phủ Diễn $\geq 3.0\text{m}$.

Đồng thời qua phân tích, đánh giá hiện trạng hệ thống giao thông, san nền, thoát nước toàn khu vực chúng tôi đưa ra giải pháp sau:

(1) Công tác chuẩn bị kỹ thuật ở các vị trí xung yếu:

Hai bên bờ sông, các điểm có khả năng sạt lở phải có các giải pháp chống sạt lở, xói mòn (lát mác đá hộc, trồng cỏ, làm kè chắn đất,..) để tránh đến mức tối thiểu các ảnh hưởng do thiên tai gây ra.

Khu vực ven biển, ngoài hệ thống đê kè đã có, cần tiếp tục triển khai xây dựng các tuyến đê sông, đê biển cho khu vực Diễn Bích, Diễn Kim, Diễn Ngọc, Diễn Thành; ngoài ra cần có các kế hoạch, giải pháp bảo vệ chống xói mòn, sạt lở, và gia cố trên các tuyến đê hiện có.

Tăng cường công tác nạo vét, cải tạo lòng sông, có phương án nắn chỉnh, chia tách dòng nhằm tăng khả năng tiêu thoát nước.

Bố trí trạm bơm tại các vị trí hợp lý để tiêu úng kịp thời.

(2) Cao độ san nền:

- Tránh không xây dựng những nơi ngập lụt thường xuyên.

- Khu vực thị trấn cũ : Chỉ xen cây xong phải đảm bảo cho nền các công trình xây dựng mới phù hợp với nền xung quanh để bảo đảm bảo cho nước mưa tự chảy không ứ đọng gây ngập úng cục bộ.

- Khu vực xây mới: Căn cứ quy hoạch chung giai đoạn trước, địa chất thủy văn chọn cao độ nền xây dựng chọn $\geq +3,0\text{m}$, ứng với tần suất $P=5\%$.

(3) Thoát nước mặt:

Mạng lưới thoát nước mưa phải được nghiên cứu phù hợp với địa hình, quy hoạch san nền, mặt bằng quy hoạch.

Nước mặt trong đô thị Phủ Diễn sẽ chảy theo độ dốc tự nhiên, đổ vào hệ thống cống dọc nằm dưới vỉa hè và chảy xuống các kênh mương rồi đổ xuống sông Bùng và xả ra biển.

+ Lưu vực thoát nước cho toàn bộ khu vực được chia thành 5 lưu vực sau:

- Lưu vực 1: Phía Bắc Quốc lộ 7B và phía Tây Quốc lộ 1; chảy theo hệ thống kênh mương, vào sông Bùng dẫn ra sông Lạch Vạn đổ ra biển;

- Lưu vực 2: Phía Đông Quốc lộ 1 và phía Tây sông Lạch Vạn; chảy theo hệ thống kênh mương sẵn có thoát vào sông Lạch Vạn đổ ra biển;

- Lưu vực 3: Phía Nam Quốc lộ 7B và phía Bắc Quốc lộ 7, chảy theo hệ thống hai bên đường sẵn vào sông Bùng, thoát qua sông Lạch Vạn đổ ra biển;

- Lưu vực 4: Phía Nam Quốc lộ 7 và phía Tây Quốc lộ 1; chảy theo hệ thống kênh mương sẵn có thoát ra kênh nhà Lê, chảy vào sông Bùng, dẫn ra sông Lạch Vạn đổ ra biển;

- Lưu vực 5: Phía Nam bara Diễn Thành kéo dài và phía Đông Quốc lộ 1; chảy theo hệ thống kênh mương sẵn có thoát ra kênh lạch phía Đông (quy hoạch trong khu công viên phía Nam) một phần chảy ra sông Lạch Vạn trước khi đổ ra biển, một phần dẫn về phía Nam xã Diễn Thịnh đổ ra biển.

(4) Phương pháp tính toán hệ thống thoát nước mưa:

Hệ thống thoát được xác định là hệ thống thoát riêng hoàn toàn, tiêu thoát với chế độ tự chảy. Lưu vực thoát nước mưa phân chia theo dạng phân tán (đã nêu trong phần giải pháp chuẩn bị kỹ thuật-b1). Các thông số của hệ thống tuyến cống được tính toán theo phương pháp cường độ giới hạn với công thức: $Q = \psi \cdot F \cdot q$ (l/s).

Trong đó:

ψ - Hệ số thấm phụ thuộc vào mặt phủ.

F- Diện tích lưu vực (ha).

q- Cường độ mưa (l/s).

- Kết cấu tuyến cống bao gồm các dạng:

+ Dự kiến bố trí các tuyến cống ngầm (cống BT tròn) tại các trục giao thông chính, các trung tâm đô thị, dịch vụ...

+ Dạng cống hộp hoặc mương nắp đan có thể xây dựng trong các khu dân cư,

+ Tại khu vực chân, sườn đồi, núi bố trí dạng mương xây hoặc mương đất hở nhằm thu đón trực tiếp, nhanh chóng lưu vực nước mưa tràn từ các sườn dốc, hạn chế xói lở nền, móng công trình, bào mòn thảm thực vv....

- Nạo vét các trục tiêu chính: Xây dựng các trục tiêu hở nhằm phân tán nước mặt nhanh, hạn chế úng ngập, bảo vệ môi trường.

- Độ sâu chôn cống, độ dốc thủy lực tuyến cống được không chế như sau:

+ Chiều sâu chôn cống tối thiểu:

+ Tuyến cống đi dưới lòng đường: 0,7m.

+ Tuyến cống đi trên hè, khu công viên cây xanh: 0,5m

- Các công tác chuẩn bị kỹ thuật khác:

+ Trong xu thế biến đổi khí hậu toàn cầu, khi đầu tư xây dựng khu đô thị Phú Diễn dự kiến áp dụng các tiêu chí kỹ thuật đặc thù, thiên về an toàn nhằm bảo vệ một cách hiệu quả, giảm thiểu các tai biến thiên nhiên tác động đến khu kinh tế (bão và mực nước biển dâng, xâm thực biển tại vùng Diễn Thành). Các giải pháp của công tác chuẩn bị kỹ thuật khác.

- Xây kè chắn sóng, tránh xói lở, xâm thực biển khu vực Diễn Kim, (cao trình đỉnh kè tối thiểu $H_{min} \geq +4,0m$).

- Duy tu bảo dưỡng các cống dưới đê, cống ngăn mặn, tránh xâm nhập mặn bảo vệ nguồn nước thủy lợi và nước sinh hoạt trong mùa kiệt- đảm bảo tiêu úng trong mùa mưa và ngăn mặn trong mùa kiệt.

- Nạo vét định kỳ các trục tiêu nước mưa, khôi phục tuyến kênh Nhà Lê (dòng sông lịch sử) có thể vừa giữ chức năng tưới, tiêu thoát nước mặt vừa kết hợp giao thông thủy phục vụ cho hệ thống du lịch sinh thái (núi- sông- biển) ...vv, nạo vét khu vực cửa Lạch Vạn đảm bảo thoát lũ và an toàn cho thuyền tàu neo đậu an toàn

- Đầu tư nâng cấp khu neo đậu tàu thuyền tại Lạch Vạn nhằm tăng cường an toàn cho tàu thuyền trú bão.

- Kè hồ cảnh quan và các trục tiêu chính thuộc khu vực lập quy hoạch.

- Do địa chất vùng ven biển là thềm bồi có nguồn gốc bồi tích phù sa của hệ thống sông Bùng, có đặc thù dễ xói lở. Khi xây dựng cần gia cố nền và công trình theo các tiêu chí kỹ thuật an toàn. Tăng cường trồng cây phòng hộ và cây bụi để hạn chế xói lở do đặc thù đất và tác động của gió biển. Đặc biệt là vùng xâm thực Diễn Kim.

- Bảo vệ và trồng mới rừng phòng hộ khu vực phía Tây và dải bờ biển thuộc phạm vi huyện Diễn Châu.

(5) Kiến nghị đầu tư - các công trình đầu mối:

- Đầu tư cải tạo và xây dựng các công trình thủy lợi đầu mối như hồ chứa: Nâng cấp, củng cố hệ thống kênh thủy lợi.

- Nâng cấp các tuyến đê sông, đê biển đê cấp IV hiện có, đạt tiêu chuẩn phòng hộ - chống được gió bão cấp 9, cao trình đỉnh đê đạt $(3,5 \div 4,5)m$ tránh được triều cường, mực nước dâng trong bão (triều cường: 3,5m vùng biển Lạch Vạn): Nâng cao trình đê biển từ $+(2,5 \div 2,8)m$ lên $+3,8m$ kết hợp chức năng đường Quốc Phòng của tuyến đê biển Diễn (Trung, Thịnh thành).

- Bảo vệ và trồng mới rừng phòng hộ: Rừng phòng hộ ven biển thuộc các xã Diễn Bích, Diễn Kim, Diễn Ngọc, Diễn Thành.

- Củng cố các cống ngăn triều.

3. Cấp nước.

(1) Tính toán công suất:

a. Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt:

$$Q_{\text{SHTT}} = q_o \times N \times f / 1000 = 130 \times 98.000 \times 100\% / 1000 = 12.740 \text{ m}^3 \text{ (a),}$$

Trong đó:

+ $q_o = 130 \text{ l/ng.ngđ}$ - là tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt;

+ $N = 98.000$ người (dân cư theo tính toán Quy hoạch);

+ $f = 100\%$ - là tỉ lệ cấp nước sinh hoạt;

b. Nước phục vụ công cộng lấy bằng 10% (a) = 1.274 m³ (b) (tưới cây, rửa đường, cứu hỏa);

c. Nước cho tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại, du lịch (có khu du lịch và chế biến Hải sản lớn) nên lấy bằng 25% (a) = 3.185 m³;

d. Nước cho cụm công nghiệp Tháp Hồng Kỳ:

$$Q_{\text{CN}} = q_{\text{oCN}} \times F_{\text{CN}} = 25 \text{ m}^3/\text{ha} \times 25 \text{ ha} = 625 \text{ m}^3$$

Trong đó:

+ $q_{\text{oCN}} = 25 \text{ m}^3/\text{ha}$ - là tiêu chuẩn cấp nước công nghiệp;

+ $F_{\text{CN}} = 25 \text{ ha}$ (diện tích đất công nghiệp bố trí Quy hoạch);

Tổng nhu cầu sử dụng nước trong đô thị là:

$$Q_{\text{NC}} = (a+b+c+d) = 17.824 \text{ m}^3/\text{ngđ}$$

- Tỉ lệ cấp nước thất thoát lấy bằng 15% $Q_{\text{NC}} = 2.673 \text{ m}^3 \text{ (e);}$

- Tỉ lệ nước sử dụng cho nhà máy lấy bằng 5% $Q_{\text{NC}} = 891 \text{ m}^3 \text{ (g);}$

- Công suất Nhà máy nước là $(Q_{\text{NC}} + e + g) = 21.388 \text{ m}^3/\text{ngđ};$

Nâng cấp Nhà máy nước công suất 25.000 m³/ngđ cho định hướng phát triển khu vực. Trong đó, giai đoạn đến năm 2030 khoảng 19.000 m³/ngày.đêm.

(2) Nguồn nước:

- Nguồn nước ngầm mạch nông: Không có trữ lượng lớn và nước bị nhiễm mặn từ biển, không thể khai thác để sử dụng cho hệ thống cấp nước lớn được;

- Nguồn nước ngầm mạch sâu: Chưa có số liệu về trữ lượng và chất lượng;

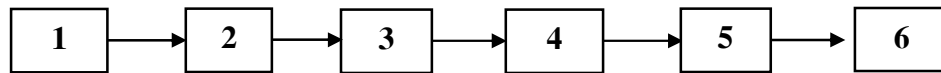
- Nguồn nước mặt:

+ Trên địa bàn khu vực có Sông Bùng chảy qua, trong tương lai khi dự án nâng cao năng lực quản lý hệ thống tưới tiêu khu vực Bắc Nghệ an triển khai với mục đích giữ ngọt ngăn mặn thì nguồn nước sông Bùng sẽ có đủ điều kiện về chất lượng và trữ lượng để chọn làm nguồn nước cho nhà máy.

+ Nguồn nước mặt sông Lam từ hệ thống kênh Nông Giang có thể cấp nước cho Nhà máy nước Tuy nhiên Hệ thống kênh Nông Giang phải cải tạo, sửa chữa hàng năm nên khi sử dụng phải có Hồ chứa dự trữ nước thô. Hệ thống Nông Giang có kênh chính nối đến xã Diễn Đồng, tại đây, xây dựng hồ chứa và Trạm bơm để đưa nước về cho nhà máy.

(3) Sơ đồ hệ thống cấp nước:

Với điều kiện nguồn nước và các Nhà máy đang vận hành trong khu vực, chọn sơ đồ hệ thống cấp nước như sau:



Trong đó:

1 - Nguồn nước Kênh Nông Giang (dự phòng sông Bùng); 2 – Hồ chứa, TB1 và Tuyến ống nước thô (Hồ chứa nước và Trạm bơm cấp 1); 3 - Dây chuyền công nghệ xử lý nước mặt; 4 - Bể chứa nước sạch; 5 - Trạm bơm cấp 2; 6 - Mạng lưới đường ống cấp nước sạch cho đô thị;

(4) Vị trí Nhà máy nước:

- Nhà máy nước hiện trạng đặt tại xóm Yên Quang, xã Diễn Ngọc;
- Do công suất lớn nên phải nâng cấp mở rộng với diện tích 4,93ha và công suất 25.000 m³/ngđ.

(5) Mạng lưới đường ống cấp nước:

- Đặc điểm dùng nước của dân cư nông thôn và đô thị nhỏ là sử dụng nước không đều trong ngày nên hệ số không điều hoà giờ lớn:

$$K_{\text{giờ max}} = \alpha_{\text{max}} \times b_{\text{max}} = 1,3 \times 1,3 = 1,69$$

$$K_{\text{giờ min}} = \alpha_{\text{min}} \times b_{\text{min}} = 0,5 \times 0,4 = 0,20$$

- Vạch tuyến mạng lưới theo dạng vòng kết hợp các nhánh cụt, đưa nước đến các khu đất sử dụng nước.

- Sử dụng trụ cứu hoả kiểu nổi đường kính D125 theo tiêu chuẩn 6379-1998, đặt trên các tuyến đường chính.

- Chọn vật liệu: Sử dụng đường ống nhựa HDPE đi trên hè, Đường ống thép tráng kẽm đi qua đường, các phụ kiện nối ống đồng bộ kèm theo.

- Đường kính ống được tính toán và lựa chọn để đảm bảo cấp nước sản xuất, cứu hoả và tưới cây, tưới đường.

Sơ bộ chọn đường kính ống chính có đường kính giai đoạn 1 là DN315 và giai đoạn 2 bổ sung thêm DN400:

Đường kính ống các tuyến phụ khác chọn theo cấu tạo DN50 – DN200

- Đường ống cấp nước bố trí trên vỉa hè đường quy hoạch đưa nước đến các điểm tiêu thụ. Các ống cấp nước được chôn sâu dưới đất từ $0,7 \div 1,0\text{m}$.

- Tại các vị trí chuyển hướng, thay đổi đường kính, phân phối nước bố trí các thiết bị cắt, côn và tê và cố định các thiết bị bằng gối đỡ BTCT.

- Tại các nút của mạng phân phối nước có bố trí van để ngắt nước, sửa chữa các đoạn ống khi cần thiết đồng thời cố định các thiết bị bằng gối đỡ BTCT và các hố van để vận hành đóng, mở van.

4. Định hướng phát triển hạ tầng phòng cháy chữa cháy.

a) Quy hoạch mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ phòng cháy và chữa cháy:

- Quy hoạch, bố trí đất xây dựng mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy; tập trung vào các đô thị và các khu công nghiệp quy mô lớn như: thị trấn Diên Châu, đô thị Yên Lý, đô thị Diên Lâm, Khu công nghiệp Thọ Lộc... đảm bảo bán kính phục vụ tối đa là 3km đối với khu vực trung tâm đô thị và 5km đối với các khu vực khác theo quy định tại Điều 2.6.13, Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD;

- Quy hoạch bố trí Đất xây dựng trụ sở đội Cảnh sát PCCC - CHCN tại thị trấn Diên Châu, với diện tích: 2,2 ha.

b) Đối với hệ thống cung cấp nước phục vụ phòng cháy và chữa cháy:

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2009/TTLT/BXD-BCA ngày 10/4/2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Bộ trưởng Bộ Công an quy định hướng dẫn thực hiện việc cấp nước phòng cháy, chữa cháy tại đô thị và khu công nghiệp;

- Căn cứ Tiêu chuẩn ngành 04 TCN 89:2006 về quy phạm phòng cháy, chữa cháy rừng thông của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

*** Định hướng từng giai đoạn cụ thể sau:**

- Giai đoạn 2021-2030, hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tại 100% thị trấn, khu đô thị, khu dân cư trên địa bàn huyện Diên Châu được lắp đặt đủ số trụ nước chữa cháy theo quy định; hệ thống cấp nước tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trung tâm thương mại... được lắp đặt đủ số trụ nước chữa cháy theo quy định; xây dựng mới và có bể nước dự trữ chữa cháy dung tích từ 50 m³ trở lên, doanh trại các đội Cảnh sát PCCC và CNCH. Xây dựng các điểm lấy nước tại các nguồn nước tự nhiên (ao, hồ, sông, suối, kênh...) đối với các địa bàn đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư và các khu rừng trọng điểm có nguy cơ cháy, nổ cao; xây dựng hệ thống bể dự trữ nước chữa cháy công cộng trong các khu dân cư tập trung có hệ thống đường giao thông nhỏ, hẹp, xe chữa cháy không thể tiếp cận.

- Định hướng đến năm 2050, nguồn nước chữa cháy tại các khu dân cư, đô thị, khu công nghiệp trên địa bàn huyện cơ bản đáp ứng yêu cầu công tác phòng cháy, chữa cháy.

c) Hệ thống giao thông phục vụ phòng cháy, chữa cháy:

- Giai đoạn 2021-2030: rà soát, cải tạo các đoạn đường giao thông, các ngã ba, ngã tư, góc cua không đảm bảo cho xe chữa cháy hoạt động; xử lý các đoạn đường người dân tự ý lắp barie, xây ụ nổi, lắp mái che, mái vẩy làm cản trở giao thông... đảm bảo điều kiện để xe PCCC và xe CNCH có thể tiếp cận, triển khai phương án chữa cháy, CNCH.

- Định hướng đến năm 2050, các tuyến đường, ngõ nhỏ được mở rộng, đảm bảo chiều rộng thông thủy tối thiểu cho xe chữa cháy và xe cứu nạn, cứu hộ hoạt động; các khu rừng trọng điểm, nguy cơ cháy cao có đường giao thông phục vụ chữa cháy rừng.

d) Đối với hệ thống thông tin liên lạc phục vụ phòng cháy và chữa cháy:

Căn cứ Điều 11, Điều 12 và Điều 16 Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 quy định trong vòng 24 tháng kể từ ngày 20/02/2021, các cơ sở nguy hiểm về cháy, nổ thuộc Phụ lục III (Danh mục cơ sở do cơ quan Công an quản lý) ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ phải hoàn thành cập nhật cơ sở dữ liệu trực tuyến về PCCC và kết nối truyền tin báo sự cố theo quy định. Trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày 20/02/2021, các cơ sở còn lại thuộc Phụ lục III phải cập nhật và kết nối.

- Giai đoạn 2021-2030, phối hợp nghiên cứu xây dựng giai đoạn đầu Hệ thống ứng dụng quản lý hoạt động PCCC và CNCH trong việc triển khai các dự án đô thị thông minh và các dự án hạ tầng thông tin, truyền thông khác, từng bước số hóa hệ thống liên lạc phục vụ PCCC và CNCH; lắp đặt hệ thống báo cháy tự động và hệ thống giám sát an ninh phục vụ phòng cháy và chữa cháy cho 100% nhà ở kết hợp sản xuất kinh doanh. 100% cơ sở do cơ quan Công an quản lý được lắp đặt thiết bị truyền tin báo sự cố và kết nối với mạng lưới hạ tầng thông tin; trên 70% người dân được tiếp cận và sử dụng thành thạo ứng dụng “Báo cháy 114”.

- Định hướng đến năm 2050, 100% cơ sở thuộc diện quản lý Nhà nước về PCCC trên địa bàn huyện được lắp đặt thiết bị truyền tin báo sự cố và kết nối với mạng lưới hạ tầng thông tin; hầu hết người dân được tiếp cận và sử dụng thành thạo ứng dụng “Báo cháy 114”.

5. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang.

(1) Thoát nước thải:

- Hiện tại khu vực trung tâm thị trấn đã có hệ thống thoát nước thải riêng, nước thải được thu gom và xử lý tại xã Diên Thành Theo công nghệ Yếm khí. Các khu vực khác có lượng nước thải không nhiều, được nhân dân sử dụng vào việc tưới cho cây trồng trong vườn.

- Các khu Đô thị tại xã Diên Kỳ, khu đất ở dân cư và DVTM tại xã Diên Thành, Diên Ngọc được quy hoạch có Khu xử lý nước thải riêng.

- Trước mắt toàn bộ nhân dân trong xã thực hiện xây dựng Hồ xí hợp vệ sinh và các Bể tự hoại 3 ngăn, bể Bioga thu gom phân và nước thải chăn nuôi, tận dụng khí ga để đun nấu cho các gia đình.

- Quy hoạch giai đoạn ngắn hạn xây dựng các khu xử lý nước thải phân tán theo hình thức xử lý nhân tạo đối với các khu vực có mật độ dân cư cao và các cụm công nghiệp, theo hình thức xử lý nước thải bằng hồ sinh học tự nhiên đối với khu vực có mật độ dân cư thấp.

- Quy hoạch dài hạn cả đô thị xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng, thu nước thải về xử lý nhân tạo đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Lưu lượng nước thải lấy bằng lượng nước cấp cho Đô thị, công cộng và dịch vụ thương mại, không bao gồm nước cấp cho Cụm công nghiệp Thấp Hồng Kỳ, nước rò rỉ và sử dụng cho Nhà máy nước:

+ Lưu lượng nước thải sinh hoạt:

$$Q_{SHTT} = q_o \times N \times f / 1000 = 130 \times 98.000 \times 100\% / 1000 = 12.740 \text{ m}^3(a).$$

Trong đó:

* $q_o = 130 \text{ l/ng.ngđ}$ - là tiêu chuẩn nước thải nước sinh hoạt;

* $N = 98.000$ người (dân cư theo tính toán Quy hoạch);

* $f = 100\%$ - là tỉ lệ thu gom nước thải sinh hoạt;

+ Nước thải từ hoạt động tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại, du lịch lấy bằng 25% (a) = 3.185 m^3 ;

$$Q_{NT} = 15.925 \text{ m}^3/\text{ngđ}, \text{ làm tròn } Q_{NT} = 16.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$$

- Lưu vực thoát nước: Đô thị Phủ Diên mở rộng bị ngăn cách bởi sông Bùng, sông Diên Thủy và sông Lạch Vạn ngăn cách địa hình các xã Diên Kỳ, Diên Bích, Diên Ngọc và Diên Hoa với khu vực phía Nam (Trung tâm hơn). Ngoài ra Nhà máy nước sạch đang lấy nước sông Bùng làm nguồn nước thô thì việc xả nước thải ở thượng lưu nguồn nước cũng cần phải đảm bảo khoảng cách môi trường theo tiêu chuẩn cho phép. Với đặc điểm địa hình và hiện trạng phân bố dân cư và quy

hoạch sử dụng đất. Chọn Lưu vực thoát nước thải và xử lý nước thải dạng phân tán theo địa hình, được chia thành các Lưu vực chính sau:

- Các lưu vực trong quy hoạch ngắn hạn được phân chia như sau:

+ Lưu vực 1: Thị trấn Diễn Châu hiện hữu và các xã Diễn Phúc, Diễn Tân, xã Diễn Thành (cả KDLbiển), Diễn Hoa và xã Diễn Ngọc;

+ Lưu vực 2: Xã Diễn Ngọc;

+ Lưu vực 3: Khu đô thị tại xã Diễn Ngọc (Hải Vân);

+ Lưu vực 4: Khu đô thị tại xã Diễn Kỷ;

+ Lưu vực 5: Khu dân cư và DVTM tại xã Diễn Thành (Hoàng Sơn);

+ Lưu vực 6: Khu dịch vụ du lịch tại xã Diễn Kim (Đồng Gành);

- Về công nghệ: Ngắn hạn xử lý nước thải theo công nghệ sinh hoạt tự nhiên. Dài hạn thì các Khu xử lý tại các lưu vực này có thể đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo công nghệ Cơ – Hóa – Lý – Sinh theo hình thức phân tán hoặc Bơm về xử lý tập trung tại một hoặc nhiều vị trí trong đô thị.

- Công suất, vị trí các Khu xử lý nước thải cho các Lưu vực được tổng hợp trong bảng sau:

TT	Tên LV	Dân số 2022 (người)	Dân số 2040 (người)	Công suất nước thải (m ³ /ngđ)	Công suất làm tròn (m ³ /ngđ)	Vị trí Trạm xử lý
1	Lưu vực 1		64,156	10,430	10,500	Xóm 2 xã Diễn Thành
2	Lưu vực 2		28,284	4,596	4,500	Xã Diễn Ngọc
3	Lưu vực 3		2,500	406	400	Khu dân cư Hải Vân
4	Lưu vực 4		2,000	325	300	KĐT tại xã Diễn Kỷ
5	Lưu vực 5		1,800	293	300	Khu DT Hoàng Sơn
6	Lưu vực 6			400	400	Đồng Gành - Diễn Kim
	Tổng	75,000	98,000	15,960	16,000	

- Mạng lưới đường ống thu gom từ các hộ dân, công trình công cộng, dịch vụ thương mại và sản xuất để đưa về các khu xử lý nước thải bằng các công nghệ khác nhau (tùy theo tính chất nước thải và giai đoạn đầu tư công trình xử lý). Quy hoạch dài hạn đưa nước thải về một khu xử lý nước thải tập trung bằng các trạm bơm chuyển tiếp.

- Yêu cầu với các Khu xử lý nước thải Lưu vực 2, Lưu vực 3 và Lưu vực 4 phải xả nước sau xử lý xuống hạ lưu Bara Diễn Thủy do nằm trong lưu vực nguồn cấp nước cho Nhà máy nước Diễn Châu.

(2) Chất thải rắn:

- Trước mắt rác hữu cơ được dân sử dụng ủ và bón cho cây trồng, rác vô cơ được thu gom tập trung tại bãi rác của Khu vực (tại xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc).

- Trong quy hoạch lâu dài tất cả rác thải được thu gom và được vận chuyển đi xử lý tại bãi rác của huyện Diễn Châu tại xã Diễn Đoài và xã Diễn Lợi.

- Khối lượng rác thải của đô thị tính toán như sau:

+ Lượng chất thải rắn phát sinh: 1.0 kg/ng.ngđ;

+ Tỷ lệ thu gom là 90%

Lượng chất thải rắn cần thu gom xử lý là:

$$W_{CTR} = 98.000 \times 1,0 \times 90\% = 88.200 \text{ kg/ngđ}$$

- Tại mỗi xã bố trí thêm 1-2 điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn.

(3) Nghĩa Trang:

Trước mắt Nhân dân trong đô thị sử dụng các Nghĩa trang hiện trạng. Trong quy hoạch sẽ đóng cửa các nghĩa trang hiện trạng và chuyển đến công viên nghĩa trang Vĩnh Hằng tại xã Diễn Lợi với quy mô khoảng 60ha và tại xã Diễn Yên có quy mô khoảng 20ha (Theo Quy hoạch vùng huyện Diễn Châu).

6. Hệ thống cấp điện.

(1) Xác định các chỉ tiêu và nhu cầu cấp điện.

Đô thị Phủ Diễn được tính toán với tiêu chuẩn đô thị loại IV;

- Chỉ tiêu điện sinh hoạt:

+ Giai đoạn đầu (đến năm 2030): 330W/người;

+ Giai đoạn định hình (đến năm 2040): 500 W/người;

- Công cộng - Dịch vụ thương mại: Nhu cầu phụ tải cho công trình công cộng được tính bằng 35% phụ tải cấp điện sinh hoạt.

- Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp:

+ Công nghiệp tập trung: Được tính từ 140 – 350kW/ha (tùy thuộc tính chất của từng Khu công nghiệp).

+ Cơ sở sản xuất kinh doanh: 120kW/ha.

Giai đoạn đầu đến năm 2030:

Bảng Tổng hợp chỉ tiêu sử dụng điện và công suất đến năm 2030					
TT	Thành phần phụ tải	Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	C.suất
					(kW)

1	Điện sinh hoạt (Psh)	85000	Người	330	W/ người	28.050,00
2	Công cộng			30%	%Psh	8.415,00
3	Dịch vụ, hỗn hợp	133,73	ha	300	kW/ha	40.119,00
4	Công nghiệp, kho tàng	4,7	ha	140	kW/ha	658,00
Tổng các thành phần phụ tải: P						77.242,00
Tổn thất và dự phòng: P_{DP} = 10%P						7724
Tổng công suất cực đại: P_{max}						84.966

Giai đoạn đến năm 2040:

Bảng Tổng hợp chỉ tiêu sử dụng điện và công suất đến năm 2040						
TT	Thành phần phụ tải	Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu		C.suất
						(kW)
1	Điện sinh hoạt (Psh)	98000	Người	330	W/ người	32.340,00
2	Công cộng			35%	%Psh	11.319,00
3	Dịch vụ, hỗn hợp	133,73	ha	300	kW/ha	40.119,00
4	Công nghiệp, kho tàng	4,7	ha	140	kW/ha	658,00
Tổng các thành phần phụ tải: P						84.436,00
Tổn thất và dự phòng: P_{DP} = 10%P						8444
Tổng công suất cực đại: P_{max}						92.880

Như vậy:

Tổng công suất cực đại của toàn vùng đến năm 2040: $P_{max} = 92.880 \text{ kW}$.

Chọn hệ số đồng thời toàn vùng: $K_{dt} = 0,6$. Hệ số: $\cos\varphi = 0,85$.

Công suất tính toán: $P_{TT} = 92.880 \times 0,6 = 55.728 \text{ kW}$;

Công suất biểu kiến là: $S = 55.728 / 0,85 = \mathbf{65.562 \text{ kVA}}$.

(2) Phương án cấp điện.

a. Nguồn điện:

Nguồn cung cấp điện cho đô thị Phủ Diễn: Từ trạm 110kV Diễn Châu 110/35/22kV-(2x40)MVA, giai đoạn 2030 sẽ được nâng công suất lên 2x63MVA. Ngoài ra còn được cấp hỗ trợ từ trạm 110kV Quỳnh Lưu 110/35/22kV-(2x40)MVA Trạm 110kV Diễn Phong -110/35/22- (2x40)MVA.

b. Lưới điện:

- Lưới cao thế 110kV: Hiện trạng các tuyến đường dây cao thế 110kV đi nối đến các trạm biến áp 110kV Diễn Châu được giữ nguyên và tạo hành lang cách ly an toàn.

- Lưới trung thế:

+ Kết cấu lưới điện khu vực trung tâm là đường dây đi nổi trên không sử dụng cáp bọc cách điện hoặc cáp ngầm 22kV; khu vực các phường / xã xa khu trung tâm chủ yếu đi nổi theo mạng đường quy hoạch. Trục chính dùng dây AC240, AC185 và AC150, đường rẽ nhánh dùng dây AC95 và AC70.

+ Để đảm bảo an toàn cung cấp điện, lưới trung thế được thiết kế theo mạng kín nhưng vận hành hở.

- Lưới hạ thế 0,4kV:

+ Lưới 0,4kV trong khu vực nội thị và trong các khu đô thị mới bố trí đi ngầm.

+ Lưới 0,4kV khu vực ngoại thị, khu dân cư xa trung tâm bố trí đi nổi.

+ Mạng lưới 0,4kV hiện có trong các khu vực dân cư hiện trạng sẽ được cải nâng cấp tiết diện đảm bảo cung cấp điện, dùng cáp treo vặn xoắn.

+ Trên cơ sở các trạm lưới hiện có và các trạm xây dựng mới bố trí các tuyến 0,4kV cho phù hợp nhu cầu dùng điện đảm bảo bán kính phục vụ ≤ 500 m trong khu vực nội thị và ≤ 800 m khu vực ngoại thị. Các phụ tải loại 1 và hộ tiêu thụ đặc biệt được cấp điện từ hai trạm biến áp 22/0,4kV.

+ Đường dây 0,4 kV dùng cáp vặn xoắn ABC:

. Đường trục ABC (4x95) trở lên;

. Đường nhánh ABC (4x70) trở xuống;

+ Kết cấu lưới hạ thế 0,4 kV theo mạng hình tia.

- Lưới chiếu sáng:

+ Hoàn chỉnh toàn bộ mạng lưới chiếu sáng của đô thị. Tất cả các trục đường có mặt cắt $\geq 3,5$ m đều được chiếu sáng.

+ Các trục đường trung tâm của đô thị xây dựng mới tuyến chiếu sáng bố trí đi ngầm dùng cáp có lớp cách điện XLPE.

+ Tuyến chiếu sáng trong khu dân cư hiện trạng bố trí đi ngầm đảm bảo mỹ quan khu vực dân cư đô thị.

+ Các thiết bị chiếu sáng dùng loại hiện đại tiết kiệm điện năng.

+ Lưới chiếu sáng của đô thị đảm bảo độ rọi theo quy chuẩn quy định.

- Trạm biến áp:

+ Sử dụng cải tạo lại các trạm biếp áp hiện trạng, xây dựng mới các trạm biến áp 22/0,4kV và 35/0,4kV đảm bảo đủ công suất cung cấp cho phụ tải quy hoạch của khu đô thị.

+ Các trạm hạ áp 22/0,4kV và 35/0,4kV dùng trạm kios hoặc trạm xây để đảm bảo mỹ quan đô thị. Bán kính phục vụ của các trạm đảm bảo theo quy định hiện hành, máy biến áp dùng loại 3 pha.

7. Thông tin liên lạc.

Trong tương lai, nhu cầu về thông tin liên lạc của người dân trong khu vực sẽ ngày càng tăng cao. Vì vậy, cần mở rộng dung lượng tổng đài, bố trí hệ thống bưu cục, điểm văn hóa có phạm vi phục vụ dày hơn, tăng thêm các dịch vụ mới,...

(1) Mục tiêu đến năm 2040.

Viễn thông đô thị Phủ Diễn đến năm 2040 sẽ phát triển theo xu hướng sau:

- Hình thành lõi mạng chuyển mạch quang tốc độ cao.
- Hội tụ thuê bao di động, cố định và truyền hình.
- Tốc độ truy nhập lớn để đáp ứng yêu cầu băng thông các dịch vụ giải trí và truyền hình.
- Phương thức truy nhập: Truy nhập quang và vô tuyến.
- Cấu trúc mạng: Phát triển theo mạng thể hệ tích hợp đa dịch vụ công nghệ IP.
- Công nghệ triển khai cho mạng khu vực Phủ Diễn sẽ dựa trên công nghệ mới, hạ tầng truyền tải quang (IP/WDM), và khai thác dịch vụ từ VINASAT 1.

Các loại hình dịch vụ sẽ được triển khai:

- VoIP;
- Truy nhập Internet băng thông rộng (xDSL), FTTx;
- Truyền dữ liệu tốc độ cao;
- Mạng WiFi không dây phủ sóng trên diện rộng;
- Điện thoại di động 3G, 4G, 5G.

Hệ thống công bề, cáp bảo đảm ngầm hóa tối thiểu 50% mạng ngoại vi trước năm 2040. Hầu hết khu trung tâm; các đường phố lớn; các khu đô thị mới toàn bộ mạng cáp được ngầm hóa; chỉ treo cáp tại các đoạn đường nhánh và đoạn phân phối vào nhà thuê bao.

(2) Dự báo nhu cầu thông tin liên lạc.

a. Căn cứ dự báo:

Dự báo nhu cầu người sử dụng được thực hiện dựa trên các căn cứ sau:

- Dân số, cơ cấu dân số, cơ cấu độ tuổi.
- Đánh giá quá trình phát triển, tăng trưởng các dịch vụ bưu chính, viễn

thông giai đoạn 2020 – 2025.

Xu hướng phát triển của thiết bị có kết nối vào mạng thông tin di động

b. Dự báo các loại hình dịch vụ:

Mạng thông tin cho thành phố sẽ gồm:

- Mạng điện thoại: Cung cấp những dịch vụ viễn thông cơ bản như thoại và VoIP, Fax...

- Mạng internet băng thông rộng: Cung cấp dịch vụ Internet, dịch vụ truyền hình IPTV (VNPT, Viettel, Mobiphone)

- Mạng không dây (Wi-Fi): Mạng này hỗ trợ cho mạng hữu tuyến, cung cấp kết nối máy tính di động vào mạng ở các khu trung tâm đô thị và khu dịch vụ công cộng.

- Truyền hình NATV, CATV, các sẽ cung cấp dịch vụ truyền hình cáp quốc gia và tỉnh.

c. Dự báo nhu cầu sử dụng:

- Dựa trên các căn cứ và kết hợp với các phương pháp tính toán, phương pháp chuyên gia.

- Dự báo dân số đến năm 2040: 98.000 người.

+ Dự báo nhu cầu sử dụng dịch vụ đường dây thuê bao cố định: Đến năm 2040 toàn đô thị có khoảng 85% hộ gia đình có đường dây thuê bao các dịch vụ cố định, trong đó chủ yếu Internet và truyền hình cáp, IPTV.

Dự báo tổng số thuê bao cố định: **21.208** thuê bao (bao gồm thuê bao điện thoại cố định, thuê bao Internet và thuê bao truyền hình cáp, Internet (IPTV).

+ Dự báo dịch vụ thông tin di động: Tỷ lệ dân số sử dụng dịch vụ thông tin di động đạt mức bão hòa giai đoạn 2025 - 2040, chiếm khoảng 80% dân số.

Dự báo tổng số thuê bao di động: **79.840** thuê bao (bao gồm thuê bao điện thoại di động, thiết bị kết nối mạng thông tin di động).

(3) Định hướng phát triển hệ thống thông tin liên lạc.

a. Định hướng phát triển hệ thống:

Mạng lưới thông tin viễn thông đô thị Phủ Diễn sẽ được tổ chức thống nhất giữa các hệ thống cung cấp dịch vụ điện thoại cố định; di động; truy nhập Internet; truyền hình IPTV của ít nhất 03 nhà cung cấp dịch vụ (VNPT, Viettel, Mobiphone,...).

Về công nghệ: Phát triển theo tiến bộ mới, cho phép các nhà cung cấp dịch vụ nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Mạng điện thoại dịch vụ công cộng và mạng số liệu sẽ phát triển hội tụ về

mạng thể hệ sau.

- Công nghệ chuyển mạch truyền thông (TDM) dần dần được thay thế bởi chuyển mạch giao thức truyền số liệu (IP), các giao thức tiên tiến khác.

- Chuyển mạch quang sẽ được sử dụng rộng rãi đến tận thuê bao. Thông tin quang tốc độ cao với các công nghệ ghép kênh sẽ được áp dụng rộng rãi trên các tuyến truyền dẫn.

- Công nghệ truy nhập sẽ nhanh chóng triển khai sử dụng các thiết bị đầu cuối thông minh. Thông tin băng thông rộng ADSL sẽ là giải pháp trước mắt và sẽ dần được nâng cấp lên các công nghệ tiên tiến hơn như truy nhập không dây băng rộng (Wimax).

Xu hướng hội tụ công nghệ viễn thông, phát thanh truyền hình và Internet sẽ trở thành xu thế tất yếu.

Các doanh nghiệp sẽ có nhu cầu đa dạng về dịch vụ truyền số liệu, hình ảnh với các kênh thuê riêng băng rộng để tăng khả năng thông tin tiếp thị, giáo dục, y tế,...

Đối với cá nhân sử dụng dịch vụ viễn thông và Internet đang đòi hỏi các dịch vụ có tốc độ và tính ổn định cao, giá thành hạ.

b. Hệ thống chuyển mạch:

Mở rộng, tăng dung lượng, thay thế và nâng cấp các tổng đài điều khiển, tổng đài vệ tinh hiện có để đảm bảo nhu cầu thuê bao như dự báo.

c. Hệ thống truyền dẫn:

Trước mắt cần kết nối các vòng ring với nhau. Đặc biệt cần phải hoàn thành vòng ring giữa khu vực với hệ thống truyền dẫn chung của toàn tỉnh.

d. Hệ thống mạng ngoại vi:

Mạng ngoại vi là một trong 3 thành phần chính cấu thành nên mạng viễn thông (hệ thống mạng ngoại vi, hệ thống chuyển mạch và hệ thống mạng truyền dẫn), do đó đi đôi với hiện đại hóa hạ tầng viễn thông cần hiện đại hóa hạ tầng mạng ngoại vi.

Hạ tầng mạng ngoại vi tại khu vực thị xã trong giai đoạn tới cần được phát triển theo xu hướng ngầm hóa (xây dựng hạ tầng công bề ngầm hóa mạng cáp).

Quy hoạch phát triển đáp ứng nhu cầu phát triển theo từng giai đoạn; ngầm hóa 30% mạng cáp trước 2025; ngầm hóa 50% trước năm 2040.

- Hệ thống công bề cáp ngầm được bố trí trên vỉa hè đường trong khu vực quy hoạch được thi công theo TCVN sử dụng ống nhựa xếp theo lớp; nắp bề cáp sử dụng loại nắp gang chịu lực hoặc nắp đan bê-tông.

- Sử dụng cáp đồng xoắn đường kính 0,5mm; cáp quang truy nhập FTTx.

Những khu dân cư mới xây dựng, phải có phương án triển khai đồng bộ mạng cáp ngầm theo các tuyến cống, tuynel kỹ thuật đảm bảo theo nghị định chính phủ về công trình ngầm đô thị. Khi có nhiều doanh nghiệp cùng có nhu cầu xây dựng tuyến cáp thì bắt buộc doanh nghiệp phải phối hợp cùng đầu tư và sử dụng chung kết cấu hạ tầng.

Thực hiện cáp quang hóa mạng ngoại vi, giảm cự ly phục vụ cáp đồng dưới 1,5km. Xây dựng mạng truy nhập quang để giảm cự ly phục vụ của tổng đài và thay thế cho các tổng đài độc lập.

e. Mạng thông tin di động:

Hiện tại toàn khu vực Quy hoạch, mạng di động đã được phủ sóng đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng dịch vụ hiện nay. Các tuyến đường quốc lộ 1A, quốc lộ 7 và các tuyến đường chính gần đó cần chuyển đổi các cột ăng ten công kênh sang cột ăng ten không công kênh loại A1; Cột ăng ten công kênh (A2) xây dựng, phát triển mới khu vực ngoại thị để đảm bảo mỹ quan đô thị.

f. Công nghệ thông tin (CNTT):

Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho hệ thống các cơ quan quản lý Nhà nước, các đơn vị hành chính sự nghiệp và một số các đơn vị sự nghiệp làm cơ sở triển khai Chính phủ điện tử.

Công nghệ mạng thế hệ tiếp theo (Next Generation Networks- NGN), Công nghệ WiMax, Công nghệ 3G/4G và Mobile Internet sẽ là công nghệ chủ yếu được khai thác trong những năm tiếp theo.

g. Mạng truyền hình và truyền thanh nội bộ:

Mạng truyền hình cáp đồng trục và tích hợp trên cáp quang; truyền hình số mặt đất thay thế truyền hình tương tự trước năm 2025. Phát triển dịch vụ truyền hình trả tiền qua vệ tinh.

Truyền thanh cơ sở cơ triển khai đến tận các khối xóm, hiện đại hóa bằng công nghệ FM không dây.

h. Hệ thống bưu chính:

Phát triển bưu chính theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, kết hợp cung cấp các dịch vụ công ích với các dịch vụ thương mại, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu phát triển KT-XH. Khi Bưu chính đã tách ra là đơn vị riêng nhưng vẫn phải kết hợp với viễn thông và công nghệ thông tin để phát triển KT-XH và nâng cao mức sống của người dân.

Phần V

THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

- Phú Diễn là đô thị với chức năng là trung tâm kinh tế văn hóa xã hội, công nghiệp - thương mại dịch vụ - du lịch nghỉ dưỡng. Khu vực tập trung có dòng sông Bùng, sông Lạch Vạn chảy qua, có chiều dài mặt biển đẹp, có cảnh quan thiên nhiên phong phú (đồng ruộng, dân cư làng mạc, rừng đồi, mặt nước,...), có một số di tích cùng với hệ thống giao thông đầu mối đi qua...vv. Khai thác cảnh quan thiên nhiên, địa hình, cấu trúc không gian đô thị để thiết kế kiến trúc cảnh quan và nâng cao tính đặc thù của đô thị vùng đồng bằng ven biển.

- Làm cơ sở pháp lý để lập các dự án đầu tư và quản lý kiến trúc đô thị.

- Vì vậy, cần thiết phải có quy hoạch thiết kế đô thị nhằm đem lại cho Phú Diễn một hình ảnh năng động, hướng phát triển chủ động có tính bền vững.

II. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ

- Đánh giá tổng hợp các điều kiện tự nhiên, hiện trạng liên quan đến khu vực quy hoạch.

- Thiết lập một số không gian ấn tượng cho Đô thị Phú Diễn bằng việc bố trí sắp đặt chiều cao cũng như khối tích, hình dạng công trình tạo được mặt đứng cũng như nhịp điệu công trình kiến trúc.

- Thể hiện đặc trưng cảnh quan tự nhiên của Đô thị Phú Diễn với hệ thống, sông suối, mặt biển các hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các khu vực chức năng của đô thị. Gắn kết các hệ thống giao thông Quốc gia và khu vực, kết nối hệ giao thông, các nút giao cắt, các điểm cửa ngõ và các tuyến chính - phụ trong khu vực được nghiên cứu. Đồng thời nâng cao chất lượng môi trường sống cho người dân trong vùng.

- Đề xuất một số giải pháp và các quy định cụ thể về chế độ quản lý không gian kiến trúc - cảnh quan, tạo lập hình ảnh đô thị có chất lượng thẩm mỹ, thể hiện được bản sắc văn hóa riêng. Tạo bộ mặt đô thị phù hợp với cảnh quan chung, xứng tầm với bộ mặt của một đô thị lớn.

- Khung quy hoạch thiết kế đô thị sẽ được xây dựng trên cơ sở tạo một hình ảnh đặc thù về cấu trúc không gian các khu chức năng, gắn kết hài hòa các yếu tố tự nhiên và nhân tố chủ quan; Tôn vinh yếu tố cảnh quan thiên nhiên, đề cao yếu tố nhân tạo. Kiến trúc của Đô thị Phú Diễn mang tính chất hiện đại trên cơ sở kế thừa và phát huy được các đặc điểm văn hóa, địa hình tự nhiên khu vực.

- Tạo các mô hình không gian trực cảnh quan, trục đô thị, không gian cửa ngõ. Tạo các công trình với tính chất là điểm nhấn thị giác; Sử dụng đa dạng chức năng các lô đất, tạo không gian, hình dáng, diện mạo điển hình cho từng khu vực,

trên cơ sở khai thác triệt để quỹ đất có giá trị phục vụ các hoạt động của đô thị nhưng vẫn đảm bảo cân bằng tự nhiên.

- Kết nối các không gian sản xuất, không gian xanh, không gian sinh thái và không gian dân dụng đô thị. Liên kết các khu chức năng đảm bảo hoạt động riêng của đô thị. Xác định các công trình điểm nhấn trong không gian khu vực quy hoạch, tầng cao xây dựng công trình, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất cho từng lô đất và cho toàn đô thị.

Xây dựng hệ sinh thái bền vững; Tạo sự thuận tiện, hấp dẫn và dễ nhận biết cho những người đang làm việc, khách vãng lai và cho các phương tiện giao thông.

III. NGUYÊN TẮC THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

- Trên cơ sở tuân thủ các mục tại điều 3, 4, 5, 6 thuộc chương II theo Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn nội dung Thiết kế đô thị.

- Tôn trọng điều kiện địa hình tự nhiên, cảnh quan. Kế thừa phát huy giá trị cảnh quan thiên nhiên, phối kết không gian.

- Quy hoạch phải gắn kết các quy hoạch đã được duyệt, nghiên cứu đồng bộ các không gian đô thị phụ cận.

- Bố cục kiến trúc cảnh quan không được phá vỡ hình thái không gian mà phải tạo ra sự hài hòa tự nhiên - nhân tạo. Việc xác định các trục, tuyến, điểm mốc không gian chủ đạo của toàn khu cũng như từng công trình xác định trên cơ sở các mốc, đường trục cảnh quan tự nhiên như các điểm cao, dòng sông, các điểm nhìn và hướng nhìn.

- Các công trình không được che khuất lẫn nhau khi tiếp cận với cảnh quan tự nhiên (trừ trường hợp hiện trạng hoặc công trình thấp tầng nằm phía trong). Tại một số vị trí có tầm nhìn đẹp ưu tiên bố trí công trình trọng điểm. Các tuyến đường dạo theo dạng tự do, tạo thành tuyến ngắm cảnh có góc nhìn luôn biến đổi.

- Nghiên cứu các khu vực điểm nhấn, cửa ngõ, xây dựng các công trình biểu tượng, Khống chế các điểm cao, khai thác các điểm nhìn, quy hoạch chiều cao san nền, bảo tồn các giá trị cảnh quan địa hình tự nhiên, phát huy giá trị cảnh quan nhân tạo.

- Hình thành các trục cảnh quan trong Đô thị, các trục thương mại - dịch vụ, các tuyến vận tải công nghiệp, các khu công nghiệp được bố trí hài hòa với thiên nhiên theo hình thức xanh - sạch - đẹp.

- Quy hoạch không gian chức năng được bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, phù hợp với bố cục kiến trúc và các không gian mặt nước, không gian xanh trong đô thị. Tạo các trung tâm dịch vụ công cộng, trung tâm thương mại tại các điểm cửa ngõ, thiết kế đô thị cần tạo sự đa dạng về kiến trúc cảnh quan cho đô

thị.

- Bố trí các trung tâm đa chức năng và nơi có địa hình đặc thù phù hợp với môi trường du lịch sinh thái. Tạo lập hệ thực vật đa dạng phong phú, các không gian mở, kết hợp hài hòa về không gian, khối tích và phân cấp theo quy mô và tính chất chức năng hoạt động, đặc điểm địa hình, khí hậu tự nhiên mang tính chất vùng miền.

- Nghiên cứu các khu vực chức năng của Đô thị được thiết kế với đặc thù riêng từng khu vực, toát lên yếu tố công năng hài hòa với cảnh quan thiên nhiên. Đảm bảo các khu vực đều được đầu tư trang trí bằng thiết kế ánh sáng đô thị, thông gió tự nhiên. Quản lý lưu thông cho đô thị, các bến bãi đỗ xe, các điểm giao cắt cần được thiết kế an toàn. Tạo thẩm mỹ là điểm nhấn trong tổng thể không gian đô thị.

IV. NHỮNG NÉT ĐẶC TRƯNG VỀ KHÔNG GIAN CẢNH QUAN

- Đô thị Phú Diễn có địa hình tương đối phức tạp bởi dòng sông đi trong lòng đô thị kết hợp vùng đồng ruộng và nhiều ao hồ kênh rạch. Cảnh quan thiên nhiên phong phú kiến tạo những điểm nhấn không gian trong thiết kế cảnh quan cũng như phân khu chức năng đô thị.

- Gắn kết hệ thống cây xanh mặt nước, đồng bằng, ven biển hình thành bộ khung thiên nhiên bảo vệ môi trường vững chắc kết hợp cùng cấu trúc không gian quy hoạch các khu chức năng. Tạo lập một đô thị ven biển hiện đại đồng bộ, hài hòa với hệ khung tự nhiên, phát triển bền vững, xây dựng hình ảnh một đô thị có sức hấp dẫn cho hiện tại và trong tương lai.

V. CẤU TRÚC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ

1. Bố cục không gian quy hoạch.

Bố cục không gian theo vùng chức năng. Bao gồm:

- Không gian trục ngang cảnh quan trung tâm Diễn Phúc - Thị trấn - Diễn Thành (lộ giới 45,0m).

- Không gian cảnh quan trục Quốc lộ 1A chuyển đổi thành trục trung tâm thương mại (lộ giới 46,0m).

- Không gian trục ngang cảnh quan trung tâm Diễn Hoa - Diễn Ngọc - Diễn Kim (lộ giới 36,0m).

- Không gian trục dọc cảnh quan trung tâm Diễn Thành - Diễn Ngọc - Diễn Bích (lộ giới 36,0m).

- Không gian cảnh quan sinh thái ven sông Bùng, sông lạch Vạn, Công viên và ven biển.

- Không gian trục quan trục Quốc lộ 7 (lộ giới 36,0m).

- Không gian cảnh quan khu vực dân cư.

2. Giải pháp thiết kế đô thị cho các khu vực quan trọng.

- Trên cơ sở các chức năng của từng khối công trình, từng khu chức năng đã lựa chọn, ý tưởng thiết kế đô thị sẽ hình thành được các vùng cảnh quan, các trục, tuyến và điểm nhấn cảnh quan trên mặt bằng, về không gian chiều cao cần lựa chọn điểm cao trọng tâm, các độ cao của các công trình cho toàn khu, phương án tổ chức trồng cây xanh, công viên, mặt nước, các khoảng trống quảng trường, sân bãi.

- Bố cục không gian kiến trúc hợp lý, các công trình cần được thiết kế phù hợp nhiều nhu cầu và sự phân bổ sử dụng đất khác nhau, nhằm hạn chế các giao thông đi lại không cần thiết, phát triển các loại hình giao thông bộ, xe đạp.

- Bố cục không gian kiến trúc có nhịp điệu, sự chuyển đổi hợp lý về hình khối kiến trúc, giữa công trình thấp tầng và cao tầng.

- Khu vực nghiên cứu thiết kế nằm trong tổng thể của một đô thị hoàn chỉnh được đầu tư xây dựng, vì vậy không gian cảnh quan chung cần được liên hệ chặt chẽ với các khu chức năng kế cận.

- Tuân thủ các quan điểm tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, các lô phố, các công trình kiến trúc đều được bố trí với hướng chính tránh được sự ảnh hưởng của thời tiết vào mùa hè. Tổng thể hình khối kiến trúc toàn bộ dân cư được chú trọng đặc biệt, các khối kiến trúc được phát triển từ thấp lên cao. Thiết kế, bố trí các lô đất công trình trong đô thị phải hợp lý và chính xác về hướng gió, năng lượng mặt trời, nhằm đáp ứng nhu cầu thiết kế công trình phù hợp với điều kiện khí hậu và phát triển bền vững.

- Với các công trình kiến trúc thấp tầng, vẻ đẹp kiến trúc sẽ không thể hiện các chi tiết kiến trúc trang trí mà thể hiện ở hình khối kiến trúc đơn giản, sự kết hợp giữa chúng ở các tỷ lệ thích hợp để tạo ra các công trình đẹp. Các chi tiết như mái đua, chỉ gờ và mái hiên sẽ được thiết kế đơn giản và được sử dụng trong một số trường hợp để nhấn mạnh lối vào hoặc ban công, tạo bóng đổ và khoảng tối cũng như nhấn mạnh các khối lớn khi cần thiết.

- Các bãi đỗ xe được bố trí ở khu vực công viên cây xanh đảm bảo nhu cầu giao thông tĩnh.

- Mục đích cuối cùng là tạo lập hình ảnh đô thị có chất lượng thẩm mỹ, thể hiện được bản sắc văn hóa của địa phương.

VI. PHÂN VÙNG VÀ CƠ CẤU KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

1. Không gian cảnh quan trục Quốc lộ 1A.

- Từng bước chuyển đổi chức năng trục đường Quốc lộ 1A cũ thành trục chính từ các công trình hành chính sang thương mại dịch vụ, tài chính ngân hàng bao gồm: Trung tâm dịch vụ thông tin; Trung tâm thương mại tổng hợp, siêu thị và

hệ thống cửa hàng bán lẻ; Trung tâm dịch vụ hỗ trợ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thị trường chứng khoán...vv.

- Bố trí các trung tâm thương mại cao tầng, phân để các công trình là một tổ hợp liên hoàn công trình dịch vụ thương mại phục vụ đời sống hàng ngày của người dân đô thị với các chức năng hỗn hợp như: Siêu thị, hệ thống các cửa hàng bán lẻ, nhà hàng,... góp phần tạo lập thêm chức năng đa dạng.

2. Không gian trục cảnh quan trung tâm Diễn Hoa đi Diễn Kim.

- Điểm đầu đầu nối với đường trục đường tránh là các hộ dân cư thấp tầng kiểu nhà vườn. Dân cư tập trung với mật độ trung bình, đây chính là trục đường chính của đô thị. Do vậy, cần chỉnh trang và phát triển nhà ở khang trang đáp ứng nhu cầu ở người dân và khuyến khích kinh doanh dịch vụ.

- Là trục trung tâm dành quỹ đất xây dựng các công trình tổng hợp bao gồm: Trung tâm triển lãm, trung tâm văn hóa và vui chơi giải trí (rap chiếu phim, sân khiêu vũ, hoạt động thể thao trong nhà,...), sân vận động trung tâm, nhà thi đấu đa năng, bể bơi, sân tập nhỏ, trung tâm đào tạo vận động viên,... Nơi đây có thể tổ chức được các Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh, cấp vùng. Không gian giáp sông Bùng bố trí thấp tầng và công viên cây xanh, phía sau bố trí các nhà cao tầng tạo điểm nhìn, cảnh quan chung khu vực.

- Điểm kết thúc là cầu qua sông lạch Vạn cùng khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp loại hình kiến trúc thấp tầng hài hòa với thiên nhiên cùng kết hợp các loại dịch vụ ven sông.

3. Không gian cảnh quan trục Quốc lộ 7.

- Trục Quốc lộ 7 là cửa ngõ về phía Tây của huyện. Xuyên suốt từ đường sắt Bắc Nam đến ngã ba Diễn Châu quy hoạch các công trình nhà ở kết hợp chung cư cao tầng với các tòa nhà từ 5 đến 7 tầng phân để tổ hợp các công trình thương mại dịch vụ phục vụ cho người dân.

- Ngã ba Diễn Châu là từ ngữ đã được khẳng định cho một địa danh có tính giao lưu buôn bán sầm uất thời kỳ xa xưa. Để khai thác và tôn tạo lại việc này là định hướng các công trình thương mại dịch vụ với những công trình 10 - 15 tầng tại các ngã giao nhau để là điểm nhấn chính cho toàn khu đô thị (hiện nay công trình Mường Thanh đạt tiêu chuẩn 4 sao).

- Kết nối từ ngã ba Diễn Châu xuống biển Diễn Thành là dân cư đã có. chỉnh trang lại mật độ, độ cao công trình, màu sắc phù hợp kiến trúc chung đô thị kết hợp với dịch vụ thương mại tăng sự sầm uất cho đô thị.

4. Không gian trục dọc cảnh quan trung tâm Diễn Thành- Diễn Hoa.

- Quỹ đất xây dựng hai bên đường bao gồm trung tâm hành chính, chính trị đô thị được chuyển từ ngoài Quốc lộ 1A vào, nằm về phía Tây đường Quốc lộ 1A,

tập trung các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội của huyện, thị xã tương lai.

- Dân cư tập trung với mật độ cao. Do vậy, cần chỉnh trang và phát triển nhà ở khang trang đáp ứng nhu cầu ở người dân.

5. Khu vực cảnh quan khác.

(1) Khu vực cảnh quan ven sông Bùng, sông Lạch Vạn:

Tổ chức hệ thống cây xanh ven sông với bến thuyền, các đường dạo và quảng trường xanh đón các trục đường chính trong đô thị hướng ra biển.

(2) Khu vực đường sắt Bắc Nam:

Do hạn chế vì có đường sắt Bắc Nam chạy phía Tây khu vực quy hoạch nhưng khoảng cây xanh cách ly của đường sắt đã tạo thành dải cây xanh của đô thị.

(3) Khu vực công viên cây xanh:

- Khu công viên và các khu cây xanh bố trí phân tán đảm bảo đưa các không gian xanh tiếp cận với người dân đô thị. Mạng lưới cây xanh, mặt nước góp phần cải thiện môi trường sống của đô thị, hạn chế tối đa các tác động tiêu cực của khí hậu khu vực đối với điều kiện sinh khí hậu dân cư sống trong đô thị.

- Hệ thống các không gian vườn hoa cây xanh, sân vườn trong khu ở sẽ được tổ chức nối mạng tạo nên một không gian xanh liên hoàn trong toàn đô thị thông qua những mạng đường nội bộ.

6. Cảnh quan khu vực dân cư.

- Các khu dân cư được bố trí thành từng nhóm ở kết hợp hài hòa cùng lối không gian xanh tạo thành một quần thể nhà vườn phát triển bền vững, các công trình nhà ở tại đây chủ yếu là nhà ở liền kề và biệt thự thấp tầng.

- Tôn trọng dân cư hiện trạng, nếu phải di dời thì thấp nhất. Các khu ở hiện trạng được chỉnh trang về kiến trúc và chất lượng công trình và đầu tư thêm cơ sở hạ tầng để nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

- Nhà ở trong khu ở mới gồm: Nhà ở liền kề và nhà vườn, nhà ở trong các khối xóm đang được đô thị hoá. Các công trình nhà ở phải kết hợp tính hiện đại và tính truyền thống, phù hợp với lối sống và tập quán của nhân dân địa phương. Khuyến khích xây nhà chung cư cao tầng trong các khu đô thị mới.

VII. MỘT SỐ QUY ĐỊNH TRONG QUY HOẠCH VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ.

1. Quy định tổ chức không gian.

- Trên các trục chủ đạo thiết kế các công trình hiện đại đồng bộ, chú ý khu vực phía Nam (khu vực nội thị giáp xã Diên Thịnh) tạo các công trình điểm nhấn có hình thức kiến trúc mạch lạc tăng yếu tố thị giác, các công trình xây dựng tuân thủ chỉ giới xây dựng. Nghiên cứu hệ thống đường gom đầu nối hợp lý các công

trình xung quanh đường; Trồng các dải cây xanh chống ô nhiễm tiếng ồn, bụi, ngoài ra còn tạo cảnh quan đẹp kết hợp hệ thống công trình, nghiên cứu vật liệu lát hè đường, các biển báo giao thông hình thức phối kết cây xanh thảm cỏ để hạn chế tai nạn giao thông và phù hợp với thiết kế đô thị.

- Khai thác địa hình tự nhiên, hài hòa yếu tố tự nhiên tôn vinh vẻ đẹp không gian kiến trúc đô thị. Quy định tầng cao tối thiểu 5 tầng, mật độ xây dựng 40%. Một số vị trí có thể nghiên cứu theo khung địa hình tự nhiên.

- Các thiết kế đô thị cục bộ cần quan tâm đến việc tổ chức các công năng, công trình, hình thức, màu sắc công trình, chủng loại cây trồng dọc đường, đèn chiếu sáng, hệ thống biển quảng cáo, biển báo dẫn hướng, tuyến hành lang dành cho người đi bộ.

- Các công trình cửa ngõ phía Bắc với hệ thống nút giao thông nhập luồng, tổ chức các công trình hoành tráng, hiện đại, mang tính nghệ thuật, đặc sắc của Đô thị Phú Diễn nói riêng và của tỉnh Nghệ An nói chung.

- Nghiên cứu tạo sự tương phản về màu sắc, hình khối và các đặc trưng khác cho các khu xây dựng mới, hình dạng công trình phải hài hòa với các không gian xanh, không gian địa hình cảnh quan xung quanh.

2. Quy định về mật độ xây dựng, tầng cao xây dựng.

(1) Quy định đối với tầng cao xây dựng:

- Đảm bảo những thiết kế mang lại hiệu quả dài hạn cho hình thái đô thị, nghiên cứu về nhịp điệu tầng cao công trình làm điểm nhấn trọng tâm cho đô thị.

- Các công trình cửa ngõ phía Bắc phía Nam (theo Quốc lộ 1A), phía Tây (theo Quốc lộ 7), tổ chức các cụm công trình hoành tráng, quy mô làm điểm nhấn trọng tâm đô thị.

- Nghiên cứu tạo sự tương phản về màu sắc, hình khối và các đặc trưng khác cho các khu đất xây dựng mới, hình dạng công trình phải hài hòa với các không gian xanh, không gian địa hình cảnh quan xung quanh.

- Chiều cao các công trình phù hợp với mô hình tuyến trục toàn khu, phù hợp với chiều cao và các công trình xung quanh theo các quy chuẩn xây dựng.

(2) Quy định đối với mật độ xây dựng:

- Đề ra quy định mối quan hệ giữa kích thước xây dựng và hình khối công trình kiến trúc, giữa mật độ xây dựng với chiều cao theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành để tạo hiệu quả cảnh quan kiến trúc và hình ảnh đặc trưng cho không gian đô thị. Công trình cao tầng, thấp tầng, trung bình kết nối và hợp khối tạo thành quần thể hài hòa, phù hợp không gian xung quanh, qua đó nâng cao hiệu quả tầm nhìn cho các tổ hợp công trình nghiên cứu.

Các khu chức năng có công trình to lớn đồ sộ như khu đô thị hiện đại, khu

trung tâm Thương mại - dịch vụ, khu công nghệ cao, khu trung tâm giáo dục đào tạo - hướng nghiệp, khu trung tâm y tế,...vv có sự chuyển tiếp với các khu xây dựng thấp tầng, mật độ cao (như: Khu du lịch, khu làng sinh thái, khu công viên, khu cây xanh - thể dục thể thao).

- Tại các khu vực trọng tâm, trọng điểm đề nghị bố trí công trình cao tầng mang tính dẫn hướng như lực hút thị giác làm điểm nhấn trọng tâm. Các công trình tạo sự đồng nhất đa diện của các trục chủ đạo, phối kết hài hòa trong tổng thể toàn đô thị.

- Các công trình tạo điểm nhấn đô thị, việc sử dụng màu sắc và độ tương phản rõ ràng tạo nét đặc trưng về màu sắc cho các khu chức năng.

- Nghiên cứu đề ra quy định khoảng cách giữa các công trình cao tầng để đảm bảo thông thoáng cho các không gian đệm đảm bảo diện bóng đổ nhiều nhất tạo không gian thoáng mát cho các khối tích và không gian công trình xung quanh.

- Quy định trước các công trình cửa ngõ, công trình trọng tâm, phải có khoảng lùi tùy theo điều lệ quản lý xây dựng, các khoảng không gian này được gắn kết với quảng trường, vườn hoa công viên.

- Chú ý các vùng đệm là nút giao thông cùng cốt, khác cốt (ngã tư đường Quốc lộ 7, Quốc lộ 1A, Các đường qua đường sắt Bắc Nam...) có diện tích lớn, tại đây ngoài các không gian cây xanh, quảng trường cần nghiên cứu các công trình có hình thái kiến trúc ăn nhập uốn lượn kể cả về chiều cao và độ lớn phù hợp với không gian xung quanh, đảm bảo tầm nhìn cho các phương tiện tham gia giao thông.

3. Quy định về bảo vệ cảnh quan tự nhiên trong quy hoạch.

- Bảo vệ cảnh quan đặc trưng cho đô thị: Sông Bùng, sông Lạch Vạn, khu vực ven biển, ao hồ trên địa bàn,...vv từng bước bằng quy định cụ thể hạn chế san gạt địa hình tự nhiên, tôn tạo khu cây xanh, rừng cây, bảo vệ diện tích mặt nước sông, hồ, phát triển thảm thực vật bao quanh, khuyến khích tổ chức không gian vườn trong các khu ở, các hàng rào cây xanh cho từng công trình nhà ở, công trình công cộng, các trục giao thông đô thị. Hình thức kiến trúc hài hòa với thiên nhiên và môi trường tự nhiên hiện trạng.

- Nghiên cứu sử dụng các trang thiết bị kiến trúc, kỹ thuật phù hợp với môi trường xung quanh trong các thiết kế tạo cảnh quan đô thị. Tạo không gian mở và các khung cảnh, cảnh quan đô thị là điểm đón của các trục chủ đạo và là trung tâm cho các hoạt động.

- Tuân thủ bố trí các tuyến điểm đỗ xe, các bến bãi đỗ xe hợp lý, an toàn, tiện lợi phục vụ cho các hoạt động sản xuất, các hoạt động sinh hoạt trong thành phố với các hoạt động vui chơi giải trí, hoạt động vận tải công nghiệp được nghiên cứu khi thiết kế đô thị giao thông.

- Quy định các khoảng cách trồng cây ven đường, các diện tạo hành rào cây xanh, các điểm đặt thiết bị trên đường phố, các khu vực xung quanh mặt nước cần đảm bảo độ che phủ của cây xanh, đảm bảo khoảng lùi và tầm nhìn đến các công trình - địa hình.

Phần VI

ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC

I. TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG KINH TẾ -XÃ HỘI

1. Tác động tích cực.

Việc hình thành khu đô thị không chỉ nâng cao đời sống về vật chất và tinh thần cho nhân dân mà còn là động lực thúc đẩy kinh tế toàn tỉnh và vùng phát triển.

Tác động lớn nhất và tích cực nhất của quy hoạch khu đô thị Phú Diễn tới môi trường xã hội chính là sự thay đổi ở cơ cấu kinh tế, cơ cấu ngành nghề của từng địa phương trong khu vực.

Phát triển khu quy hoạch tạo tiền đề thúc đẩy sự phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho khu vực như: hệ thống đường sá, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống truyền tải và cung cấp điện, hệ thống xử lý và cung cấp nước sạch...cùng các công trình sinh hoạt công cộng như các công trình văn hóa thể thao, các cơ sở dịch vụ, các tụ điểm vui chơi giải trí, phát triển thêm các khu du lịch và hệ thống cảng biển.

Về đời sống nhân dân: một lượng lớn dân số trong độ tuổi lao động được đào tạo nghề tại các trường đào tạo nghề. Đây là điều kiện thuận lợi cho người dân có thu nhập cao hơn so với nghề nông và có nguồn thu ổn định cuộc sống tốt hơn.

2. Tác động tiêu cực.

Tác động tới kế hoạch sử dụng đất và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của các địa phương trong khu vực quy hoạch.

Xét trên phạm vi chung thì dự án sẽ đem lại nhiều lợi ích về kinh tế và xã hội. Đặc biệt đối với chiến lược phát triển kinh tế vùng và phạm vi quốc gia. Tuy nhiên nếu xét trong phạm vi Khu đô thị thì cũng có những yếu tố tiêu cực như:

- Phá vỡ quy hoạch sử dụng đất của địa phương chia cắt địa hình các xã và các cụm dân cư thôn, xóm. ảnh hưởng đến cuộc sống và tình hình an ninh lương thực của địa phương.

Các tác động do đền bù đất tái định cư và thu nhập của các hộ gia đình bị thu hồi đất kể cả đất thổ cư và đất giành cho sản xuất. Trong giai đoạn đền bù và di dời dân cư trong khu vực dự án có khả năng xảy ra các vấn đề sau đây:

- Việc đền bù đất đai cho người đang sinh sống trên khu đất cần giải toả không thoả đáng dẫn đến tranh chấp đất giữa những người này và cơ quan quản lý địa phương cũng như chủ dự án, từ đó nảy sinh những mâu thuẫn xã hội phức tạp và làm chậm tiến độ thực hiện dự án.

- Tác động đến nguồn thu nhập của một số hộ dân, nhiều gia đình ngoài làm nông nghiệp còn chăn nuôi trâu bò hoặc đánh cá. Những nguồn thu nhập quan trọng này có thể bị mất đi khi họ phải di dời vào các khu tái định cư.

- Một số vấn đề ảnh hưởng đến môi trường sẽ liên quan đến việc mất mát tài nguyên thiên nhiên (trong trường hợp này là tài nguyên rừng phi lao, cây ăn trái, cây lâu năm), diện tích đất nông nghiệp vùng đồng bằng ven biển thu hẹp. Các dự án được thực hiện sẽ làm tăng diện tích đất cho khu vực sản xuất công nghiệp, giảm diện tích cây xanh trong khu vực.

Việc tập trung lao động từ mọi miền đất nước đến làm ăn sinh sống tại khu quy hoạch gây xáo trộn lớn về một số mặt của xã hội như: tỷ lệ người dân thập phương cao khó quản lý; văn hóa khác nhau dễ gây mất đoàn kết... dẫn đến phát sinh các tệ nạn xã hội.

II. TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA, LỊCH SỬ

1. Các tác động tích cực.

Khu đô thị Phú Diễn có nhiều di tích văn hóa-lịch sử, danh lam thắng cảnh và các yếu tố bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc. Với định hướng bảo vệ công trình di tích theo ranh giới bảo tồn di tích cấp quốc gia đã được xác định trồng cây xanh tôn tạo cảnh quan núi và thực hiện quản lý công trình.

Việc xây dựng và phát triển các loại hình du lịch như du lịch vùng cảnh quan núi thấp và vùng cảnh quan ven sông Bùng, kênh Nhà Lê, bãi biển Diễn Thành sẽ góp phần làm tăng giá trị cảnh quan, đa dạng hóa loại hình du lịch đồng thời tạo điểm nghỉ dưỡng và kết nối các khu du lịch trong khu quy hoạch phát triển.

Phát triển du lịch trong khu vực tạo được một phần nguồn vốn cho việc duy tu, bảo tồn các khu, điểm di tích, danh lam thắng cảnh và các loại hình văn hóa đặc trưng.

Mặt khác, việc phát triển các loại hình du lịch cũng tạo sức ép lên các điểm di tích, danh lam thắng cảnh và các vùng sinh thái nếu không có những quy hoạch và chính sách quản lý cụ thể, để vừa khai thác vừa bảo tồn và phát huy thế mạnh.

Các điểm cảnh quan quan trọng cần bảo tồn tôn tạo là các công trình di tích lịch sử - tôn giáo. Quy hoạch xác định vành đai bảo vệ công trình tuân thủ theo quy định của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Xung quanh di tích chủ yếu tôn tạo cảnh quan trồng cây xanh, tổ chức đường giao thông, chiếu sáng, thoát nước và vệ sinh môi trường.

2. Các tác động tiêu cực.

Tác động tiêu cực chính của hoạt động du lịch đến các công trình văn hóa-lịch sử, các điểm danh lam thắng cảnh, các khu du lịch biển... đó là các tác động về môi trường do sinh hoạt của du khách và những người tham gia phục vụ du lịch tại

khu vực gây ra. Trong quá trình xây dựng và phát triển các khu du lịch cần quản lý tốt các nguồn phát sinh các chất ô nhiễm tới môi trường.

Các hoạt động thương mại, dịch vụ phục vụ du lịch xung quanh di tích có thể là nơi nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực khác nhau, điều này có ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng phục vụ du lịch, mỹ quan đô thị và an ninh, trật tự xã hội.

III. TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG ĐẤT

1. Tác động tích cực.

Việc thực hiện quy hoạch làm thay đổi mạnh mẽ cơ cấu sử dụng đất trong khu vực, chủ yếu theo xu hướng tốt, nâng cao giá trị và hiệu quả sử dụng đất:

- Tăng giá trị sử dụng đất của phần diện tích đất hoang và cồn cát, đất cát ven biển chưa được sử dụng trước đây.

- Việc quy hoạch chuyển đổi một phần đất nông nghiệp sang đất chuyên dùng, đất du lịch sinh thái sẽ làm ảnh hưởng đến đời sống của một số hộ nông dân. Tuy nhiên những khu vực có chất lượng đất không phù hợp với hoạt động canh tác nông nghiệp do có năng suất canh tác thấp, việc chuyển đổi sẽ nâng cao giá trị kinh tế và hiệu quả sử dụng đất toàn khu vực.

- Định hướng phát triển không gian đã giữ lại tối đa diện tích đất trồng rừng hiện tại để tạo cảnh quan, khu vực cách ly và phát triển du lịch sinh thái là điều kiện tốt đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

2. Tác động tiêu cực:

Trong quá trình thực hiện quy hoạch, nguy cơ ô nhiễm và suy thoái, xói mòn và sạt lở môi trường đất cũng rất cao do các nguyên nhân:

- Các công tác chuẩn bị kỹ thuật có thể thay đổi môi trường đất và cấu trúc địa chất, cũng như việc chuyển đổi diện tích đất nông nghiệp sang đất khác sẽ làm thay đổi địa hình cảnh quan.

Việc xây dựng các công trình công nghiệp trong khu vực làm suy thoái đất, mất đất nông nghiệp, ảnh hưởng đến tình hình an ninh lương thực các địa phương trong khu vực qui hoạch.

- Quá trình đào đắp, xây dựng các khu du lịch cao cấp núi biển..., sẽ là nguyên nhân gây xói mòn, trượt lở đất nếu không có biện pháp kè và trồng dải cây xanh ven biển. Ngoài ra hiện tượng cát bay, cát chảy ven biển cũng sẽ ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng và cảnh quan các khu du lịch nếu hệ thống cây xanh ven biển bị chặt bỏ để xây dựng cơ sở hạ tầng mà không quan tâm phát triển và phục hồi.

IV. TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG NƯỚC

+ Nguy cơ ô nhiễm từ nước thải sinh hoạt chủ yếu từ lực lượng lao động, dân cư trong khu quy hoạch. Ước tính khoảng 98.000 người trong các khu đô thị mới và tái định cư trong khu vực quy hoạch.

+ Nguy cơ ô nhiễm nước biển ven bờ do hoạt động của cảng cá Lạch Vạng

- Hoạt động của cảng cá Lạch Vạng (bốc xếp hàng hoá, vận chuyển hàng hoá ra vào cảng bằng sinh hoạt của ngư dân ảnh hưởng tới cảnh quan, gây ô nhiễm không khí, ô nhiễm nước.

- Trong bùn đáy vùng cửa sông, vùng cảng biển, hàm lượng các tác nhân ô nhiễm có độc tính cao như kim loại nặng, dầu mỡ, các hydrocacbon đa vòng... thường tích lũy khá cao. Vì vậy, hoạt động nạo vét luồng lạch dẫn tàu trong giai đoạn hoạt động của cảng sẽ gây xáo trộn và phát tán chất ô nhiễm, gây ô nhiễm môi trường nước và suy giảm nguồn lợi thủy sản.

- Việc tăng độ sâu, độ rộng của luồng tàu có khả năng gây thay đổi chế độ thủy văn, gia tăng xâm nhập mặn và có thể tạo điều kiện gây bồi lắng hoặc xói lở vùng xung quanh.

- Chất thải từ tàu và sự cố tràn dầu nếu xảy ra cũng sẽ là những nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, suy thoái hệ sinh thái nước.

Trên cơ sở các phân tích và dự báo cho thấy, để đảm bảo chất lượng môi trường các lưu vực nước sông hồ và nước biển ven bờ thì cần có cơ chế giám sát chặt chẽ chất lượng nước thải tại các nhà máy trước khi thải vào các trạm xử lý và chất lượng nước thải tại các trạm xử lý trước khi thải ra môi trường. Bên cạnh đó cũng cần kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất nhằm hạn chế tối đa nguy cơ xảy ra sự cố môi trường.

V. TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

Ô nhiễm không khí phát sinh từ hoạt động tiêu thụ nhiên liệu trong sinh hoạt, giao thông: có thể ô nhiễm cục bộ tại một số khu vực có mật độ giao thông lớn trong đô thị. Các chất ô nhiễm chủ yếu là bụi, CO, SO₂, NO_x...

Các nguồn gây ô nhiễm không khí cũng như các tác động tới môi trường không khí chủ yếu phát sinh từ các khu vực sản xuất công nghiệp bao gồm:

Ô nhiễm không khí trong công nghiệp cơ khí: Các loại hình sản xuất gồm công nghiệp đóng và sửa chữa tàu cá, tàu chuyên dùng, động cơ diesel, bồn chứa khí;. Các thành phần ô nhiễm phát sinh trong công nghiệp cơ khí bao gồm:

- Đóng tàu, sửa chữa tàu thuyền: Chất ô nhiễm khí trong quá trình đóng tàu chủ yếu là bụi sắt, bụi kim loại và dung môi sơn. Đáng chú ý nhất là ô nhiễm không khí do bụi Nix (trong trường hợp không sử dụng cát mà sử dụng hạt Nix để làm sạch vỏ tàu. Nix là vật liệu có dạng hạt cấu thành từ sắt, đá vôi và SiO₂, còn

được gọi là xỉ đồng. Trong quá trình phun làm sạch vỏ tàu, hạt Nix vỡ vụn, sinh ra chất thải Nix và bụi Nix. Hạt Nix đã qua sử dụng có trộn lẫn với các hợp chất độc hại sau khi xử lý làm sạch vỏ tàu... Bản thân hạt Nix chứa rất nhiều kim loại (khoảng 50%). Nếu ở trong tình trạng lơ lửng bụi Nix gây ô nhiễm môi trường không khí. Ô nhiễm ở cả hai mặt: một là ô nhiễm môi trường vật lý, tạo một lớp bụi đen che phủ đất, nước và thảm thực vật; hai là môi trường hóa học, vì bụi Nix có chứa 0,19% chì, là chất độc hại cho sức khỏe con người.

VI. CHẤT THẢI RẮN

- Thành phần chất thải rắn công nghiệp: Nguồn gốc chất thải rắn bao gồm rác phát sinh từ các khu du lịch, khu đô thị... Thành phần chất thải rắn gồm chủ yếu chất hữu cơ (rau, vỏ hoa quả...), ngoài ra còn có giấy các loại, vỏ đồ hộp, nhựa, thủy tinh.

- Việc xử lý các trường hợp gây ô nhiễm môi trường cần được các ngành chức năng sớm vào cuộc và giải quyết đồng bộ. Đối với chính quyền các xã trong khu đô thị cũng cần nâng cao vai trò trong việc quản lý và xử lý vi phạm hành chính trong bảo vệ môi trường. Có như thế mới đảm bảo hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng ô nhiễm môi trường.

VII. DỰ BÁO MÔI TRƯỜNG SINH THÁI

- Toàn bộ dải đất trũng ven sông Bùng được cải tạo để xây dựng công viên sinh thái, dải bờ biển phía Đông cảnh quan đẹp bố trí các cụm dịch vụ tắm biển, nghỉ dưỡng, một số khu vực hai bên sông Bùng xây dựng công viên sinh thái phục vụ du lịch, nên chú ý đảm bảo phát triển bền vững trong lâu dài.

- Sức hấp dẫn của các địa điểm du lịch sinh thái chủ yếu là môi trường tự nhiên vì vậy mối liên kết giữa bảo tồn và sinh kế là khá rõ ràng. Định hướng quy hoạch phát triển du lịch của đồ án sẽ mang lại lợi ích cho cộng đồng dân cư địa phương nếu thúc đẩy phát triển loại hình du lịch dựa vào cộng đồng, từ đó mang lại lợi ích cho cả người dân địa phương và môi trường. Phương thức này có thể được áp dụng tại tất cả các khu du lịch sinh thái trong khu đô thị Phủ Diễn.

- Thuốc trừ sâu có vai trò quan trọng để tăng năng suất của các cây trồng nông nghiệp và kiểm soát sâu bệnh, nhưng bên cạnh đó chúng cũng gây ra những tác động môi trường hết sức nghiêm trọng lên đời sống của con người cũng như các loài động vật hoang dã.

VIII. CÁC GIẢI PHÁP GIẢM THIỂU VÀ KHẮC PHỤC CÁC TÁC ĐỘNG CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Giảm thiểu tác động môi trường do các hoạt động phát triển các khu du lịch
- + Quản lý việc sử dụng nước

Nhu cầu sử dụng nước tại các khu du lịch ven biển thuộc các xã Diên Thành sẽ tạo ra áp lực lớn lên các nguồn nước sẵn có. Do đó việc sử dụng nước quá mức có thể ảnh hưởng đến nguồn tài nguyên nước của địa phương. Vì vậy cần xác định các khu vực tiêu thụ nhiều nước (khách sạn, khu nghỉ dưỡng cao cấp) để có những giải pháp kỹ thuật phù hợp mang lại hiệu quả tiết kiệm nước.

+ Chống xói lở bờ biển

Các tai biến xói lở một số điểm khu vực ven biển Diên Kim, có nguy cơ gây ra hậu quả lớn như mất quỹ đất, sập công trình. Các tác động này diễn ra theo mùa. Để tránh các tác động đến xói lở, trong quá trình thi công, tiến hành tu bổ, kè bờ tại các khu vực có nguy cơ rủi ro do cao.

- Giảm thiểu tác động do lũ lụt, bão, lốc xoáy trong khu vực

Trong thời gian gần đây diễn biến thời tiết trong khu vực rất phức tạp. Số lượng cơn bão, áp thấp đổ bộ vào khu vực có xu thế tăng nhanh so với các thập kỷ trước. Trung bình khu vực chịu 3 cơn bão/năm, thường tập trung vào tháng 8, 9 và tháng 10. Bão thường kèm theo mưa lớn gây lũ lụt, ảnh hưởng rất lớn đến đời sống và kinh tế. Bên cạnh đó mật độ thảm thực vật trong khu vực giảm do phát triển dân cư đô thị làm giảm khả năng điều tiết lũ trong khu vực. Do vậy đây là khu vực nhạy cảm với thiên tai nên trong quá trình hoạt động sản xuất, phát triển kinh tế và xây dựng cần có các biện pháp phòng tránh như xây dựng hệ thống thoát lũ, khơi thông dòng chảy, trồng cây xanh và xây dựng hệ thống điều tiết lũ chung cho khu vực.

+ Bảo vệ đa dạng sinh học biển

Các hoạt động phát triển du lịch trong khu vực, phát triển đô thị ven biển cần đặc biệt quan tâm bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan ven biển, đặc biệt là hệ sinh thái biển. Thực hiện quy hoạch cần giảm thiểu thiệt hại đến cảnh quan thiên nhiên, thảm thực vật, nguồn nước mặt khu vực cửa sông ven biển.

- Giảm thiểu các tác động môi trường khi xây dựng các khu đô thị, khu dân cư:

+ Xử lý nước thải sinh hoạt

- Để bảo vệ chất lượng nguồn nước thì yếu tố quan trọng nhất là phải giải quyết triệt để vấn đề xử lý nước thải ở các khu công nghiệp, các khu đô thị, khu dân cư và cả ở vùng nông thôn đầu nguồn. Đối với các khu đô thị mới, cần phải thiết kế một hệ thống thoát nước thải riêng biệt (theo QCVN 01:2021 - Bộ Xây dựng).

- Trong quá trình thi công, không xả nước thải trực tiếp xuống các thủy vực xung quanh khu vực dự án. Để tránh việc gây ô nhiễm nước mặt trong khu vực do thải nước thải xây dựng, trong dự án cần bố trí thêm các hố thu nước xử lý cặn và bùn lắng để không gây hiện tượng bồi lắng. Bên cạnh đó, cùng cần phải xây dựng các công trình xử lý nước thải tạm thời (bể tự hoại kiểu thấm), quy định bãi rác

trung chuyển tạm thời,... tránh phóng uế, vứt rác sinh hoạt bừa bãi gây ô nhiễm môi trường do công nhân xây dựng thải ra.

- Các nhà máy phải có công nghệ xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi phát thải vào hệ thống thoát nước chung của khu công nghiệp. Hơn nữa khu công nghiệp phải thiết lập hệ thống thoát, xử lý nước thải và nước mưa riêng biệt khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải từ sản xuất phải được thu gom vào bể lắng và có biện pháp xử lý trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước thải chung.

- + Quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt (đô thị, khu du lịch và các khu công nghiệp)

Chất thải rắn sinh hoạt tại các khu đô thị, khu du lịch ven biển cần tiến hành phân loại tại nguồn thành các thành phần hữu cơ (định hướng công nghệ chế biến phân bón) và thành phần vô cơ (khó phân hủy sinh học định hướng công nghệ tái chế và chôn lấp hợp vệ sinh).

Đối với chất thải rắn sinh hoạt đô thị và chất thải sinh hoạt các khu công nghiệp đảm bảo công tác thu gom được thực hiện hàng ngày và do một đơn vị chịu trách nhiệm quản lý (công ty môi trường đô thị Thị trấn Diên Châu). Khuyến khích áp dụng công nghệ seraphin trong việc sản xuất phân hữu cơ từ rác sinh hoạt có thành phần chất hữu cơ cao.

- Giảm thiểu các tác động môi trường khi xây dựng các khu công nghiệp trong khu vực.

- * Giải pháp chống nóng, bảo đảm vi khí hậu công trình

Khi thiết kế xây dựng công trình các khu phi thuế quan, khu công nghiệp cần tận dụng tối đa mặt thuận lợi như bố trí hợp lý các cửa mái để thông gió tự nhiên tốt, đồng thời hạn chế mặt bất lợi như bố trí hướng nhà hợp lý.

Mặt khác, đối với những khu vực có nhiệt độ cao do quá trình sản xuất sinh ra như ngành các công nghiệp đóng mới và sửa chữa tàu thuyền; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; công nghiệp cơ khí chế tạo cần thiết kế, lắp đặt chụp thoát gió tự nhiên hay cơ khí để thoát nhiệt. Cần lợi dụng đặc thù của khí hậu nóng khô của khu vực để sử dụng có hiệu quả hình thức phun ẩm đoạn nhiệt nhằm giảm nhiệt độ trong không khí cấp cho công nhân.

- * Xử lý nước thải khu công nghiệp

- Đối với nước thải công nghiệp: các nhà máy chịu trách nhiệm xử lý sơ bộ nước thải của mình. Để giảm thiểu các chi phí cho xử lý nước thải, các nhà máy có đặc tính nước thải tương đối giống nhau có thể cùng tiến hành xử lý sơ bộ.

- + Nước thải có chứa hàm lượng lớn cặn lơ lửng, các chất vô cơ khó phân hủy sinh học cần tiến hành trung hòa sau đó keo tụ, lắng và tách cặn ra khỏi nước.

+ Nước thải có chứa các thành phần có độc tính cao như kim loại nặng, các chất hữu cơ bền vững, chất hoạt động bề mặt (công nghiệp đóng tàu, lắp ráp, cơ khí, sản xuất VLXD) có thể áp dụng một số giải pháp như: hấp thụ bằng than hoạt tính; oxy hoá bằng tác nhân hoá học.

2. Bảo vệ môi trường đất và hệ sinh thái trong khu vực quy hoạch.

Xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước mưa, nước thải và các hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đạt TCVN cho các khu vực giải trí tập trung và khu dân cư.

Tận dụng thảm thực vật có sẵn bên các đồi thấp trong khu vực quy hoạch nhằm đảm bảo sự thích nghi loài. Hạn chế việc thay thế thảm thực vật mới trên nền thực vật bản địa (với các loài có tán rộng, cao) trong quá trình xây dựng các khu du lịch sinh thái khu vực đồi thấp.

Giáo dục môi trường cho cộng đồng dân cư xung quanh, khuyến khích nhân viên tham gia vào các dự án tự nguyện làm sạch biển, giáo dục khách du lịch về cách họ có thể đóng góp vào các nỗ lực bảo tồn đa dạng sinh thái địa phương.

3. Các giải pháp ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Biến đổi khí hậu (BĐKH) là sự thay đổi của hệ thống khí hậu, bao gồm: khí quyển, thủy quyển, sinh quyển, thạch quyển ở thời điểm hiện tại và trong tương lai bởi các nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo trong một giai đoạn nhất định.

Nhận thức rõ ảnh hưởng của BĐKH, một trong những thách thức lớn nhất đối với nhân loại trong thế kỷ 21 và là một quá trình không thể đảo ngược, Việt Nam luôn coi nhiệm vụ “Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường” là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của đất nước.

3.1. Tình hình chung về biến đổi khí hậu, nước biển dâng ở khu vực.

Biến đổi khí hậu toàn cầu đang diễn ra nghiêm trọng. Biểu hiện rõ nhất là sự nóng lên của trái đất, hiện tượng băng tan, nước biển dâng cao; là các hiện tượng thời tiết bất thường, bão lũ, sóng thần, động đất, hạn hán và giá rét kéo dài.... gây thiệt hại nặng nề về người và của, gây ra tình trạng thiếu lương thực, thực phẩm và nước ngọt, xuất hiện hàng loạt dịch bệnh trên người, gia súc, gia cầm... BĐKH còn kéo theo sự thay đổi của thời tiết, ảnh hưởng trực tiếp đến cây trồng và vật nuôi, ảnh hưởng đến sản xuất nông, lâm, công nghiệp và nuôi trồng đánh bắt thủy hải sản. Biến đổi khí hậu đã và sẽ tác động nghiêm trọng đến sản xuất, đời sống và môi trường trên phạm vi toàn thế giới.

Ở Việt Nam, trong vòng 50 năm qua nhiệt độ trung bình đã tăng khoảng 0,5 - 0,7°C, mực nước biển đã dâng khoảng 20cm. Hiện tượng El Nino, La Nina ngày càng tác động mạnh mẽ. Biến đổi khí hậu thực sự đã làm cho những thiên tai, đặc biệt là bão, lũ và hạn hán ngày càng khốc liệt.

Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu. Tác động của biến đổi khí hậu đối với nước ta là rất nghiêm trọng, là nguy cơ hiện hữu cản trở mục tiêu xoá đói giảm nghèo, cản trở việc thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ và sự phát triển bền vững của đất nước.

Trong những năm qua, dưới tác động của biến đổi khí hậu, tần suất và cường độ thiên tai ngày càng gia tăng, gây ra nhiều tổn thất to lớn về người, tài sản, các cơ sở hạ tầng về kinh tế, văn hóa, xã hội, tác động xấu đến môi trường.

Biến đổi khí hậu đe dọa nghiêm trọng đến an ninh lương thực và phát triển nông nghiệp: Thu hẹp diện tích đất nông nghiệp, tác động lớn đến sự sinh trưởng, năng suất cây trồng, thời vụ gieo trồng, làm tăng nguy cơ lây lan sâu bệnh hại cây trồng; ảnh hưởng tới thời gian thích nghi của cây trồng; ảnh hưởng đến sinh sản, sinh trưởng, tăng khả năng sinh bệnh, truyền dịch của gia súc, gia cầm.

Do tác động của biến đổi khí hậu, tài nguyên nước phải chịu thêm nguy cơ suy giảm do hạn hán ngày một tăng, ảnh hưởng trực tiếp đến nông nghiệp, cung cấp nước ở nông thôn và thành thị. Chế độ mưa thay đổi có thể gây lũ lụt nghiêm trọng vào mùa mưa, và hạn hán vào mùa khô, tăng mâu thuẫn trong khai thác và sử dụng tài nguyên nước.

Biến đổi khí hậu, nước biển dâng dẫn tới sự thu hẹp diện phân bố địa lý của vùng ven biển. Nước biển dâng làm gia tăng quá trình xâm nhập mặn ở khu vực ven biển dẫn đến thu hẹp diện tích đất nông nghiệp, hệ số sử dụng đất có thể giảm từ 3-4 lần/năm xuống còn 1-1,5 lần/năm. Ngập mặn sẽ nghiêm trọng với vùng đa dạng sinh học. Mực nước biển dâng, các công trình bảo vệ bờ biển (kè, đê biển...), cảng sẽ phải chịu tác động gia tăng của sóng do chiều sâu nước trước công trình tăng lên và mất bãi do xói lở hoặc biến mất của dải rừng phòng hộ. Mực nước biển dâng kèm mưa bão lớn hơn có thể sẽ gây ngập lụt, phá hủy cơ sở hạ tầng ở các vùng duyên hải như đường giao thông, cầu cống và hệ thống ống dẫn.

Khí hậu huyện Diễn Châu hàng năm mang tính chất chuyển tiếp giữa khí hậu Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Nhìn chung, khí hậu chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có 2 mùa rõ rệt và biên độ chênh lệch giữa hai mùa khá cao, mùa nóng từ tháng 5 đến tháng 9, nhiệt độ trung bình từ 23,5- 24,5°C, tháng nóng nhất là tháng 7, nhiệt độ có thể lên tới 40 °C. Mùa lạnh từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau, nhiệt độ trung bình từ 19,5- 20,5 °C. Diễn Châu có lượng mưa phân bố không đều mà tập trung chủ yếu vào nửa cuối tháng 8 đến tháng 10, đây là thời điểm thường diễn ra lũ lụt. Diễn Châu có 2 hướng gió chính là gió mùa Đông Bắc từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau và gió Đông Nam mát mẻ từ biển Đông thổi vào mà nhân dân gọi là gió Nồm, xuất hiện từ tháng 5 đến tháng 10. Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn ảnh hưởng bởi gió Lào thường xuất hiện vào tháng 6, 7, 8 đã gây ra

khô, nóng và hạn hán ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống sinh hoạt của người dân trên phạm vi toàn huyện.

Khi Quy hoạch chung đô thị Phú Diễn đi vào xây dựng và hoạt động, các hoạt động sản xuất và tiêu thụ năng lượng sẽ tăng cường mạnh mẽ, đặc biệt là trong phát triển công nghiệp, giao thông vận tải, phát triển đô thị, làm tăng lượng phát thải khí nhà kính. Điều này đi ngược lại xu thế chung của quốc tế đòi hỏi mỗi Quốc gia, không phụ thuộc là nước phát triển hay đang phát triển, đều phải giảm phát thải khí nhà kính nhằm góp phần bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất.

Vì vậy, đòi hỏi chúng ta phải có những nỗ lực hơn nữa trong các chính sách, biện pháp tăng cường nhận thức và năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu, song song với xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế nhằm tăng cường sức cạnh tranh của nền kinh tế và vị thế quốc gia trên trường Quốc tế.

3.2. Các giải pháp ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Hiện đại hóa hệ thống quan trắc và công nghệ dự báo khí tượng thủy văn bảo đảm cảnh báo, dự báo sớm các hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan.

- Nâng cao chất lượng rừng, trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, bảo đảm khai thác hiệu quả các loại rừng để duy trì và nâng cao khả năng phòng chống thiên tai, chống sa mạc hóa, xâm thực, suy thoái đất.

- Nghiên cứu và triển khai các giải pháp cụ thể để phòng chống hiệu quả thiên tai, lũ quét và sạt lở đất; duy trì và vận hành có hiệu quả lâu dài.

- Phát huy phương châm “4 tại chỗ” đồng thời với củng cố và tăng cường năng lực cho lực lượng tìm kiếm cứu nạn chuyên nghiệp, làm nòng cốt cho việc chỉ đạo phối hợp và hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng tìm kiếm cứu nạn để chủ động ứng phó khi có tình huống cấp bách xảy ra.

- Duy trì hợp lý và bền vững quỹ đất cho nông nghiệp để đảm bảo an ninh lương thực trong điều kiện biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu và thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện của biến đổi khí hậu để phát triển nông nghiệp bền vững.

- Nghiên cứu, phát triển và áp dụng công nghệ sinh học, xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm soát, phòng chống dịch bệnh cây trồng và vật nuôi, áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến hướng tới một nền nông nghiệp hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm soát, phòng chống dịch bệnh cây trồng và vật nuôi trong điều kiện biến đổi khí hậu.

- Xây dựng, nâng cấp hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất; tăng cường khả năng cấp nước trong mùa khô và điều tiết lũ trong mùa mưa.

- Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo xác định nhiệm vụ chiến lược đến năm 2030 đối với việc ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng bao gồm: Tăng cường năng lực giám sát biến đổi khí hậu, dự báo, cảnh báo, hệ thống truyền tin cảnh báo sớm rủi ro trên biển và vùng ven biển để chủ động ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu; định kỳ cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Đến năm 2030, hệ thống dự báo, cảnh báo thiên tai, tác động của biến đổi khí hậu được hiện đại hóa và được kết nối thông suốt. Nâng cao khả năng chống chịu và phục hồi của hệ thống tự nhiên và xã hội vùng biển và ven biển trước các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu; phát triển mô hình cộng đồng ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu; giám sát tác động của biến đổi khí hậu đến các ngành kinh tế biển và đời sống, sinh kế cộng đồng trên vùng biển và ven biển.

- Triển khai các giải pháp ứng phó, trong đó có giải pháp ứng phó dựa vào hệ sinh thái và các giải pháp dựa vào tự nhiên thông qua việc bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái biển và ven biển nhằm giảm thiểu thiệt hại do nước biển dâng, xâm nhập mặn, lũ lụt, hạn hán và các tác động liên quan khác đối với vùng biển và ven biển. Chủ động chuẩn bị các phương án, điều kiện phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo phù hợp với từng ngành kinh tế biển, các vùng biển và ven biển.

- Diễn Châu có nhiều dòng chảy thoát nước và độ dốc thoát khác nhau nên ưu tiên thoát nước theo tự nhiên.

- Tăng cường mở rộng lòng sông, làm đường, kè chống xói lở ven sông Bùng, Lạch Vạn, dọc bờ xã Diễn Kim, nạo vét thường xuyên, mở rộng các khu vực mặt nước (ao, hồ) và dòng chảy (kênh, mương) nâng cao sức chứa và chống ngập úng cục bộ.

- Cải tạo, nắn thẳng và khơi thông một số đoạn sông Bùng, Lạch Vạn... để tăng khả năng và tốc độ tiêu thoát nước.

- Có giải pháp cải tạo, gia cố các tuyến đê xung yếu; Ngăn chặn tình trạng sạt lở đê đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng.

- Trồng, phục hồi rừng phòng hộ bờ biển tại xã Diễn Kim, Diễn Ngọc, Diễn Bích, Diễn Thành, kết hợp phát triển hạ tầng kỹ thuật nhằm tăng khả năng giữ nước, chống xói mòn, nâng cao độ che phủ, nhằm giảm nhẹ xâm thực, bão biển và triều cường, nước biển dâng giảm thiệt hại do thiên tai, lũ lụt, sạt lở đất, bảo vệ các công trình hạ lưu, điều hòa khí hậu, duy trì và phát triển sinh kế bền vững; có biện pháp phòng chống cháy rừng hiệu quả.

- Xây dựng và triển khai các mô hình khu đô thị xanh, khu dân cư xanh.

- Sử dụng điện tiết kiệm trong sinh hoạt và sản xuất.
- Đẩy mạnh nghiên cứu và triển khai các công nghệ xử lý chất thải tiên tiến; ứng dụng công nghệ xử lý rác thải hiện đại; giảm thiểu chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải nhằm giảm phát thải khí nhà kính. Tăng cường năng lực quản lý, xử lý và tái sử dụng nước thải công nghiệp và sinh hoạt.
- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và các thành phần xã hội về các vấn đề biến đổi khí hậu.
- Nâng cao nhận thức vệ sinh và văn hóa gia đình của công chúng thông qua các chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường, xây dựng mô hình vườn - ao - chuồng xanh sạch đẹp.
- Tổ chức hệ thống cảnh báo dịch bệnh. Đẩy mạnh thực hiện chương trình chống bệnh truyền nhiễm (tiêm phòng, phun thuốc diệt côn trùng,..).
- Đưa kiến thức cơ bản về biến đổi khí hậu vào trong các chương trình giáo dục - đào tạo.

IX. CÁC GIẢI PHÁP KIỂM SOÁT MÔI TRƯỜNG

1. Phương hướng chung.

- Phải có biện pháp xử lý ô nhiễm nhất là ô nhiễm bụi, ô nhiễm môi trường nước đối với các cơ sở sản xuất, các khu sản xuất công nghiệp, nhất là các khu, cụm công nghiệp chế biến khoáng sản, chế biến thực phẩm .v.v..
- Phải có hệ thống xử lý ô nhiễm chất thải nguy hiểm như chất thải y tế, chất độc hại các khu công nghiệp. Các chất thải y tế, chất thải độc hại phải được xử lý triệt để.
- Các khu dân cư phải bố trí tổ chức một cách đầy đủ, chặt chẽ, khoa học hệ thống thu gom chất thải rắn, nước thải để đưa nước thải, chất thải rắn ra khỏi địa bàn các khu dân cư theo đúng qui định.
- Tăng cường mật độ cây xanh ở những nơi còn đất trống để đạt được tiêu chuẩn cây xanh trong đô thị. Tổ chức không gian cây xanh, các không gian mở trong đô thị, tổ chức không gian cây xanh đường phố, khu nhà ở, khu công nghiệp, các công viên lớn, vườn hoa nhỏ và vừa, vườn ươm cây xanh, tạo điều kiện chủ động phát triển cây xanh đô thị phong phú.
- Bố trí các nhà máy trong các khu, cụm công nghiệp cần phân chia thành các nhóm, cụm các nhà máy thành các nhóm ngành theo mức độ ô nhiễm nặng, trung bình hay nhẹ để bố trí hợp lý.

2. Các giải pháp về kỹ thuật.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng trong các khu dân cư đô thị, các cơ sở công nghiệp bao gồm cả hệ thống giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước,

hệ thống đê quai ngăn mặn, đê quai chống lũ, hệ thống xử lý rác thải, hệ thống cấp điện, chiếu sáng, hệ thống thông tin liên lạc phải được thiết kế, xây dựng đồng thời, đồng bộ để đảm bảo yêu cầu và thuận tiện trong xây dựng, sửa chữa, vận hành, tiết kiệm sử dụng đất đai; Phải tuân thủ theo các qui chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam, đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Phải bố trí địa điểm tạm lưu giữ chất thải rắn trong các khu đô thị, các khu & cụm công nghiệp; phải xác định rõ cơ sở tiếp nhận và xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại của các cơ sở sản xuất, nhà máy, khu kinh tế, khu công nghiệp.

- Phải thực hiện tách riêng hoàn toàn hệ thống thoát nước thải với hệ thống thoát nước mưa. Mạng lưới thu gom nước thải công nghiệp phải có vị trí, cao độ các hố ga phù hợp để đầu nối với các điểm xả nước thải của các cơ sở, danh nghiệp sản xuất trong khu kinh tế, khu công nghiệp

- Giải pháp giảm nhẹ xâm thực, bão biển và triều cường cho khu vực đô thị cần thực hiện một số giải pháp sau:

- + Trồng, phục hồi rừng phòng hộ dọc bờ biển tại xã Diên Kim, Diên Ngọc, Diên Bích, Diên Thành nhằm giảm nhẹ xâm thực, bão biển và triều cường.

- + Xây dựng công trình phải đảm bảo gắn liền với việc bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan, thân thiện với môi trường và thích ứng được với những thay đổi của thời tiết, nước biển dâng.

- + Không chế cốt nền khi trong xây dựng nhà ở và các công trình dân dụng khác. Cần đưa ra cốt nền chuẩn khi xây dựng nhà ở và đường giao thông để tránh tình trạng mỗi lần nước dâng lại nâng nền khiến việc ngập úng không giải quyết triệt để.

- + Hình thành các khu dân cư tập trung thích ứng với tình hình BĐKH đang diễn ra.

- + Nạo vét các tuyến kênh trục chính để hình thành các tuyến dân cư và đưa các hộ nằm sâu trong ruộng đồng ra xen ghép các hộ hiện hữu tại tiểu vùng ngập úng hay vùng trũng. Hình thành các tuyến dân cư mới theo các trục kênh chính đồng thời đầu tư cơ sở hạ tầng, thủy lợi, chống ngập, ổn định cuộc sống cho nhân dân.

- + Đầu tư, củng cố, bảo vệ và nâng cấp, kiên cố hóa đê biển dọc các xã Diên Kim, Diên Ngọc, Diên Bích, Diên Thành, kết hợp đồng thời sử dụng làm hệ thống đường giao thông ven biển, đê sông Bùng, Lạch Vạn;

- + Tiếp tục nâng cấp xây dựng các kênh thoát nước đã tính toán theo quy hoạch; nâng cấp cống baraj; bổ sung hệ thống các cống ngăn và xả nước tại các vị trí kênh thoát nước đổ ra biển để đảm bảo ngăn được nước biển xâm thực trong

điều kiện khi thủy triều lên bình thường cũng như khi có sự trùng hợp giữa triều dâng và bão lớn.

+ Hoàn chỉnh xây dựng hệ thống thoát nước dưới đường để đảm bảo thoát nước nhanh cho thành phố trong trường hợp lượng mưa tập trung thời gian dài, gây ngập cục bộ.

3. Chương trình quản lý giám sát môi trường.

- Phải xây dựng và thực hiện các nội dung về bảo vệ môi trường trong các khu dân cư, các khu đô thị, các khu, cụm công nghiệp đã được quy định trong các văn bản qui phạm, pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Chính quyền đô thị, Ban quản lý các khu, cụm công nghiệp phải có tổ chức chuyên môn, cán bộ phụ trách về bảo vệ môi trường theo qui định tại Nghị định số 81/2007/NĐ-CP của Chính phủ về qui định tổ chức bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường tại cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước

- Các Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp phải có bộ phận chuyên môn hoặc cán bộ phụ trách về môi trường theo qui định của Pháp luật

- Các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ trong các khu kinh tế, các khu công nghiệp bố trí cán bộ kiêm nhiệm theo dõi công tác bảo vệ môi trường

- Quy hoạch xây dựng các cụm, khu công nghiệp phải bố trí không gian các khu chức năng hợp lý, rõ ràng, phù hợp với tính chất hoạt động của từng khu, đảm bảo giảm thiểu các tác động xấu đối với môi trường xung quanh và giữa các khu chức năng với nhau. Khu công nghiệp và các dự án cơ sở sản xuất trong các khu CN phát sinh nhiều nguồn khí thải và tiếng ồn phải được bố trí ở cuối hướng gió chủ đạo. Đối với cụm công nghiệp & khu công nghiệp và được cách ly với khu đô thị và các khu chức năng khác bằng các dải cây xanh có chiều rộng đảm bảo theo qui định; Các dự án, cơ sở sản xuất phát sinh nhiều nước thải phải được bố trí gần nhau và ở cuối nguồn nước của khu vực.

- Quy hoạch sử dụng đất các khu chức năng của khu vực phải phù hợp với điều kiện tự nhiên, hiện trạng môi trường của khu vực và kế hoạch phòng chống thiên tai (động đất, bão lụt, trượt lở đất, nước biển dâng..)

- Quy hoạch các cụm, khu công nghiệp phải phù hợp với quy hoạch, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của đô thị, hạn chế sử dụng đất canh tác nông nghiệp có năng suất, hiệu quả kinh tế cao, tuyệt đối không xâm phạm các khu vực bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn các di tích, đảm bảo phát triển bền vững, đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Quy hoạch các cụm, khu công nghiệp phải lập báo cáo đánh giá môi trường theo qui định của pháp luật. Quy hoạch xây dựng các cụm, khu công nghiệp phải

tạo điều kiện giành đất thích hợp tối thiểu đạt 15% tổng diện tích đất khu, cụm công nghiệp để trồng, phủ kín cây xanh

- Công tác bảo vệ môi trường phải được thực hiện thường xuyên, lấy phòng ngừa là chính trong tất cả các giai đoạn, từ: lập quy hoạch xây dựng, chuẩn bị đầu tư, thi công xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, thi công xây dựng các dự án đầu tư và trong quá trình hoạt động của các dự án.

Phần VII : CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

I. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ.

1.1. Nguyên tắc xác định các dự án ưu tiên đầu tư.

- Các danh mục ưu tiên đầu tư phải phù hợp với mục tiêu phát triển và điều kiện thực tế của huyện, cũng như các chính sách của tỉnh và Quốc gia.

- Ưu tiên các dự án hạ tầng khung diện rộng, các công trình đầu mối đảm bảo kết nối với các huyện và định hướng chung của các tỉnh, các khu vực phát triển đô thị và nông thôn.

- Ưu tiên các dự án đầu tư phát triển để huyện đạt tiêu chí huyện Nông thôn mới, khu vực đô thị Phủ Diễn đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV năm 2025 và đô thị loại III năm 2030 (tiền đề để phát triển huyện Diễn Châu trở thành thị xã); khu vực có cụm công nghiệp, khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh được xếp hạng cấp quốc gia, cấp tỉnh...để làm động lực phát triển kinh tế của huyện.

- Ưu tiên các dự án đầu tư hạ tầng kết nối giữa khu vực các xã phía Tây Bắc, và phía Đông Nam, kết nối giữa đô thị Phủ Diễn với các tuyến giao thông đối ngoại.

- Ưu tiên các dự án có giải pháp bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xã hội của huyện.

1.2. Các chương trình chiến lược phát triển.

- Chương trình phát triển hệ thống hạ tầng khung của đô thị Phủ Diễn gắn với mạng lưới hạ tầng chung của tỉnh, của vùng.

- Chương trình phát triển các Khu công nghiệp, nông nghiệp chất lượng cao, các khu kho vận, cảng biển, các khu thương mại dịch vụ, trung tâm khoa học công nghệ.

- Chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với nông thôn mới.

- Chương trình quảng bá và phát triển các sản phẩm Du lịch.

- Chương trình bảo vệ môi trường gắn với nâng cao chất lượng sống và phát triển bền vững.

- Chương trình bảo vệ và phát huy các giá trị cảnh quan, di tích văn hóa lịch sử, văn hóa dân gian tại địa phương, văn hóa cộng đồng.

1.3. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư.

- Xây dựng khu hành chính trung tâm huyện (Trụ sở làm việc liên cơ quan UBND huyện, Quảng trường, TT Văn hóa, TT & Truyền thông);

- Nâng cấp và làm mới trụ sở ủy ban các xã Diễn Bích, Diễn Ngọc, Diễn Hoa.

- Nâng cấp và làm mới trường mầm non, tiểu học, THCS để đạt tiêu chí trường đạt chuẩn Quốc Gia của các xã.
- Xây dựng các khu TMDV trong đô thị, dọc trục QL 1A, QL 7
- Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Diên Châu;
- Công viên cây xanh sông Bùng.
- Chương trình nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng.
- Đầu tư, giải phóng mặt bằng, giải tỏa và thực hiện hệ thống không gian cây xanh cảnh quan hai bên sông Bùng, sông Lạch Vạn và ven biển.

II. CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỢT ĐẦU:

1. Nguyên tắc thiết kế.

- Đáp ứng phát triển đô thị trong giai đoạn xây dựng đợt đầu.
- Phân kỳ đầu tư những công trình giao thông không khai thác hết công suất trong giai đoạn đầu nhằm đảm bảo yêu cầu về kinh tế.
- Phát triển công trình có tính chất đón đầu, khắc phục các vấn đề giao thông bức xúc ở giai đoạn hiện nay.

2. Giao thông xây dựng đợt đầu.

(1) Giao thông đối ngoại:

a. Đường bộ:

- Tuyến đường tránh thị trấn Diên Châu (46m).
- Tuyến đường trục trung tâm Yên Thành – Diên Hoa – Diên Kim (60m).
- Tuyến đường trục chính khu trung tâm tại xã Diên Hoa (45m).

b. Đường thủy:

- Gia cố bờ đê, nạo vét sông Bùng trong khu vực.
- Gia cố bờ đê, nạo vét lạch Vạn trong khu vực.

(2) Giao thông nội thị:

- Tuyến đường trục trung tâm Đông Tây chỉ giới 36m.
- Tuyến đường trục chính đô thị chỉ giới 36m.
- Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống giao thông hiện trạng.
- Tập trung hoàn chỉnh các tuyến, công trình nối kết với hệ thống giao thông đối ngoại xây dựng đợt đầu.
- Phân kỳ đầu tư một phần các tuyến giao thông trục chính.

3. Chuẩn bị kỹ thuật xây dựng đợt đầu.

(1) San nền:

- Trong những năm tới cần tôn nền ở những khu vực xây dựng mới.

(2) Thoát nước:

- Xây dựng các tuyến cống dọc các đường phố của khu trung tâm hiện chưa có.
- Tiếp tục nâng cấp và tu sửa những tuyến cống hiện có.
- Xây dựng hệ thống cống thu nước mưa dọc các trục đường dự kiến xây dựng đợt đầu, cụ thể: Các tuyến cống tại các khu dân cư mới, khu công viên và khu dân cư, khu trường học, khu trung tâm...

4. Cấp nước đợt đầu.

a. Công trình đầu mối:

- Nâng cấp nhà máy nước giai đoạn 1 đạt công suất 13.400 m³/ng.đêm và các tuyến đường ống chính cấp nước cho các xã.

b. Mạng lưới đường ống:

Giai đoạn đầu chủ yếu tận dụng những tuyến ống đã có, xây dựng thêm một số tuyến ống tạo thành mạng vòng khép kín đảm bảo cấp nước an toàn cho giai đoạn đầu.

5. Cấp điện đợt đầu.

Nâng cấp trạm phân phối Diên Châu 110/35/22-10KV-(16+40)MVA.

Nâng cấp các trạm biến áp và đường dây trung thế đã cũ.

6. Thoát nước thải, quản lý CTR nghĩa trang đợt đầu.

(1) Thoát nước thải:

- Trong giai đoạn đầu việc xây dựng và dự trữ đất cho các trạm bơm, trạm làm sạch được thiết kế cho giai đoạn dài hạn, nhưng lắp đặt máy bơm và xây dựng trạm làm sạch theo công suất đợt đầu.

Dự kiến xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải cụ thể như sau:

Địa điểm 1: Vị trí trạm xử lý tập trung tại xóm 2 xã Diên Thành (công suất 10.500 m³/ng.đêm)

Địa điểm 2: Vị trí trạm xử lý tập trung tại xã Diên Ngọc (công suất 4.500 m³/ng.đêm).

(2) Chất thải rắn (CTR):

Toàn bộ CTR sinh hoạt thải ra hàng ngày trong khu vực thiết kế được thu gom và vận chuyển đến khu xử lý CTR của đô thị.

(3) Nghĩa trang:

- Cần thúc đẩy triển khai thực hiện dự án xây dựng khu nghĩa trang công viên xã Diên Kỷ trong đợt đầu để đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

7. Tổng kinh phí ước tính xây dựng đợt đầu:

DANH MỤC VÀ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN ƯU TIÊN GIAI ĐOẠN ĐỢT ĐẦU ĐẾN NĂM 2030

TT	Danh mục đầu tư	Khái toán tổng mức	Quy mô	Nguồn vốn
		(tỷ đồng)		
I	Đô thị	3,000		
1.1	Hạ tầng đô thị Phủ Diên (Vùng trung tâm)	3,000	3.800ha	Ngân sách + xã hội hóa
II	Hạ tầng kỹ thuật	955		
2.1	Giao thông	390	km	
	Đường tránh thị trấn Diên Châu (46m)	250	9.6	Ngân sách
	Đường trục trung tâm Yên thành - Diên Hoa - Diên Kim (60m)	80	4.0	Ngân sách
	Đường trục chính khu trung tâm tại xã Diên Hoa (45m)	60	6.0	Ngân sách
2.2	San nền, thoát nước	110	km	
	Gia cố bờ đê, nạo vét sông Bùng đoạn đô thị Phủ Diên	50	5	Ngân Sách
	Gia cố bờ đê, nạo vét Lạch Vạn đoạn Diên Bích Diên Vạn	60	6	Ngân Sách
2.3	Cấp nước	190		
	Nâng cấp mở rộng NMN Diên Châu (giai đoạn 1)	190	13.400 m3/ngđ	Ngân Sách+xã Hội Hóa
2.4	Thoát nước thải và vệ sinh môi trường	230		
	Xây dựng hệ thống và 2 trạm xử lý nước thải	230	15.000 m3/ngđ	Ngân Sách+xã Hội Hóa
2.5	Cấp điện	35		
	Nâng cấp trạm 110kV Diên Châu	35	2x40 MVA	Điện Lực
	Tổng cộng	3,955		

Tổng kinh phí xây dựng đợt đầu: 3.955 tỷ đồng.

III. CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN:

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách.

Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách ưu đãi do Trung ương, tỉnh ban hành; Thực hiện Đề án Xây dựng đô thị trung tâm huyện Diên Châu đạt tiêu chí đô thị loại IV, làm tiền đề cho huyện Diên Châu thành thị xã trước năm 2030. Trên cơ sở

đó hoàn thiện cơ chế chính sách của địa phương trong thẩm quyền theo hướng hỗ trợ tối đa nhà đầu tư về thủ tục, GPMB, nhằm hấp dẫn và động viên các nguồn lực.

2. Giải pháp về huy động vốn đầu tư.

Tích cực và chủ động trong công tác xúc tiến đầu tư, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm. Phát huy tối đa lợi thế về vị trí, vai trò là thị xã thương mại dịch vụ phía Đông của tỉnh. Tranh thủ tối đa các nguồn vốn tỉnh, vốn trung ương và các nguồn vốn ngoài ngân sách.

a) Vốn ngân sách nhà nước.

- Thu hút đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, các chương trình ưu đãi của tỉnh như:

+ Huy động nguồn vốn từ cơ chế chính sách, đặc thù thông qua nguồn thu sử dụng đất để xây dựng đô thị.

+ Xây dựng dự án có tính khả thi cao, sớm phát huy hiệu quả để tranh thủ sự hỗ trợ của các ngành cấp tỉnh và Trung ương.

+ Quản lý và thực hiện tiết kiệm vốn đầu tư của Nhà nước theo đúng mục đích, chương trình và đúng đối tượng.

+ Bố trí thực hiện tốt vốn đối ứng bằng nguồn thu, tiết kiệm chi ngân sách. Tăng tỷ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế của huyện.

+ Giải phóng mặt bằng kịp thời phục vụ nhu cầu các dự án đầu tư của tỉnh và Trung ương trên địa bàn.

b) Vốn doanh nghiệp, vốn đầu tư từ nước ngoài và vốn ngoài huyện.

- Thực hiện cải cách hành chính mạnh mẽ, tạo thông thoáng trong lĩnh vực đầu tư và có các biện pháp khuyến khích, kêu gọi các doanh nghiệp trong và ngoài huyện, con em của huyện từ các nơi về đầu tư xây dựng, mở rộng sản xuất kinh doanh, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

- Tăng cường hơn nữa công tác quảng bá, tiềm năng, thế mạnh của huyện nhằm thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài.

- Tạo điều kiện thuận lợi (giá thuê đất và chính sách sử dụng đất, giải phóng mặt bằng, cung cấp dịch vụ hạ tầng...) cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư vào huyện. Phát huy hoạt động của hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Vốn ngân sách huyện:

Huy động ngân sách huyện ngoài việc thu thuế và các nguồn thu khác, đề nghị UBND tỉnh đồng ý chủ trương đấu giá đất ở những vị trí sinh lợi cao (dọc đường trục chính, khu thương mại...) để có điều kiện tăng vốn đầu tư vào xây dựng hạ tầng phúc lợi.

Vốn huy động trong dân

Huy động vốn nhân rồi trong dân, động viên sức lao động tham gia xây dựng nông thôn mới; thực hiện xã hội hoá một số lĩnh vực, tham gia các hoạt động phát triển hạ tầng (điện, đường, trường, trạm, bảo vệ môi trường...) theo phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm.

3. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực.

Nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, chú trọng đào tạo và liên kết đào tạo nghề theo hướng nghề chất lượng cao và truyền nghề ở các làng nghề truyền thống.

4. Giải pháp về khoa học và công nghệ.

Tạo cơ chế để ứng dụng thành tựu của công nghệ 4.0 vào sản xuất, chú trọng sản xuất Nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ mới và thủ công truyền thống, trong đó có thương mại điện tử để hướng tới thị trường rộng hơn.

5. Giải pháp về quản lý và giám sát thực hiện quy hoạch.

Tăng cường quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn; quy hoạch chuyên ngành... Nâng cao trách nhiệm kiểm soát của chính quyền, đoàn thể và sự tham gia của cộng đồng đối với công tác quản lý và thực hiện theo quy hoạch, tránh tình trạng phát triển tự phát.

Phần VIII

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ QUY HOẠCH XÂY DỰNG

I. YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG QUẢN LÝ

- Khu vực đô thị cũ: Tăng cường cải tạo chỉnh trang, phát triển trên cơ sở cải tạo hệ thống hạ tầng xã hội (các trung tâm dịch vụ cộng đồng), hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước thải VSMT ...) tăng cường cây xanh, không gian trống (đặc biệt về các sân chơi, bãi tập ...) nhằm nâng cao điều kiện làm việc, sinh hoạt và nghỉ ngơi tốt hơn.

Kiểm soát chặt chẽ các công trình xây dựng đặc biệt các công trình kiến trúc (về mật độ xây dựng, tầng cao tối thiểu và tối đa, hệ số sử dụng đất); về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng (khoảng lùi), tính thống nhất và đa dạng trên các tuyến phố chính.

- Khu vực đô thị phát triển: Quản lý thực hiện theo đúng ý tưởng quy hoạch phát triển, kiểm soát chặt chẽ từ bước cấp đất, lập dự án, xây dựng và sử dụng theo đúng các quy định của quy hoạch chung xây dựng, theo đúng quy trình, quy phạm, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật. Các khu xây dựng mới phải hiện đại đồng thời

mang bản sắc văn hóa truyền thống, hài hòa với khu đô thị cũ và khung cảnh thiên nhiên xung quanh.

Các khu quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan phải tuân thủ theo mặt bằng tổng thể đô thị và ý đồ thiết kế đô thị. Chỉ giới xây dựng, đường đỏ các tuyến đường, diện tích lô đất chức năng và công trình, mật độ xây dựng tối đa tối thiểu, tầng cao tối đa tối thiểu và hệ số sử dụng đất theo quy định quy hoạch sử dụng đất các khu chức năng, theo các đồ án quy hoạch chi tiết và dự án được duyệt.

Quản lý sử dụng khai thác không gian ngầm phải phù hợp các quy định: Tổng hợp đường dây đường ống, phù hợp tình hình địa chất, hạn chế tối đa ảnh hưởng xấu tới cảnh quan, tới các công trình quan trọng.

Các yêu cầu khác căn cứ “Quy định về quản lý quy hoạch chung đô thị Phú Diễn” và “quy chế quản lý kiến trúc đô thị” được duyệt để kiểm soát phát triển.

II. YÊU CẦU VỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ

- Sau quy hoạch chung xây dựng được duyệt, lập “quy định về quản lý quy hoạch chung xây dựng đô thị Phú Diễn” bao gồm các quy định về:

+ Vị trí, vai trò, chức năng, quy mô đô thị và các khu chức năng, quy định bảo tồn tôn tạo các công trình kiến trúc, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích văn hóa lịch sử trong phạm vi quy hoạch.

+ Phạm vi bảo vệ hành lang an toàn cho các công trình hạ tầng Quốc lộ, hành lang an toàn các sông Bùng, Lạch Vạy, Biền và các biện pháp bảo vệ môi trường.

+ Quy định chỉ giới đường đỏ các tuyến phố chính, cốt xây dựng khống chế của đô thị, các khu cấm xây dựng.

+ Quy định các chỉ tiêu: Diện tích, mật độ, tầng cao, hệ số sử dụng đất các công trình quan trọng của đô thị.

+ Phân công và quy định trách nhiệm quản lý quy hoạch xây dựng của các cấp chính quyền đô thị trong việc thực hiện và quản lý quy hoạch chung xây dựng đô thị.

- Quy hoạch chung và quy định quản lý quy hoạch chung đô thị Phú Diễn được duyệt công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để mọi người dân biết để cùng thực hiện, quản lý phát triển. Làm rõ trách nhiệm và quyền lợi của mọi công dân với việc thực hiện quy hoạch được duyệt.

- Củng cố hệ thống cơ quan chuyên ngành chức năng quản lý chỉ đạo xây dựng kể cả kiểm soát, xử lý các vi phạm về trật tự xây dựng, về cấp đất, giải pháp mặt bằng, giao đất, xây dựng theo dự án được duyệt và sử dụng sau xây dựng.

- Phối hợp chặt chẽ giữa Sở xây dựng Tỉnh Nghệ An và phòng kinh tế hạ tầng trong mọi tiến trình và phạm vi trách nhiệm theo phân cấp.

- UBND Tỉnh quan tâm chỉ đạo với vị trí đô thị là trung tâm, bộ mặt của cả Tỉnh; UBND huyện Diễn Châu chỉ đạo cụ thể với vai trò là chủ thể thực hiện.

III. YÊU CẦU VỀ CẬP NHẬT, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH

Quy hoạch phát triển, xây dựng với tốc độ nhanh, luôn luôn có những biến động về kinh tế - xã hội, biến động về không gian đô thị hóa, xây dựng mới nên mặc dầu quy hoạch chung xây dựng được duyệt vẫn phải thường xuyên cập nhật bổ sung, điều chỉnh cục bộ để đáp ứng nhu cầu đầu tư, đáp ứng thực tiễn phát triển kịp thời.

Để phục vụ việc thực hiện quy hoạch song song cần có những chiến lược phát triển riêng của các lĩnh vực với phương châm đa ngành, hợp nhất có như vậy quy hoạch mới có tính khả thi cao, quy hoạch đi vào cuộc sống.

Phần IX

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I.KẾT LUẬN

- Quy hoạch chung đô thị Phủ Diễn mở rộng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 (Giai đoạn đầu đến năm 2030) đã được thực hiện trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu, số liệu và đánh giá những yếu tố tác động liên quan.Trong tính toán các thông số về kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật đã tính đến việc hình thành đô thị Phủ Diễn đạt tiêu chí đô thị loại IV, làm tiền đề cho huyện Diễn Châu trở thành thị xã trước năm 2030. Quy hoạch được phê duyệt sẽ là cơ sở cho việc quản lý quy hoạch, xây dựng và xúc tiến đầu tư, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Quy hoạch chung vẫn chỉ là định hướng, đưa ra những ý tưởng lớn, khung phát triển chính, giải pháp cơ bản. Do đó, để triển khai thực hiện cần phải cụ thể hóa bằng các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, các chương trình dự án đầu tư...vv hình thành một hệ thống quy hoạch, thiết kế đồng bộ.

- Quy hoạch là bước đầu trong ba bước gắn bó liên tục giữa Quy hoạch - Kế hoạch - Đầu tư xây dựng mới đảm bảo sự hình thành một không gian vật thể hiện đại, hoành tráng mà vẫn giữ được những nét đặc trưng riêng của đô thị Phủ Diễn. Bên cạnh đó cần phải có sự phối hợp đa ngành, tính hợp nhất để đảm bảo tính khả thi cao.

II. KIẾN NGHỊ

- Các cơ quan chức năng và UBND tỉnh Nghệ An sớm xem xét thẩm định, phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Phủ Diễn mở rộng để làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

- Sau khi quy hoạch được duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Diễn Châu cần triển khai lập các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, các chương trình dự án đầu tư đã ghi trong phần quy hoạch xây dựng đợt đầu để cụ thể hóa quy hoạch chung; Xây dựng chương trình phát triển đô thị Phủ Diễn để thúc đẩy sớm hình thành không gian đô thị.

Phần X
CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ KÈM THEO